



FACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

LỪNG DẠNH THẾ GIỚI

Tập Thứ Nhất

KHI VĂN NGHỆ SĨ LÂM ĐIỆP VIÊN



ĐOÀN TỬ HUYẾN (Chủ biên)
NGUYỄN NGỌC HÙNG, NGUYỄN KIỀU DIỆP
biên soạn từ các bản dịch của:
LÊ ĐỨC MÃN - VŨ VIỆT
NGUYỄN XUÂN HÒA - TRẦN BÍCH THƯ
và một số bài lấy từ các báo

© Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây
giữ bản quyền tổ chức và bố cục Bộ sách



CaC

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

L Ừ N G D A N H T H Ế G I Ớ I .

T ậ p T h ữ N h ấ t

KHI VĂN NGHỆ SĨ LÂM ĐIỆP VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Các điệp viên và điệp vụ lừng danh thế giới trong lần in này là một bộ sách gồm bốn tập, kể về cuộc đời, hoạt động và những điệp vụ xuất sắc nhất của các điệp viên hàng đầu trong thế kỷ XIX và XX, - hai thế kỷ ghi dấu ấn công lao của ngành phản gián thời chiến trong suốt một thời kỳ dài của lịch sử thế giới, thời kỳ của những cuộc Nội chiến và Thế chiến. Mỗi tập của cuốn sách giới thiệu một cách chi tiết và sinh động với độc giả về những điệp viên và điệp vụ kỳ tài, cả chuyên nghiệp lẫn được chiêu mộ từ nhiều ngành nghề khác nhau, được chia theo các chủ đề như sau:

Tập 1: *Khi văn nghệ sĩ làm điệp viên*: Các điệp viên là nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh... trong số đó có những người nổi tiếng thế giới về sự nghiệp nghệ thuật, văn chương như Daniel Defoe (với *Robinson Crusoe* bất tử); Ernest Hemingway; Graham Greene (tác giả của *Người Mỹ trầm lặng* rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam); William Somerset Maugham; Kim Philby; John le Carre; và gần gũi với chúng ta là nhà báo - "điệp viên hoàn hảo" Phạm Xuân Ẩn, v.v...

Tập 2: *Người đẹp và ái tình*: Nhân vật chính của tập sách này là các giai nhân, và dĩ nhiên đi kèm cùng với họ như cặp bài trùng, là ái tình. Ở đây có Mata Hari, nữ điệp viên hai mang xinh đẹp với vô số huyền thoại; Louisa de Bettini, nữ điệp viên được coi là xuất sắc nhất của Thế chiến Thứ nhất với những điệp vụ được thực hiện thành công từ việc coi cái chết như một trò đùa; Josephine Baker, vốn là một nữ ca sĩ lừng danh và xinh đẹp với

những hoạt động góp phần tích cực vào thay đổi cục diện của Thế chiến Thứ hai; và nữ đại tá anh hùng tình báo Việt Nam Đinh Thị Vân suốt mấy chục năm âm thầm làm nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm trong lòng địch, v.v...

Tập 3: *Những điệp vụ và những ông trùm*: Tập này dành nói về những điệp vụ nổi tiếng trong lịch sử tình báo thế giới, và bên cạnh đó là những "ông trùm" mật vụ - những nhà tổ chức các mạng lưới điệp viên và các hoạt động tình báo, như Allen Dules - Giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ; Khang Sinh - "trùm mật vụ quái vật", "kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên" trong Cách mạng Văn hoá ở Trung Quốc; Valter Sellenberg - trùm AMT6 của Đức Quốc xã; và Mười Hương - người chỉ huy tình báo huyền thoại trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Tập 4: *Điện viên hành động*: Trong tập sách này tập hợp đông đảo lực lượng chính làm nên sức mạnh của ngành tình báo, phản gián thế giới - các điệp viên trực tiếp hành động trong lòng địch, trên chiến trường, đối mặt với hiểm nguy và cái chết: từ Piot'r Tolstoi - điệp viên quý tộc của Piot'r Đại Đế, Carl Sulmaster - gián điệp vĩ đại của Napoleon; đến Frans fon Rintelen - điệp viên biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất; rồi Richard George - siêu điệp viên của tình báo Xô Viết; Otto Scorseni - điệp viên SS khát máu; và cả Vũ Ngọc Nhạ - vị cố vấn của ba đời Tổng thống ngụy Sài Gòn; Nguyễn Thành Trung - điệp báo viên sau 20 năm ẩn tích ném bom Dinh Độc Lập, v.v...

Ở mỗi tập của bộ sách chúng tôi cố gắng cung cấp tư liệu một cách hệ thống, hy vọng có thể đáp ứng được cả nhu cầu tìm hiểu lẫn giải trí của đông đảo độc giả.

Người biên soạn

DANIEL DEFOE

NHÀ BUÔN - NGƯỜI VIẾT SÁCH - TÊN DO THÁM

Cả cuộc đời Daniel Defoe (1660-1731) là cuộc sống bí ẩn của một con người không được xã hội trọng vọng. Ông đã tự gọi mình là “nhà buôn, người viết sách đả kích, tên do thám”. Nổi tiếng với cuốn Robinson Crusoe, Daniel Defoe còn được ghi danh trong làng tình báo thế giới với tư cách là một trong những bậc thầy của loại hình phản gián.



* Nhà buôn Defoe và những thắng trận của số phận

“Phản gián” là một khái niệm rộng. Đó không chỉ là hoạt động tình báo sẵn tìm thông tin về đối phương như người ta vẫn quan niệm. Đó còn là “biện pháp tích cực” đưa ra những quan điểm của mình để điều khiển đối phương và dư luận, đó là việc tung tin giả và tiết lộ có chủ định... Một trong những bậc thầy của loại hình phản gián trên là Daniel Defoe - tác giả cuốn *Robinson Crusoe* nổi tiếng. Tổ tiên của Daniel Defoe là người Flaman mang họ Defoe nhập cư vào Anh từ cuối thế kỷ XV. Cha ông - James - làm nghề bán thịt và sản xuất nến, vì vậy từ “De” trong họ Defoe đối với gia đình ông là thừa và đã được rút gọn là “Foe”. Mãi đến năm 35 tuổi

Daniel mới lấy lại đầy đủ họ Defoe. Daniel Defoe sinh năm 1660 tại London, trong một gia đình Cơ đốc giáo. Ông nhiều lần bị lên án ăn ở hai lòng, hay thay đổi quan điểm tín ngưỡng, nhưng ông luôn khẳng định chưa bao giờ phản lại lập trường chính thống của mình. Tuy về hình thức ông là tín đồ Cơ đốc, song về thực tế ông có bất đồng và từ bỏ hàng ngũ. Bản tính con người ông phức tạp là vậy. Khi mẹ ông vốn là người Anh chính gốc măt, ông mới mười sáu tuổi và được đưa vào trường nội trú, sau đó theo học trường dòng. Cùng học với ông có một người tên là Timoti Crudsoe sau này trở thành nhà truyền đạo Cơ đốc nổi tiếng. Daniel Defoe đã lấy họ ông ta đặt cho cuốn sách nổi tiếng được viết vào lúc ông đã 50 tuổi.

Tốt nghiệp trường dòng, Defoe biết ba thứ tiếng - Pháp, Tây Ban Nha và Italia (sau này cả tiếng Slav) - và được trang bị đầy đủ kiến thức triết học, lịch sử, địa lý, thậm chí cả tốc ký, nhưng lại theo nghề buôn bán của ông bố. Ông đã đặt chân lên nhiều đất nước châu Âu như Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha..., đã từng rơi vào tay bọn cướp biển. Song ông làm ăn thua lỗ và đã bị phá sản. Sau đó ông phải làm rất nhiều việc, kể cả chăn nuôi cây hương lấy nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất nước hoa, nhưng rồi lại bị khánh kiệt. Ông đã tự bạch: “Mười ba lần tôi ăn nên làm ra giàu có, rồi lại bị khánh tận”. Cả cuộc đời ông là cuộc sống bí ẩn của một con người không được xã hội trọng vọng. Ông đã tự gọi mình là “nhà buôn, người viết sách đả kích, tên do thám”. Trải qua bao thăng trầm, cuối cùng ông đã phải làm gia nhân tùy tùng cho các nhà giàu thuộc giới thượng lưu.

Có một thời Defoe kết thân với hoàng tử Wilhem Oranski - sau này trở thành vua William Đệ Tam của Anh quốc. Defoe còn được Huân tước Thượng thư Robert Garley che chở lấy lại được vị trí của mình. Nhưng không bao lâu sau nhà vua mất do ngã ngựa. Nữ hoàng Anna lên ngôi trị vì. Thời gian này Defoe đã viết hai bài đả kích, trong đó đưa ra những ý kiến trái ngược nhau khiến người đọc không hiểu được tác giả chống ai và ủng hộ ai - chống lại những người Cơ đốc hay ủng hộ họ? Cả hai phía đều phản ứng, khiến ông phải lẩn trốn suốt nửa năm ròng. Tuy nhiên cuối cùng ông vẫn bị bắt và bị kết án bêu cộc. Hình phạt tuy chỉ là tượng trưng nhưng lại rất nguy hiểm: đầu và tay tội phạm bị kẹp chặt vào cột. Phạm nhân bị ném rác rưởi và gạch đá - nhiều khi bị ném đến chết. Defoe bị bêu như vậy ở ba quảng trường tới vài tiếng đồng hồ trong các ngày 29, 30 và 31 tháng 7. Còn những người đọc kỹ các bài đả kích của Defoe lại rất hoan nghênh ông và đã đến tung hoa ủng hộ ông. Huân tước Garley can thiệp đưa ông về nhà làm trợ lý. Ông không những được ân xá của triều đình mà còn được trợ cấp lương. Ông được giao việc in ấn các quan điểm và kiến giải của chính phủ, bất kể thành phần nội các cũng như đường lối chính sách của họ như thế nào.

Năm 1704, Defoe cho xuất bản tờ *Quan sát* của mình. Tờ báo tồn tại 9 năm và được chính phủ - mà vai trò quan trọng là huân tước Garley - bảo trợ. Thế nhưng rõ ràng huân tước và Defoe thuộc hai phái đối lập - huân tước là “người của nữ hoàng Anna”, của Đảng Bảo thủ, còn Defoe thuộc phái tự do, đại diện quyền lợi cho tầng lớp tư sản.

Defoe vẫn giữ cho tờ báo của mình phạm vi tự do nhất định. Ông giới thiệu với độc giả ý nguyện của huân tước mà chính ông cũng cho là cần thiết. Đôi khi có cảm giác mọi ý kiến của Defoe đi ngược với quyền lợi của chính phủ, nhưng thực ra đó chỉ là ấn tượng ban đầu.

* Bước đi đầu tiên của người điép viên ưu tú

Mùa thu năm 1706, Defoe được huân tước giao nhiệm vụ quan trọng đầu tiên. Ông tới Edinburg - thủ đô của xứ Scotland, hồi đó là một quốc gia độc lập. Bên đó ông có nhiệm vụ tìm hiểu tình hình rồi thực hiện "Những biện pháp tích cực" trên tờ báo của mình.

Trong suốt thời gian dài từ năm 1706 đến năm 1714 Defoe đã có 17 chuyến đi do thám vất vả vì đường sá xa xôi. Chính ông đã lên kế hoạch thực thi nhiệm vụ (trong thư gửi huân tước Garley):

1. *Nắm vững toàn bộ tình hình của các phái chống đối lại đường lối hợp nhất của chúng ta, cố gắng ngăn chặn mọi ý đồ của họ.*

2. *Trao đổi với dân địa phương, bằng mọi phương tiện có thể để hướng họ theo chiều có lợi cho việc hợp nhất.*

3. *Bác bỏ trên báo chí mọi phát biểu làm tổn hại tới tư tưởng liên minh, tới người Anh, tới triều đình Anh quốc về mọi mặt có liên quan tới tư tưởng liên minh đó.*

4. *Xóa tan mọi nghi ngờ lẫn khoản của mọi người liên quan tới những âm mưu bí mật chống lại nhà thờ Scotland.*

Trong một lá thư khác gửi huân tước Garley, Defoe đã báo cáo việc thực thi nhiệm vụ của mình. Ông viết:

“Tuy còn chưa chắc chắn về kết quả, nhưng tôi hy vọng ngài sẽ không phải hối tiếc vì đã tin tưởng phái tôi tới đây. Những bước đi đầu tiên của tôi đã rất tốt đẹp, hoàn toàn thành công ở chỗ không ai nghi ngờ tôi có bất kỳ mối quan hệ gì với Anh quốc. Tôi đã rất thận trọng trong các mối quan hệ với tín đồ các giáo phái khác nhau và bọn vô đạo. Tôi nghĩ rằng ngài sẽ không phê phán cách cư xử của tôi. Tôi có những người bạn đáng tin ở mọi nơi, mọi giới, với ai tôi cũng tìm được tiếng nói chung. Với giới doanh nhân tôi hỏi ý kiến xem có nên buôn bán ở đây không, đóng tàu bè như thế nào...” Với luật sư tôi tham khảo chuyện mua bán bất động sản. Như ngài thấy đấy, tôi có ý định đưa gia đình sang đây sinh sống (tiền ở đâu, có trời biết được!). Hôm nay tôi trao đổi với một nghị sĩ về ngành sản xuất thủy tinh, ngày mai tôi nói chuyện với người khác về việc khai thác muối. Với dân nổi loạn ở Glazgo tôi là người buôn cá, với dân vùng biển Abedin tôi lại là người buôn len, còn với cư dân vùng Pec hoặc các khu miền Tây thì mối quan tâm của tôi lại hướng tới vải vóc, tuy nhiên mọi câu chuyện cuối cùng vẫn dẫn tới tư tưởng hợp nhất và dù cho tôi là thế nào đi chăng nữa thì tôi cũng sẽ đạt được một điều gì đó”.

Ở xứ Scotland không phải lúc nào cũng được an toàn: có lần Defoe suýt bị đám đông trên đường phố đánh chết chỉ vì họ nghe thấy ông nói tiếng Anh. Về sau một người còn nói: “Nếu như biết ông ta đến đây do thám thì chúng tôi đã xé xác ông ta ra rồi”.

Defoe đã tạm chuyển từ *Quan sát* của mình đến Edinburg, cho ấn hành đều đặn hai - ba kỳ mỗi tuần. Là tác

giả duy nhất, Defoe viết đủ thể loại - báo, thơ, bút ký, với các bút danh khác nhau: Alexander Goldsmith, Andrew Moreton, Clot Geo... Mùa xuân năm 1707, Defoe đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh được giao phó: Nghị viện của hai nước hợp nhất làm một. Bộ trưởng Gordonphin đề cử Defoe phụ trách thuế quan ở Scotland. Huân tước Garley ngoài mặt đồng ý, nhưng lại ngầm bảo Defoe từ chối để tiếp tục làm điệp viên cho mình.

*** “Phục vụ ngai vàng” và trọng trách của một tên do thám trung thành với chủ**

Defoe từ Scotland trở lại London chưa được bao lâu thì tình hình biến đổi. Huân tước Garley bị bãi nhiệm, thay thế ông là Gordonphin. Defoe thở phào nhẹ nhõm: ông sẽ được giải phóng khỏi nhiệm vụ “phục vụ ngai vàng” vẫn đè nặng vai ông bấy lâu. Nhưng mọi việc lại không như ông mong muốn. Huân tước ra lệnh cho ông không được từ bỏ vị trí. Thế là ông đành phải tiếp tục công việc nô dịch nặng nề trong chính phủ. Gordonphin tiến cử ông với Nữ hoàng. Sau khi tuyên thệ trung thành, Defoe lại đến Scotland với nhiệm vụ theo dõi hoạt động của phái ủng hộ nhà vua Jacob Steward. Ở London, huân tước đã quay trở lại chính trường. Một lần nữa ông ta lại giải cứu Defoe ra khỏi tù - đây là lần thứ ba trong năm 1713 do Defoe không trả được nợ. Nhưng chỉ ngay hôm sau Defoe lại bị bắt giam theo yêu cầu của sứ quán Nga do đã nhạo báng Piot'r Đại Đế là “gấu xứ Siberi”. Defoe phải xin lỗi nhà vua.

* Bút chiến

Sự việc được ém nhẹm, song Defoe lại bị bắt giam. Lần này thì thật nghiêm trọng. Ông bị cáo buộc tội phản quốc. Hai bài báo châm biếm “Điều gì sẽ xảy ra một khi Nữ hoàng băng hà?” và “Bỗng xuất hiện người kế vị” bị coi là âm mưu xúi giục phản loạn và rửa Nữ hoàng lúc này đang bệnh. Một lần nữa huân tước lại đứng ra bênh vực Defoe mặc dù thực chất chính ông ta cũng đang mong đợi cái chết của Nữ hoàng. Cũng như nhiều người kế cận ngôi báu, ông ta cân nhắc xem ai trong số những người kế vị sẽ được nối ngôi.

Nữ hoàng Anna qua đời, Đức vua George Đệ Nhất - đại diện của vương triều Hannove người Đức - đăng quang. Huân tước Garley bị tống giam ở pháo đài Taue. Để trả nghĩa ông ta, Daniel Defoe đã viết cuốn *Sự nghiệp của huân tước Garley* gồm ba tập, đưa ra những tư liệu quan trọng nhất khai thác từ những nguồn tin mật nói về các mưu đồ toan tính của các bộ trưởng và nêu bật vai trò đáng kể của huân tước.

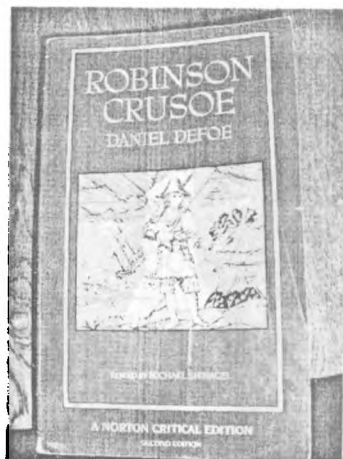
Năm 1717, từ nhiều nguồn tin khác nhau (trong đó có thể cả từ Defoe) chính phủ Anh biết được rằng phái Jacobanh âm mưu dấy lên một cuộc nổi dậy mới mà mọi đầu mối là ở sứ quán Thụy Điển. Ngay lập tức nhà vua Charles thứ mười hai trở thành đối tượng công kích của người Anh. Defoe đã đề đạt kế hoạch. Nhân chuyện chín năm trước, vào năm 1708, nhà vua Thụy Điển đã hành hình ông Patcun - nhà quý tộc xứ Livon trên bánh xe với tội danh làm do thám cho Pie Đại Đế, Defoe đã nhanh chóng viết

bài đả kích nhà vua dưới hình thức bản dịch nguyên gốc câu chuyện của một mục sư chứng kiến những giây phút cuối của Patcun. Ngài đại sứ Thụy Điển đã đòi nghiêm trị tác giả dám phê phán quốc vương của họ. Nhưng nhà đương trách Anh “không thể nào” tìm ra “thủ phạm”. Năm 1713, tờ *Quan sát* đã bị đóng cửa, từ đó Defoe dường như chỉ làm biên tập cho tờ *Thương nhân*. Song thực tế ông vẫn tiếp tục bút chiến trên hai mươi sáu tờ báo, tạp chí có khuynh hướng hoàn toàn khác hẳn nhau. Ở tờ báo này Defoe nêu ý kiến, nhưng ở tờ khác ông lại đập lại chính quan điểm của mình, sang tờ thứ ba ông viết bài đả kích bài đã đăng ở tờ thứ hai, rồi ở tờ báo thứ tư... Trong lá thư gửi ông Santerlen, thứ trưởng mới của Bộ Ngoại giao, viết ngày 26 tháng 4 năm 1718, ông đã giải thích vụ việc như sau: “Được chính phủ phê chuẩn tôi đã vào làm biên dịch cho tờ báo ra hàng ngày của ngài Mits nhằm bí mật kiểm soát, khống chế không cho tờ báo gây tổn hại. Không một ai, kể cả ông Mits, biết được nhiệm vụ thực của tôi. Nhờ vậy mà các tờ nhật báo *Chuyện hàng ngày*, *Bưu điện Dormerop*, *Sao Thủy trên bầu trời chính trị* - được coi là cơ quan ngôn luận của phái Tori - thực tế đã hoàn toàn bị vô hiệu hóa trong việc làm tổn hại đến quốc gia”.

* Trở thành nhà văn nổi tiếng

Có lần xưởng in của tòa báo bị khám đột xuất: người ta muốn tìm bản gốc lá thư chống đối chính phủ được đăng trên báo với bút danh “Tủ tước Andrew Politic”. Ngài Mits đã khai tên tác giả là Daniel Defoe, song vụ việc đã được ém,

nhẹm bởi huân tước Santerlen biết rõ lá thư trên từ chính Defoe. Defoe đã bảo lãnh cho ngài Mits ra khỏi tù, rồi sau đó ông còn hai lần can thiệp cho Mits khỏi bị bắt giam. Mặc dù biết rõ thực chất vai trò của Defoe, ngài Mits vẫn gây gổ tấn công ông. Defoe buộc phải tự vệ và làm ông ta bị thương. Vì việc này, năm 1719, ông đã bị tước quyền làm báo và hoạt động chính trị. Một điều may mắn lớn



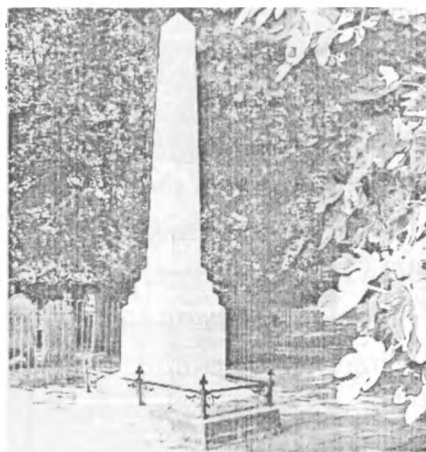
Robinson Crusoe, cuốn sách làm nên tên tuổi Daniel Defoe

cho độc giả vì mùa đông năm ấy, chỉ trong hai tháng Defoe đã viết xong cuốn *Robinson Crusoe*. Thành công vang dội, ông bắt tay viết luôn cuốn nữa. Hàng loạt tiểu thuyết ra đời, trong đó có các cuốn nổi tiếng như: *Mon Frandes*, *Roscana* và *Chuyện Piot'r Alecxeevitx chỉ công vô tư*.

* Và cô đơn

Trong vài năm liền Defoe sống bình lặng ở ngôi nhà sang trọng của mình, đôi khi ông cãi cọ với hàng xóm và chỉ có viết, và viết...

Những năm cuối đời, Defoe nếu không sống trong cảnh nghèo túng thì cũng trong cô đơn. Để tránh bị tịch thu tài sản vì nợ nần, ông đã bỏ nhà ra đi, để lại tất cả của cải cho con cái. Ông qua đời ngày 24 tháng 4 năm 1731 ở tuổi 72. Vào thế kỷ XX, trong đồng thư tín của ông để lại người ta tìm thấy bản viết tay không ghi rõ ngày tháng và chưa được



*Đài tưởng niệm Daniel Defoe
ở Luân Đôn*

công bố liên quan đến đề tài phản gián mà chúng tôi đã đề cập. Chắc chắn đó là bản thảo những bức thư gửi huân tước Garley. Ở đó, ông đã trình bày sơ đồ thành lập tổ chức bí mật của nước Anh. Nhờ tổ chức đó, các bộ trưởng sẽ nhận được những thông tin đáng kể và tin cậy từ khắp nơi về thái độ của các thành phố và tỉnh thành

đối với chính phủ. Ngoại trưởng cần có trong tay danh sách các gia đình quý tộc ở mỗi tỉnh, nắm được mọi thông tin về đời sống tư tưởng và tinh thần của các giáo sĩ và pháp quan tại mỗi xứ đạo. Ông cần nắm được danh sách những người có uy tín nhất ở mỗi thành phố và các vùng phụ cận để biết họ sẽ ủng hộ phái nào khi bầu cử, cần biết được ảnh hưởng của các đảng phái ở những vùng khác nhau, cuối cùng là cần đặt bộ phận tình báo thường trực ở Scotland. Để có được những thông tin cần thiết, theo Defoe, phải giăng một mạng lưới những người tin cẩn rộng khắp vương quốc Anh.

BEAUMARCHAIS

NHÀ VĂN ĐIẾP VIÊN VÀ NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU

Không chỉ là một nhà viết kịch vĩ đại, Beaumarchais (1732-1799) còn là một điệp viên thành công. Nhiều nhiệm vụ rất khó khăn, tưởng như không thể thực hiện, Beaumarchais đều giải quyết êm gọn. Thậm chí, ông còn thuyết phục được chính những thế lực thù địch phục vụ cho mục đích của mình.

Dù vậy, cũng có rất nhiều tài liệu cho rằng Beaumarchais chỉ là người dành phần lớn cuộc đời trong những vụ đầu cơ buôn bán, xích mích gây lộn... hay ở những cuộc phưu lưu tình ái mà thôi.



* Từ thợ chữa đồng hồ...

Beaumarchais tên thật là Augustine Caron, nổi nghiệp nghề chữa đồng hồ của cha, nhưng nhờ tài năng đã trở thành thợ chữa đồng hồ cho đức vua. Không bỏ phí thời gian, ông lập tức cưới một bà góa hơn tuổi nhưng giàu có. Với tiền của vợ, ông mua được chức giữ kho trong cung và tước hiệu quý tộc với tên mới là Pie Augustine de

Beaumarchais. Ông còn là thầy dạy nhạc cho các công chúa - một người thầy đáng yêu của bốn cô gái lỡ thì.

Beaumarchais tham gia đủ loại mưu mô toan tính. Ông viết “Hồi ký” tố cáo các nhân vật tôn quý có chức quyền và ông được các quý bà Paris ngưỡng mộ. Giới cận thần ganh ghét, gây cho ông bao điều phiền toái. vở kịch “*Người thợ cạo thành Xevin*” bị cấm công diễn, các công chúa xa lánh ông, ông bị truy tố và bị tước quyền công dân. Tuy nhiên án lệnh lại mang cho ông niềm vinh quang: ông hoàng Conti đặt tiệc mời ông, hàng trăm quý bà Paris bày tỏ niềm cảm thông. Ngay cả cảnh sát trưởng Xanti cũng đích thân tới chúc mừng.

* ... trở thành điệp viên

Tiếng tăm của Beaumarchais, trí tuệ kiệt xuất và tình trạng nợ nần nghèo khó của ông đã khiến Xanti nảy sinh ý định tuyển mộ ông làm điệp viên. Thực ra, trước đó Beaumarchais đã hoàn thành một nhiệm vụ bí mật của triều đình. Lần ấy ông sang Tây Ban Nha để giải quyết vấn đề danh dự gia đình, buộc nhà quý tộc Clavikho phải giữ lời hứa hôn với chị ông. Ông nhanh chóng giải quyết vụ việc, nhưng còn lưu lại Madrid hai tháng. Khi ấy ông chỉ là một nhà quý tộc có nguồn gốc đáng ngờ, một người thợ chữa đồng hồ bình thường, nhưng ông lại được chính đức vua Tây Ban Nha và quan thượng thư tiếp. Mãi sau này người ta được biết Beaumarchais đã trao đổi với họ nhiều vấn đề chứ không chỉ riêng chuyện rắc rối của chị ông. Thực ra, nhà vua đã buộc quý ngài Clavikho cầu hôn người mà ông

ta đã lừa đảo, nhưng theo yêu cầu khẩn khoản của Beaumarchais thì chính chị ông đã từ chối “vị hôn phu”. Thực chất vấn đề là chuyện khác. Vua Pháp Louis XV đã yêu cầu Beaumarchais trao đổi với vua Tây Ban Nha một vấn đề mà chính ngài đại sứ cũng không được tin tưởng giao phó. Nhiệm vụ đã được Beaumarchais hoàn tất tốt đẹp. Ở Madrid, Beaumarchais không chỉ làm quen mà còn kết thân với ngài đại sứ Anh quốc - bá tước Rosf. Tình bạn này về sau đã giúp rất nhiều cho Beaumarchais.

Nhưng đã xảy ra vụ việc làm Beaumarchais mất tất cả. Và rõ ràng viên cảnh sát trưởng Xanti đến thăm ông không phải không có mưu đồ: cần phải “củng cố” điệp viên tương lai. Xanti đã khuyên Beaumarchais nhanh chóng rời khỏi Pháp và còn hứa sẽ giúp đỡ tìm mọi cách xin được xem xét lại vụ việc. Chuyện diễn biến đúng như vậy. Ngay đêm hôm đó, ngày 26 tháng 2 năm 1774, Beaumarchais bí mật rời Pháp đến Ghent, từ đó ông gửi thư cho đức vua xin hủy bỏ bản án. Cuối thư ông viết: *“Loại bỏ một thân dân trung thành mà tài năng có thể có ích cho đức vua và đất nước là phi lý”*. Từ Ghent, Beaumarchais đi London và tới đó vào ngày 5 tháng 3. Đúng hôm ấy (nghĩa là chỉ một tuần sau ngày tuyên án) sứ quán thông báo cho ông lệnh của đức vua *“Không được chậm trễ tới ngay Versailles. Đức vua đợi ông ở đó”*.

* Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ

Nhiệm vụ mang “tâm cỡ quốc gia” đầu tiên là việc cứu vãn “danh dự” của sủng phi, bà Du Bari. Ông Moran nào đó ở Anh đã cho ấn hành cuốn *Ghi chép của một gái bán hoa*

đây tai tiếng nói về quá khứ của Du Bari và ông ta chuẩn bị đưa sách sang Pháp. Tình hình căng thẳng đến mức điều đó không chỉ đe dọa chính nhân vật được nói tới mà sẽ còn gây om sòm ở Pháp. Thời ấy London là nơi trú chân của nhiều phần tử chống đối đức vua. Sách châm biếm đả kích nhà vua được ấn hành đủ loại như *Cuộc đời một sủng phi bên ngai vàng nước Pháp, Làm sao một phụ nữ lẳng lơ trở thành người tình của đức vua?*. Trong số đó Moran nổi bật lên cả về tài châm biếm cũng như ngòi bút sắc bén độc địa, vì vậy đức vua rất kiêng ông ta. Beaumarchais đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đúng là với số tiền lớn Beaumarchais đã thuyết phục được Moran không chỉ từ bỏ ý định mà còn trao cho ông tất cả sách đã in thậm chí cả bản thảo. Ba ngàn cuốn đã được đốt sạch trong lò nung vôi với sự chứng kiến của Beaumarchais và Ghuyđen, bạn ông. Hơn thế nữa, là một điệp viên đích thực, Beaumarchais đã tuyển mộ luôn Moran. Về việc này ông đã viết trong thư báo cáo đức vua: *"Thần đã biến một trong những tác giả châm biếm đả kích ở London thành điệp viên của mình. Ông ta sẽ báo trước cho thần về mọi mưu đồ tương tự. Thần đã thành công trong việc biến người săn trộm lấu cá thành một thợ săn lành nghề. Dưới chiêu bài nhận nhiệm vụ khảo sát văn học ta có thể trả cho ông ta một mức lương phải chăng cho những tin mật về các mưu đồ ấn hành các tác phẩm châm biếm đả kích đã nói ở trên. Điệp viên này còn có nhiệm vụ theo dõi những người Pháp tới London, báo cáo với thần về những tên tuổi và công việc thu hút họ... Các thông tin mật của điệp viên này còn mở rộng ra nhiều vấn đề chính trị khác và với những trích dẫn được thần báo về Hoàng*

thượng sẽ luôn luôn nắm được tình hình". Beaumarchais ký tên "Ronac".

Ở London, ngoài Moran bình thường còn có những nhân vật quan trọng hơn. Chính lúc này mối bang giao cũ với bá tước Rocsf - lúc này đã là thủ tướng - mới đặc dụng. Beaumarchais đã nổi lại tình bằng hữu thân thiết: *"Hơn thế thân đã thỏa thuận với bá tước Rocsf - Beaumarchais viết - để ông bí mật cung cấp cho ta mọi phương tiện dập tắt các mưu đồ viết lách ngay từ khi mới manh nha. Ông ta chỉ ra một điều kiện duy nhất: Mọi thông tin và việc làm của ông không được coi là của một thủ tướng và phải bảo mật tuyệt đối, chỉ có thần và Đức Kim thượng biết thôi"*. Sau này bá tước còn giúp nước Pháp nhiều việc khác nữa.

Tuy nhiên cũng cần lưu ý thêm là mọi quyền lợi và công việc của Beaumarchais không chỉ có chuyện kiểm soát các tác giả châm biếm đả kích. Thư của ông viết cho nhà vua có đề cập tới chuyện này: *"... còn có nhiều vấn đề khác liên quan tới Hoàng thượng, nhưng không thể viết ra giấy được. Thần sẽ báo cáo trực tiếp Đức Kim thượng"*. Song những vấn đề đó mãi mãi là bí mật được giữ kín bởi Beaumarchais đã không gặp được đức vua. Ở Paris người ta chờ Beaumarchais về để trao tặng ông phần thưởng cao quý - khôi phục quyền công dân cho ông. Nhưng đúng ngày ông từ London về tới Paris, ngày mùng 9 tháng 5 năm 1774, đức vua đột ngột qua đời. Mong muốn của Beaumarchais tan thành mây khói.

Đức vua mới, Louis XVI, lại cử Beaumarchais sang London. Đối tượng của "quý ông Ronac" lần này là ngài Atkison - một người cũng tự xưng là Angielutri. Atkison là tác giả cuốn *Cảnh báo*, trong đó chứng minh quyền của

“nhánh Tây Ban Nha với vương miện Pháp”. Beaumarchais đã thuyết phục được Atkison cho hủy tám ngàn cuốn đã được ấn hành ở London và Amstecdam, nhưng hắn đã giữ lại bản thảo và bỏ trốn sang Nĩrnberg. Thế là bắt đầu cuộc truy lùng với đủ mọi chuyện để viết thành truyện trinh thám: nào là bị cướp tấn công, nào là tòa án, cả chuyện vượt sông Đanuýp, rồi chuyện được tiếp kiến Nữ hoàng Áo, lại thêm cả một tháng trời bị giam giữ ở Vienna. Thế mà vẫn không bắt được Atkison, tuy nhiên không bao lâu sau chính hắn đã từ bỏ ý định xuất bản cuốn sách.

Tháng 4 năm 1775, Beaumarchais lại đi London để bịt miệng hai tên “bồi bút”: quý bà Campanhon và thầy tu Vinon - tác giả của những bài châm biếm đả kích đức vua. Bá tước Rocsf đã giúp Beaumarchais. Dẹp xong hai tên “bồi bút”, Beaumarchais, theo lời ông, bắt tay vào “những việc cao quý hơn”. Lần này ông ký tên thực của mình trong lá thư gửi đức vua “... *Thần đã bắt đầu nghiên cứu một số vấn đề. Đức Kim thượng sẽ hài lòng mãn ý bởi vì tên tuổi của thần - và cũng chỉ có điều đó - đã cho phép thần tới mọi nơi, tiếp xúc với các đảng phái khác nhau và có thể biết được đầu tiên và ngay lập tức mọi thông tin liên quan tới đất nước và hiện tình của Anh quốc*”. Tiếp sau đó ông trình bày và phân tích các thông tin thu nhận được.

*** Và cuộc gặp gỡ giữa hai kẻ phiêu lưu có hạng và lưu manh có cỡ**

Lúc này ở London xuất hiện một kẻ phiêu lưu, không biết nam hay nữ, mang danh D'Eon. Tên này có trong tay những bức thư của đức vua Louis XV, bằng chứng của

những ý đồ thù địch đối với Anh quốc, nói về các kế hoạch đổ bộ quân lên vùng biển vương quốc này. Cho dù đức vua đã qua đời nhưng một khi những lá thư trên được loan truyền thì dễ nổ ra chiến tranh Anh-Pháp, điều mà Beaumarchais có nhiệm vụ không được để xảy ra. Đó cũng lại là điều mà D'Eon đưa ra đe dọa chính phủ Pháp. Cả hai kẻ phiêu lưu có hạng và lưu manh có cỡ D'Eon và Beaumarchais đã nhanh chóng tìm được tiếng nói chung. Bằng mọi cách mua chuộc, phỉnh nịnh, hứa hẹn Beaumarchais đã thuyết phục được D'Eon từ bỏ ý định công bố những lá thư tai hại trên. *“Cả hai bên” thậm chí đã ký thỏa ước: “Chúng tôi, ký tên dưới đây, Pie Augustine Caron de Beaumarchais - đặc phái viên của đức vua Pháp và tiểu thư D'Eon de Bomon - trưởng nữ...”*.

Cũng tại London, thông qua D'Eon, Beaumarchais đã gia nhập nhóm của Artur Lee - đại diện của bọn thống trị thuộc địa Mỹ. Việc kết thân này còn đem lại hiệu quả lâu dài sau này. Khi đó là thời kỳ nhân dân Mỹ đấu tranh cho nền độc lập của mình. Giới cầm quyền Pháp công khai ủng hộ những người nổi dậy chống lại sự thống trị của Anh. Tình bằng hữu giữa Beaumarchais và Artur Lee đáp ứng kế hoạch của chính phủ Pháp. Beaumarchais đã giả thành lập công ty “Roderica Octaleda và K”, qua đó tích cực cung cấp vũ khí đạn dược cho nghĩa quân Mỹ. Và mặc dù người Anh biết rất rõ việc này, song họ vẫn không thể chính thức đòi hỏi gì ở phía Pháp, bởi công ty là của tư nhân và một mình Augustine Caron de Beaumarchais chịu trách nhiệm. Mọi việc trên đều giữ bí mật, song Beaumarchais sẽ không phải là Beaumarchais nếu như ông không nảy ra ý tổ chức

diễn kịch. Khi những con tàu chở vũ khí đầu tiên rời cảng Bordeaux trong “bảo mật tuyệt đối” thì ông đã đưa đoàn ca kịch tới biểu diễn rầm rộ. Tiết mục chủ chốt của đêm diễn là vở “Đám cưới Figaro” nổi tiếng.

Beaumarchais còn trải qua nhiều vụ việc, nhiều cuộc phiêu lưu thật thú vị, nhưng chẳng liên quan gì tới hoạt động điệp viên ngầm nên không đề cập tới ở đây. Chỉ có một sự kiện tuy ít người biết đến, nhưng lại đáng ghi nhận là về những tháng cuối đời ông chuyển sang tìm hiểu khoa học hàng không, vũ trụ. Ông viết: *“Một trong những ý tưởng cao đẹp của khoa học tất nhiên đó là việc đưa những vật thể nặng lên cao trên tầng không khí nhẹ bổng...”*.

Ngày 18 tháng 5 năm 1799, Beaumarchais qua đời để lại cho con cháu gần hai trăm ngàn frăng - một món tiền khá lớn thời đó, chưa kể bất động sản và cả các giấy nợ.

LAFAYETTE BAKER

ĐIỆP VIÊN ĐẦU TIÊN THỜI NỘI CHIẾN NƯỚC MỸ

Khó có thể hình dung được rằng, nhà nhiếp ảnh lang thang Lafayette Baker (1826 - 1868) lại chính là một điệp viên tình báo số một của quân Liên bang. Tuy nhiên, đó là sự thật. Đằng sau chiếc máy ảnh và bộ chân chống công kênh mà Lafayette Baker mang theo trên khắp các chiến trường phía Nam chính là những thông tin cơ mật tuyệt vời gửi đến Bộ tham mưu...



Cho tới đầu cuộc Nội chiến (1861-1865), ở Mỹ vẫn chưa có hoạt động tình báo. Allan Pinkerton và các đồng nghiệp trong văn phòng thám tử của ông vào những năm chiến tranh chỉ là những nhân viên phản gián chứ chưa hẳn là những điệp viên. Thế nhưng Tổng tư lệnh quân miền Bắc, người đã ra ứng cử tổng thống - Winfil Scott lại cần có thông tin chi tiết về đối phương, những thông tin mà bản thân quân báo và những hàng binh không thể nào cung cấp cho ông được.

Thế là viên sĩ quan trẻ Lafayette Baker xung phong vượt trận tuyến sang hậu phương của quân Liên bang, thậm chí có thể đến tận thủ đô của họ là Richmond. Anh được giới thiệu với Tổng tư lệnh Scott.

* Nhà nhiếp ảnh lang thang

Baker nhận chỉ thị cụ thể của trưởng ban tham mưu, và mấy ngày sau lên đường dưới danh nghĩa một nhà nhiếp ảnh lang thang. Đó là một sự cải trang kỳ lạ, vì chiếc máy ảnh trong tay một kẻ đi lang thang ở hậu phương quân địch rõ ràng chứng tỏ anh ta là gián điệp. Nhưng sự kiện này lại xảy ra vào năm 1861, khi chiếc máy ảnh đặt trên chiếc chân chống to tướng còn là một vật kì lạ. Lính tráng khắp vùng kéo đến xem, đây là chưa nói đến việc chụp ảnh, thậm chí họ hy vọng nhận được ảnh cũng đã là hạnh phúc lắm rồi. Một chi tiết thú vị khác là máy ảnh của Baker bị hỏng và không thể chụp được cái gì, song không ai, kể cả cơ quan phản gián quân miền Nam, hay biết. Việc vượt trận tuyến từ phía quân Liên bang là khó nhất đối với Baker. Người ta quát tháo, đuổi theo và thậm chí bắn nữa. Hai lần anh bị bắt và bị kết tội làm gián điệp cho quân miền Nam. Chỉ có sự can thiệp của tướng Scott mới cứu nổi mạng sống cho Baker và để cho anh tiếp tục lên đường.

Ý đồ hoạt động không có kế hoạch của điệp viên chầm dứt, khi anh rơi vào tay đội quân kỵ mã của miền Nam. Các kỵ sĩ vui nhộn chất cả người lẫn chiếc máy ảnh công kênh lên con ngựa dự phòng và dẫn về đại bản doanh. Không ai nghĩ đến chuyện khám xét anh ta, nếu không thì 200 đồng đô la vàng mà nhà nhiếp ảnh giấu trong người có thể sẽ giết hại anh ta.

Tổng tư lệnh quân miền Nam hỏi đó thăm vấn và nói chuyện với anh. Baker hoàn toàn cởi mở thông báo cho những người miền Nam những tin tức thu thập được khi

sống ở Washington. Các nhà lãnh đạo quân miền Nam rất hài lòng về thông tin của Baker cung cấp về tình hình miền Bắc, và trong lúc hứng khởi đôi khi buột miệng nói ra những gì mà trong câu chuyện với nhân vật quan trọng hơn không bao giờ dám tiết lộ. Đối với họ, dù nghề nghiệp của Baker rất đặc biệt, anh cũng chỉ là một nhân vật hèn kém như nghệ sĩ, nhạc công, hề và ảo thuật, những người mà không có gì phải giữ ý. Song thời gian đầu dù sao anh cũng bị nghi ngờ và thực tế đã bị giam giữ. Anh thường ngủ đêm tại các nhà tù, ở các phòng giam, còn ở Richmond chính ngài cảnh sát trưởng trực tiếp nhốt anh. Dần dần người ta tỏ ra tin tưởng hơn đối với Baker và anh bắt đầu hoạt động tình báo của mình. Anh tới tất cả các trung đoàn quân miền Nam đóng ở Virginia, chụp toàn cảnh từng trung đoàn, lúc họ ăn cơm, khi tập tành và các sân chơi thể thao. Sau khi chụp ban tham mưu lữ đoàn, anh hứa tặng cho các sĩ quan trẻ và tướng tá những bức ảnh tuyệt vời. Nhưng ảnh không bao giờ được in ra và tặng cho những người được chụp. Lúc đầu mọi người cho anh ta là kẻ lừa đảo và theo phong tục thời đó chỉ thì cần đánh cho một trận nên thân rồi đuổi cổ đi chỗ khác. Nhưng những cán bộ phản gián ở đây tỏ ra là những người nhìn xa trông rộng hơn. Họ quy cho anh ta tội do thám và tống giam vào tù. Song Baker không chờ đến ngày tòa án binh xét xử mà hậu quả của nó đã quá rõ ràng. Anh đã dùng số tiền còn lại của mình mua dụng cụ để phá cánh cửa phòng giam và trốn mất. Anh để lại cho quân miền Nam chiếc máy ảnh với bộ chân công kênh và ý nghĩ rằng anh ta đã đùa ròn ác ý với họ.

* Người phụ trách cả tình báo lẫn phản gián của quân đội miền Bắc

Qua nhiều đêm lần mò, Baker đã tới trận tuyến và “đầu hàng” quân Liên bang. Anh được dẫn ngay đến gặp tướng Scott. Vị tướng cùng các sĩ quan chăm chú nghe báo cáo cặn kẽ của điệp viên. Tướng Scott hết sức ngạc nhiên về tài quan sát, trí nhớ và khả năng phân tích của Baker và bổ nhiệm anh làm chỉ huy trưởng quân cảnh. Sau đó, anh được thăng chức cấp tướng phụ trách cả tình báo lẫn phản gián quân đội miền Bắc. Một trong những điệp viên của Baker lọt được vào ban tham mưu của quân miền Nam ở Richmond. Chỉ sau vài tuần, điệp viên này trở về gặp Baker với bức thư của thống đốc gửi cho phái viên của phái Liên bang ở Canada. Phong bì không bị bóc vì điệp viên đã thông báo rằng, trong đó chỉ có bức thư giới thiệu do chính tay ngài Jefferson Davis viết và niêm phong. Sau cuộc trao đổi thư từ trót lọt, điệp viên này trở thành liên lạc viên thường xuyên trong đường dây Richmond - Canada. Nhưng giờ đây, những thư từ mà anh ta chuyển đã bị cơ quan phản gián của Baker kiểm duyệt. Để làm việc này, các chuyên gia đã dùng giấy và dấu niêm phong y như của các bì thư thật.

Trong một bức thư có đề cập tới kế hoạch phá hoại nguy hiểm: dự định tổ chức phóng hỏa và gây nổ ở New York và Chicago, đặt mìn đồng thời một lúc ở các cửa hàng lớn, nơi vui chơi giải trí đông người. Cảnh sát và quân đội liền có những biện pháp cần thiết. Cháy chỉ xảy ra ở một nơi, còn mìn không hề làm tổn hại gì.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ tham mưu, Baker còn thực hiện

được một phi vụ nữa. Qua điệp viên của mình, Baker biết được rằng trong suốt một năm chiến tranh cứ sau mỗi buổi họp của nội các là có báo cáo chi tiết gửi cho quân miền Nam. Cơ quan phản gián của Baker phát hiện là cơ sở gián điệp chuyển những báo cáo đó chủ yếu gồm các trưởng trạm bưu điện của bang Mariland. Trừ ba người ra còn lại toàn bộ là điệp viên của miền Nam. Việc loại bỏ tổ chức gián điệp này là một trong những chiến công của vị tướng Lafayette Baker.

CHARLES LUSETO

SỰ NGHIỆP LÊN TRANG SÁCH

Có những điệp viên mà cả cuộc đời là hàng loạt chiến công, mà những cuộc phiêu lưu tình báo của họ có thể viết nên hàng pho truyện. Lại có những người chỉ thực thi có một vụ việc, nhưng tầm quan trọng và ý nghĩa lại đáng được đưa vào biên niên sử của ngành. Một trong những người đó là Charles Luseto (?-1932) - một người Pháp yêu nước, một sĩ quan trong Thế chiến Thứ nhất và là tác giả của nhiều truyện tình báo.

* Bước ngoặt lớn

Là người vùng Andes nhưng trông Charles lại giống người Đức hơn và ông rất thông thạo tiếng Đức. Khi chiến tranh bùng nổ ông đang là kỹ sư và bị động viên vào đội phản gián. Nhưng không bao lâu sau thủ trưởng đã nhận ra tư chất tình báo ở Charles và thế là cuộc đời ông đột ngột ngoặt hướng khác. Thay vì đi bắt bọn điệp viên của đối phương ông lại nhận nhiệm vụ hoạt động trong lòng địch. Ông đóng vai một người Đức được cử tới vùng công nghiệp Rein nghiên cứu về sản xuất đạn dược ở đây. Luseto đã thu thập được những thông tin cụ thể về nhà máy Crupa - một nhà máy lớn ở Essen. Thực chất Essen là một thành phố được bảo vệ cẩn mật vì ở đó sản xuất các vũ khí hạng nặng,

đạn trái phá và rất nhiều mặt hàng khác phục vụ chiến tranh. Mọi thông tin dữ liệu, kế hoạch và sơ đồ, Luseto đã chuyển được về Pháp. Và mặc dù nhiệm vụ của ông không liên quan tới nhà máy Anilin ở Baden và nhà máy xút ở Mangey nhưng ông đã kiến tạo được các mối quan hệ hữu hiệu ở đấy để phòng khi cần.

* Thảm họa

Ngày 22 tháng 4 năm 1915, đã xảy ra thảm họa bên bờ sông Íp ở Bỉ. Đức thử nghiệm lần đầu vũ khí mới - hơi ngạt. Khí ngạt Clo được xả ra từ các bình chứa bằng kim loại mà đã được bí mật chuyển ra mặt trận. Tuy nhiên, cần lưu ý là việc Đức sử dụng khí độc hãn sẽ không gây bất ngờ cho quân Đồng minh, vì qua hoạt động tình báo và các nguồn tin khác, họ đã biết về điều này. Thế nhưng, duy nhất tướng Ferry, chỉ huy sư đoàn 11 của Pháp, nhìn nhận nghiêm túc sự việc và cảnh báo về nguy cơ trên cho quân Anh đóng gần nơi thử nghiệm. Trước đó, ngày 13 tháng 4, người ta đã phát hiện loại mặt nạ chống hơi độc đơn giản ở tên lính Đức ra hàng gần Langhemac. Theo lời tên này thì mỗi người lính ra trận đều được trang bị loại mặt nạ đó. Cấp trên đã quở trách tướng Ferry tự ý trực tiếp cảnh báo quân Anh mà không chịu thông qua đại bản doanh tướng Joffre như quy định. Tuy nhiên sau lần tấn công đầu tiên bằng hơi độc thành công tốt đẹp, mà chính Bộ chỉ huy Đức vẫn sợ bị thất bại, tướng Ferry vẫn bị cách chức cho dù ông đúng.

Trận công kích bằng khí độc đã khiến hai sư đoàn Pháp run sợ rút lui làm quân Canada bị hở sườn. Song quân Canada và Anh vẫn giữ được trận tuyến. Tuy muộn màng

nhưng các cánh quân đã được trang bị mặt nạ chống hơi độc đầu tiên. Vì vậy mọi mưu đồ dùng hơi độc tiếp theo lại gây tai hại cho chính quân Đức. Chúng đã không tính đến chuyện gió ở Frandli có hai hướng Tây và Tây Nam. Gió đột ngột đổi hướng đã đẩy màn mây độc về phía quân Đức làm hàng trăm binh lính tử trận.

* Phá tan âm mưu mới

Vậy là Đức sẽ tìm các cách sử dụng hơi độc khác. Luseto lại được ném trở lại vùng địch hậu để tìm hiểu. Ông đến Mangey. Thông qua các mối quan hệ cũ ông đã biết khí độc được sản xuất tại đây, nhưng đóng bình ở nơi khác. Quan sát



Chiến binh đeo mặt nạ phòng độc trong chiến hào

tuyến đường sắt, Luseto đã xác định được rất nhiều toa xitéc được vận chuyển bằng xe lửa từ các nhà máy hóa chất lớn. Những xitéc đó được chuyển đi đâu, để làm gì? Ông đã tìm hiểu, biết được điểm đến là các nhà máy Crupa ở Essen. Thế là Luseto buộc phải đến Essen, cho dù ông biết rất rõ cơ quan phản gián Đức ở vùng này rất mạnh. Ông lại đóng vai một lính Đức bị thương về nghỉ phép. Ông la cà ở quán cà phê, nơi thợ và cán bộ kỹ thuật ở các nhà máy Louis tới những lúc rảnh rỗi. Ông thường mời bia họ và qua câu chuyện của họ thu lượm được một số tin tức. Ông còn kết bạn với một cảnh sát đứng tuổi làm nhiệm vụ bảo vệ nhà máy.

Tay này hàng giờ liền kể chuyện gia đình mình, kể những chuyện phiêu lưu tuổi trẻ cũng như chuyện ngoài mặt trận thật buồn tẻ và chán ngắt. Song Luseto đã chứng tỏ mình là một người tiếp chuyện tuyệt vời, bởi ông chăm chú lắng nghe không ngắt lời. Và Luseto đã gặp may. Một lần tay cảnh sát kể cho ông nghe rằng người ta đang chuẩn bị một thử nghiệm đáng kinh ngạc với những trái phá hơi độc. “Khí độc trong các trái phá? - Luseto sững sốt. Mà dành cho dã pháo bình thường ư? Không thể có chuyện đó được!” Tay cảnh sát một mực khẳng khẳng định là quả đạn trái phá có thể chứa được khí độc. Hắn nói rằng chẳng bao lâu nữa dã pháo sẽ sử dụng các đạn trái phá hơi độc và hắn có thể chứng minh điều đó. Luseto đánh cuộc hai ngàn mark và tay bảo vệ đã cho ông đi theo đến cuộc thử nghiệm. Cả hai tìm cho mình một chỗ khuất nẻo nhưng rất tiện cho việc theo dõi thử nghiệm. Từ chỗ nấp Luseto đã nhìn rõ chiếc xe chở chính đức vua Wilhelm, bộ tham mưu của ông và các nhân vật quan trọng khác tới các vị trí chiến đấu.

Để thử nghiệm người ta đã chuẩn bị khẩu dã pháo 77mm và khẩu đại bác cỡ nặng dùng trên biển. Đích bắn là đàn cừu đang gặm cỏ cách đó 1200 mét. Khẩu dã pháo bắn đầu tiên. Đạn nổ lớp độp chứ không vang như bình thường. Sau đó là khẩu đại bác. Không một trái phá nào rơi thẳng vào đàn cừu, nhưng sau mỗi phát lại bốc lên một luồng khói màu xanh vàng được gió thổi thẳng đến đàn cừu. Khi khói tan ở chỗ đó không còn lấy một sinh vật sống. Cả tay cảnh sát lẫn “người lính bị thương” đều thán phục trước sự việc được nhìn thấy. Cả hai đều hy vọng và tin tưởng đế chế Đức sẽ chiến thắng. Đặc biệt tay cảnh sát còn rất vui với món

tiền hai ngàn mark được cuộc một cách lương thiện. Tuy vậy Luseto vẫn chưa hài lòng. Ông còn muốn có một mảnh đạn làm vật kỷ niệm. Tay cảnh sát sốt sắng chạy ra bãi thử để lấy cho ông.

* Cuộc đời mới

Luseto đã tìm mọi cách một mình vượt qua mặt trận và chỉ ba ngày sau đã đưa được mảnh trái phá về Paris. Ngay lập tức mảnh đạn được gửi tới phòng thí nghiệm của nhà hóa học nổi tiếng Edmon Bali. Ông đã xác định trái phá được bơm đầy các chất hơi ngạt. Vậy là cần phải chế tạo gấp các mặt nạ chống độc hoàn hảo. Đồng thời Anh và Pháp cũng bắt tay vào sản xuất bom và trái phá khí độc.

Luseto còn hoàn thành trót lọt một vài điệp vụ nữa ở hậu phương quân Đức mà không hề bị phát giác. Chiến tranh kết thúc, Luseto bắt đầu viết văn. Ông là tác giả hàng loạt truyện tình báo. Chỉ trong vòng 4 năm, từ 1928 đến 1932, ông đã cho xuất bản nhiều cuốn như *Người đẹp điện Cremlin*, *Nhiệm vụ đặc biệt*, *Trung thành với kẻ địch*, *Quý đen* (truyện phản gián thời chiến ở Bỉ), *Điện viên của vua Phổ*, *Nữ tình báo trong những bàn tay đầm máu*, *Đàn sói*.

Luseto đã hư cấu nhân vật mang tên “Jan giấu mặt” mà nguyên mẫu chính là ông. Tuy có phần hư cấu nghệ thuật song các tác phẩm của Luseto chứa đựng những thông tin cực kỳ chính xác không chỉ về diễn biến của Thế chiến mà còn về những điệp vụ của cả Đức và Liên Xô vào những năm 30. Các bức ảnh, bản đồ và sơ đồ tổ chức chính xác đến mức có thể nghĩ đó là tư liệu từ một nguồn rất thông thạo thông tin, đó là cơ quan phản gián. Không phải

ngẫu nhiên mà các tác phẩm của ông đều được nhà xuất bản Bégie Luvre ấn hành. Nhà xuất bản này thường chỉ ấn hành hồi ký của các cộng tác viên Phòng nhì (cơ quan tình báo Pháp). Cũng cần nói thêm rằng trong các tác phẩm của mình Luseto có bày tỏ mối quan hệ thân thiết của mình với sếp của tình báo Pháp. Đó chính là Lone, người đứng đầu Phòng nhì những năm từ 1928 đến 1932, chuyên viên tình báo về các vấn đề có liên quan tới Liên Xô.

Năm 1932, Luseto công bố cuốn *Hồ sơ lưu trữ* của Treca sắp được xuất bản, nhưng không bao lâu sau đó ông đã đột ngột qua đời.

WILLIAM SOMERSET MAUGHAM

NHÀ VĂN ANH

VÀ KẾ HOẠCH CỨU CHÍNH PHỦ KERENXKI (NGA)

Nếu chọn giữa nghề điệp viên và viết văn, chắc chắn W.S. Maugham (1874 - 1965) sẽ chọn văn chương - lĩnh vực mang lại vinh quang cho cuộc đời ông. Thế nhưng, nhờ có những điệp vụ “không tầm thường” chút nào, Maugham đã có những chuyến phiêu lưu mạo hiểm và thu được một vốn tư liệu phong phú cho những tác phẩm “phản gián” của mình, chúng chân thật đến mức thủ tướng Anh Churchill đã cho rằng nó vi phạm “Luật bảo mật quốc gia”.



* Cuộc đời không thú vị bằng văn chương

William Somerset Maugham sinh ngày 25 tháng 1 năm 1874 ở Paris và là con trai thứ tư của bà Edit. Cha ông - Robert Ormond Maugham là luật sư, làm việc ở sứ quán Anh. Khi cậu bé 8 tuổi thì mẹ mất vì bệnh lao. Hai năm sau, tháng 7 năm 1884, cha cậu lại qua đời vì ung thư, để lại cho năm cậu con trai năm ngàn bảng. Cậu bé được ông chú Henri, cha xứ của nhà thờ Các vị Thánh ở Vaixten tỉnh Ken

đem về Anh nuôi dạy. Cậu bé đi học nhưng do bị viêm màng phổi, nên năm 15 tuổi cậu phải bỏ học đi chữa trị ở miền Nam nước Pháp.

Năm 1890, Somerset là sinh viên trường Đại học Tổng hợp Geydenbec ở Đức. Hai năm sau cậu quay trở lại Anh và cho rằng học y ở Quân y viện Saint Thomas London thích hợp hơn. Năm 1897, cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Somerset ra đời, tiếp theo đó hàng năm ông đều có sách được in ấn. Một thời gian sau trên sân khấu nhà hát ở London xuất hiện các vở kịch của ông. Trong thời điểm này cuộc đời chu du khắp chốn của ông ngập tràn những chuyện phiêu lưu tình ái, những mối quan hệ ràng buộc cả với phụ nữ cũng như với đàn ông. Hơn nữa, đây cũng là thời gian ông sáng tác rất hiệu quả.

Khi Thế chiến Thứ nhất bùng nổ, Maugham ghi tên vào đội y tế của Pháp với tư cách tình nguyện viên Chữ thập đỏ, nhưng ngay từ năm 1915 ông đã được chuyển sang cơ quan tình báo của Anh. Hoạt động của ông ở đây không lâu và cũng chẳng có gì nổi bật: Ông có một thời ở Thụy Sĩ, nơi mà ông cảm thấy “cuộc sống của một điệp viên không được như ý, hoàn toàn không giống như người ta thường nghĩ”. Tuy vậy, chính ở Thụy Sĩ Maugham đã phát hiện ra nhân vật Asenden của mình - thực chất là chính ông - nhân vật chính của cuốn truyện cùng tên và của các tác phẩm “phản gián” khác của ông. Những tác phẩm của Maugham gần với cuộc sống đến mức khi thủ tướng Churchill xem qua các bản thảo đã phát biểu rằng ông vi phạm “Luật bảo mật quốc gia” - Maugham buộc phải hủy bỏ mười bốn cuốn trong số đó.

* Những nhiệm vụ đầu tiên

Nhiệm vụ đầu tiên của Maugham ở Thụy Sĩ là theo dõi hoạt động của một người Anh có vợ là người Đức ở Lushern. Sau đó ông được cử sang Geneva và người lãnh đạo đã cảnh báo: “Ở đó nếu ông làm tốt mọi việc, ông sẽ không được cảm ơn, còn nếu ông gặp rắc rối chúng tôi cũng sẽ không giúp”. Đến Thụy Sĩ Maugham lưu lại ở khách sạn Borivat, nơi mà ông đã viết rằng “có cả các điệp viên khác” ở cùng. Maugham giữ vai trò liên lạc, nhận tin của các điệp viên rồi chuyển về Pháp. Ông làm một công việc, như ông đã thừa nhận, “đơn điệu và vô bổ”.

Hàng tuần Maugham vượt hồ Geneva chuyển tin và nhận chỉ thị mới. Ông biết mình đã vi phạm tính trung lập của Thụy Sĩ và lo sợ bị bắt. Vì vậy ông hồi hã viết, sợ rằng nếu bị bắt sẽ không có giấy, mực.

Ông hoạt động ở Thụy Sĩ gần một năm. Ở đây ông làm quen với các nhà văn khác cũng được tuyển mộ làm điệp viên cho tình báo Anh như MacKendzi, Knobloc, Japan Kelly.

Có một lần cảnh sát Thụy Sĩ tới khách sạn hỏi ông làm nghề gì. Maugham trả lời đang viết kịch. “Tại sao lại sang Thụy Sĩ?” - “Vì ở Anh ồn ào quá.” Thế là họ để ông yên.

* Nhiệm vụ “ngăn chặn cách mạng”

Mùa hè năm 1916, Maugham xin được thôi việc, rồi quay về London. Cấp trên đồng ý với điều kiện khi cần sẽ lại cho gọi ông. Năm 1916 ông lại đi chu du các nước. Ông đã đặt chân lên quần đảo Hawaii, đảo Tahiti, Samoa và Mỹ, nơi ông tích cực sáng tác truyện và kịch. Ngày 26

tháng 5 năm 1917, ông cưới Xiri, người tình đã có với ông một con gái tại Jecksi City. Ngay sau đó ông nhận được đề nghị sang Nga của tình báo Mỹ qua William Jusman. Lúc này làn sóng cách mạng ở Nga đang mạnh như vũ bão và Maugham được lệnh sang đó để “ngăn chặn cách mạng”, như ông vẫn hóm hỉnh ghi lại. Ông phải “ủng hộ những người Mensevich chống lại những người Bolsevich đấu tranh cho hòa bình và giữ cho Nga luôn ở trong tình trạng chiến tranh với Đức”.

Maugham do dự. Hiện ông đang bị bệnh phổi, lại không biết tiếng Nga, liệu có thể hoàn thành nhiệm vụ quan trọng đó không. Mặt khác, ông bị cuốn hút tới đất nước của các nhà văn vĩ đại Tolstol, Turghenev, Doistoievski mà ông hằng ngưỡng mộ.

Cuối cùng ông nhận lời. Ông lấy mật danh là Somersetvin, tên một nhân vật trong cuốn *Asenden*. Các nhà hoạt động cách mạng Nga cũng có các biệt danh của mình như Kerenxki là Layin, Lenin là David, Troski là Coun, còn chính phủ Anh là “Ayre và K”.

Vấn đề lo ngại đối với Maugham lúc này là tiền. Ông viết cho Wedeman: “... Ở Thụy Sĩ tôi là người duy nhất làm việc không cần biết đến tiền... Sau này tôi hiểu ra rằng người ta nhìn nhận cách xử thế đó của tôi không phải là thể hiện lòng yêu nước mà là sự ngu ngốc....”.

Ngày 18 tháng 6 năm 1917, Maugham đã nhận 21 ngàn dollar tiền lương và kinh phí tài trợ cho phái Mensevich, ngày 28 ông lên tàu thủy ở San Fransisco đi Vladimirovostoc. Từ đó ông đi xuyên suốt nước Nga trên tàu tốc hành xuyên Xiberi. Cùng đi với ông có bốn người Tiệp cũng được phái



sang Nga với cùng một mục đích: giữ nước này ở tình trạng có chiến tranh.

Ở Petrograd, Maugham lưu lại khách sạn *Châu Âu*. Sứ quán Anh đã nhận được mật điện “Mr V”:
“Somerset Maugham được

phái tới Nga để làm sáng tỏ cho công chúng Mỹ các giai đoạn tiến triển cụ thể của cách mạng Nga. Yêu cầu tạo điều kiện cho điệp viên này được sử dụng đường dây liên lạc của sứ quán với New York”.

Đại sứ Anh - ngài George Blukenen đã cho Somerset mật mã của mình cho dù rất bức vì từ nay sẽ phải chuyển những bức điện mà mình không được biết nội dung. Ngài đại sứ coi Maugham là vị khách không mời mà đến và chõ mũi vào việc không phải của mình nên đã tỏ thái độ bất hợp tác. Nhưng Somerset lại nhận được sự hỗ trợ từ một phía khác hoàn toàn bất ngờ. Ông gặp lại Shara Cropotkin - con gái bá tước Cropotkin, một người vô chính phủ nổi tiếng. Ông đã quen cô từ khi còn ở London, đôi khi trao đổi thư từ và thậm chí còn miêu tả cô trong truyện *Asenden* của mình. Shara quen với các thành viên nội các của Kerenxki và tự nguyện làm trợ lý và phiên dịch cho Maugham.

Shara giúp Maugham gặp và làm quen với Kerenxki, sau đó ông đã vài lần gặp gỡ ông ta, lúc ở khách sạn, khi ở nhà Shara, hoặc ngay tại nơi làm việc của Kerenxki. Ấn tượng về ông ta thật tẻ ngắt: một người kiệt quệ không chút

sinh lực vì chức quyền đè nặng hai vai, không khả năng hành động, sợ đủ mọi thứ.

Maugham có cảm tình hơn nhiều với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chính phủ lâm thời, đảng viên Đảng Xã hội cách mạng Boris Savincov. Ông này đã tuyên bố với Maugham: “Hoặc là Lenin dồn tôi tới chân tường, hoặc là tôi dồn ông ta!”.

Maugham tới dự Hội đàm dân chủ tại nhà hát Alecxandr. Tại đây Kerenxki đã phát biểu rất lạc quan. Maugham không tán đồng. Từ các nguồn tin của mình ông biết rằng Đức đã tấn công, quân đội Nga rối loạn, hạm đội không hành động, binh lính giết hại sĩ quan.

* Cái mất của điệp viên và cái được của nhà văn

Ngày 24 tháng 9 năm 1917, Wedemen gửi mật điện cho Bộ Ngoại giao Anh: Tôi đã nhận được điện rất thú vị của điệp viên Maugham gửi từ Petrograd:

(A) Maugham đã cử người tới Stockholm và Hà Lan để thu thập thông tin. Điệp viên này có nhiệm vụ báo cáo về mật ước giữa Hà Lan và Thụy Điển trong việc liên kết với Đức chiếm Petrograd.

(B) Chính phủ thay đổi xoành xoạch ý kiến về việc họ định chuyển về Moscva để tránh những người theo chủ nghĩa tối đa. Maugham hy vọng sẽ phải được điệp viên tới dự mít tinh của họ.

(C) Kerenxki mất uy tín và khó có thể trụ được.

(D) Sĩ quan vẫn tiếp tục bị giết hại. Người Côđắc âm mưu nổi loạn.

(E) Sẽ không có một thế giới bị chia cắt, nhưng sẽ có tình trạng hỗn loạn và kháng lệnh tiêu cực ở mặt trận Nga.

(F) Maugham thỉnh thị hiện có thể làm việc với sĩ quan điệp viên Anh ở Petrograd để giúp nhau tránh nhảm lẫn được không. Tôi không thấy có gì trở ngại...

(G) Tôi cho rằng để an toàn, Maugham phải cẩn trọng với mật mã và giấy tờ ở chỗ sứ quán. Tất nhiên ông ta rất thận trọng và sẽ không để tổn hại đến chúng. Ông ta sẽ rất có lợi và tôi tin rằng ông ta sắp có được một tổ chức tốt.

Ngày 16 tháng 10, Maugham báo rằng Kerenxki đã để mất lòng tin và chưa chắc đã trụ được. Ông bảo vệ ý kiến hoàn toàn ủng hộ phái Mensevich và đưa ra chương trình tuyên truyền ủng hộ cho Mensevich, chuyện này theo ông chỉ tốn 50 ngàn dollar mỗi năm.

Ngày 18 tháng 10, Kerenxki cho mời Maugham tới, đưa ông xem bức thông điệp mật đến mức không ghi thành văn bản gửi thủ tướng Anh Lloyd George. Kerenxki đề nghị ông đi Anh ngay để chuyển thông điệp đến tận tay người nhận. Trong thông điệp Kerenxki thông báo rằng ông ta sẽ không trụ được nếu không được đồng minh cung cấp vũ khí đạn dược và đề nghị cho thay đại sứ. Ngay ngày hôm đó Maugham đi Na Uy, rồi từ đó lên tàu khu trục đi Scotland. Tối London hôm trước, ngay sáng hôm sau ông đã được mời tới chỗ thủ tướng. Thủ tướng lịch thiệp tiếp ông và bày tỏ sự thán phục với các vở kịch ông viết. Song Maugham rất vội. Ông ngắt lời thủ tướng và trình bản thông điệp mật mà ông đã chuyển thành bản báo cáo trên giấy ngay lúc tới Anh. Đọc xong thủ tướng nói: "Tôi không

thể làm được việc này!”. “Thế tôi phải trả lời Kerenxki thế nào?” - Maugham hỏi. “Đơn giản là tôi không thể làm được việc ấy”. Nói rồi thủ tướng xin lỗi cắt ngang câu chuyện vì phải đi họp nội các.



Bìa hai cuốn sách của W.Somerset Maugham

Về tới khách sạn Maugham nghĩ cách quay về Nga, song tình hình không cho phép. Ngày 7 tháng 11 năm 1917, chính phủ Kerenxki bị lật đổ, Bolsevic lên nắm chính quyền. Ngày 18 tháng 11, ngài Eric Drumon, thư ký riêng của ngoại trưởng (đề tên thủ tướng Lloyd George) đã ghi thêm vào bản báo cáo của Maugham: “Tôi e rằng điều đó chỉ có ý nghĩa lịch sử”. Song Maugham lại cho rằng, nếu như ông hành động sớm trước nửa năm thì đã có thể thành công. Ông cảm thấy mình phần nào có lỗi trong việc để Bolsevic thắng mà không hiểu rằng không thể nào chống lại bước tiến của lịch sử.

Cho dù không hoàn thành nhiệm vụ, Maugham vẫn hài lòng vì đã thu thập được nhiều tư liệu cho những chuyện kể về Asenden. Hai tháng rưỡi ở Nga đã ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của Somerset. Ông có những triệu chứng của bệnh

lao. Việc trở lại Nga vậy là không được, nhất là sau khi Kerenxki đã bị lật đổ.

Có lần Maugham được mời đến dinh Thủ tướng ở phố Downing trò chuyện với cấp trên của ông là William Wedemen và một nhân vật cỡ lớn nữa. Maugham đã nộp cho họ bản tường trình thời gian ở Nga. Trong khi họ đọc, Somerset hỏi họ có ý định lại cử ông sang Nga nữa không và được trả lời: “Không. Việc chính của chúng tôi bây giờ là giữ cho được Rumania”. Bản thân ông không muốn tới đó. “Tôi bị lao phổi” - ông lầm bầm. “Thôi được. Ông hãy đi an dưỡng và chóng bình phục” - một trong những cấp trên trả lời ông.

Như vậy là hoạt động tình báo của ông coi như dừng ở đó. Maugham còn sống được 48 năm nữa, nhưng không quay lại hoạt động tình báo.

RICHARD SORGE

SIÊU ĐIỆP VIÊN CỦA TÌNH BÁO XÔ VIẾT

Vào năm 1964, N. X. Khrusov ngẫu nhiên được xem bộ phim “Tiến sĩ Sorge, ông là ai?” của đạo diễn nổi tiếng người Pháp I. Champe. Sáng hôm sau, Khrusov gọi điện cho giám đốc cơ quan tình báo và hỏi xem ông ta có biết Sorge không. Khi giám đốc cơ quan tình báo trả lời là có, Khrusov thốt lên: “Đấy quả là một anh hùng!”.

Richard Sorge (1893-1944) đã hoạt động vì lý tưởng, vì sự nghiệp chung. Tất cả những tin tình báo anh cung cấp cho Liên Xô trong suốt thời gian nằm vùng ở Nhật đã giúp Liên Xô tránh được những nhận định sai lầm về cục diện chiến tranh, từ đó góp phần vào thắng lợi của phe Đồng Minh trong cuộc chiến chống Phát xít. Sự qua mặt quân Đức và Nhật của anh tài tình đến mức, sau khi anh bị bắt, Ayden Ott và Maydinghe đã giải thích niềm tin tuyệt đối của chúng dành cho anh bằng cách tạo ra một huyền thoại về “một siêu nhân đi xuyên qua tường”.



Tên tuổi của Richard Sorge lần đầu tiên vang lên ở Liên Xô là như vậy và anh lập tức trở nên nổi tiếng lẫy lừng. Anh

được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô, còn các bạn chiến đấu của anh, dù còn sống hay đã chết, đều được tặng huân chương chiến đấu. Tổ quốc Xô Viết đã công nhận người điệp viên nằm vùng “Ramsay”(*) của mình.

Còn đây là những điều mà tướng Ramsay, trưởng phòng tình báo của ban tham mưu tướng Marcater, đã viết về anh từ trước trong cuốn sách *Sorge - Siêu điệp viên của tình báo Xô Viết*: “Nhóm tình báo dưới sự lãnh đạo của người điệp viên chói sáng Richard Sorge đã thực hiện được những chiến công thật sự kỳ diệu. Trong suốt tám năm trời, nhóm tình báo đó đã hành động một cách can trường, quả quyết và thành công vì Tổ quốc tinh thần của mình là Liên Xô”.

Mặc dù khởi đầu từ số không, tại một đất nước mà anh hiểu biết hết sức mơ hồ, nhưng Sorge đã xây dựng được một tổ chức tuyệt vời nhất... Trong tám năm hoạt động, anh đã chuyển về Moseva vô số những tin tức quan trọng, tin nào cũng được anh phân tích tỉ mỉ và kiểm tra kỹ lưỡng. Ban lãnh đạo tình báo Xô Viết và Hồng quân luôn luôn biết rõ mọi kế hoạch của các lực lượng vũ trang Nhật và Đức.

... Điểm đặc biệt nhất là tất cả các thành viên trong nhóm của Sorge đều hoạt động vì lý tưởng, vì sự nghiệp chung, chứ không phải vì tiền bạc. Những khoản tiền họ nhận được từ Trung Tâm (đó là những khoản tiền hết sức khiêm tốn) đều được chi vào việc trả tiền thuê địa điểm bí mật và tiền đi lại...

(*) Ý nói nhà bác học người Anh William Ramsay.

Giám đốc CIA Allen Dulles trong cuốn sách *Nghệ thuật tình báo* đã viết: “Thành tựu chủ yếu của nhóm Sorge là vào giữa năm 1945 đã trao cho Stalin những bằng chứng rõ ràng cho thấy người Nhật không có ý định tấn công Liên Xô mà tập trung nỗ lực vào vùng Đông Nam Á và khu vực Thái Bình Dương, tức là thực hiện chiến thuật Trân Châu Cảng. Thông tin này có giá trị bằng nhiều sư đoàn...”. Vậy con người có giá trị bằng nhiều sư đoàn ấy là ai?



*Con tem anh hùng
Xô viết Richard Sorge*

* Tiểu sử

Richard Sorge sinh trưởng ở Baku, trong gia đình một kỹ sư ngành dầu mỏ. Sau đó ít lâu, gia đình anh chuyển về Đức. Anh tốt nghiệp phổ thông, và khi Thế chiến Thứ nhất bùng nổ thì anh tình nguyện ra mặt trận. Tại mặt trận phía Đông, Sorge lần đầu tiên được biết về phong trào cách mạng, lần đầu tiên được nghe nói về Lenin. Ngay khi ấy, anh đã lựa chọn con đường đi của anh, anh trở thành đảng viên Xã hội dân chủ rồi đảng viên Cộng sản, làm việc cùng nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Đức Ernst Tenloman. Năm 1925, theo lời khuyên của Tenloman, anh sang Liên Xô.

Cùng với những nhà cách mạng trẻ tuổi khác, Sorge theo học tại Viện Mác - Lenin, chuẩn bị giương cao ngọn cờ của cách mạng thế giới. Trước đó, vào năm 1919, anh đã nhận được học vị tiến sĩ xã hội học tại trường Đại học

Hamburg. Đồng thời, anh làm công tác nghiên cứu khoa học: chỉ từ năm 1925 đến năm 1927, anh đã cho in hai cuốn sách và 17 bài báo khoa học nghiêm túc, anh đã trở thành nhà khoa học. Nhưng đến năm 1929, Ian Berdin đã lôi cuốn anh vào làm việc cho cơ quan tình báo quân sự Xô Viết. Làm việc này không khó khăn lắm. Đất nước đã trở thành tổ quốc của anh lúc đó đang bị kẻ thù bao vây khắp xung quanh. Chúng chuẩn bị can thiệp, tổ chức các vụ khiêu khích, đe dọa các vùng biên giới. Đất nước đó cần phải được bảo vệ.

*** Xây dựng và phát triển mạng lưới ở Nhật**

Chuyến công tác nước ngoài đầu tiên của Sorge là đến Trung Quốc với tư cách phóng viên đặc biệt của tờ báo Đức "Dat Sociologic Magazine" và cũng là đại diện của một vài tờ báo Mỹ. Trung tâm cần tin tức về âm mưu của Nhật ở Trung Quốc. Sorge đi khắp Trung Quốc để thu thập những số liệu cần thiết. Cùng làm việc với anh là Mark Clauden, một người anh mới quen biết ở Thượng Hải, thợ cơ khí ô tô và một nhà chơi vô tuyến nghiệp dư. Mark Clauden lắp một chiếc điện đài và dễ dàng thiết lập liên lạc với đài phát thanh Xô Viết ở Vladimirvostoc. Trong thời gian lưu lại ở Trung Quốc, Sorge không chỉ thu thập tin tức mà còn hoạt động công khai, sắp đặt những mối quan hệ cần thiết, nghiên cứu tình hình ở Trung Quốc cũng như ở nước Nhật Bản láng giềng. Giờ đây, con đường của anh là đến Nhật Bản, nhưng không phải đi thẳng mà là qua ngã Berlin. Vào lúc ấy, bọn phát xít đã lên nắm chính quyền ở Đức, anh phải lấy lại tên thật, tên của một người mà ai cũng

biết đã từng là đảng viên Cộng sản, đã từng quen biết Tenleman và tác giả của nhiều cuốn sách. Giờ đây, khó lòng tưởng tượng nổi là tại sao cơ quan phản gián Đức lại có thể phạm một sơ suất như vậy, nhưng đó là sự thật. Cơ quan phản gián Đức lúc đó còn quá non trẻ và thiếu kinh nghiệm, chúng chẳng có thời gian đâu kiểm tra lý lịch của từng người, nhất là người đó lại đã “từ bỏ” những tư tưởng trước đây.

Vậy là Sorge đã trở thành phóng viên riêng ở Tokyo của tờ báo tư sản tự do Đức *Franfurter Saitung*. Ngày mùng 6 tháng 9 năm 1943, anh đặt chân lên cảng Iocotama.

Những bài báo của Sorge rất giá trị đối với tờ báo và được độc giả quan tâm. Những bài báo của anh nổi bật lên nhờ cách phân tích sâu sắc, nhờ những kết luận rõ ràng và tầm bao quát rộng rãi đề tài. Sau khi giành được uy tín với tư cách nhà báo, anh bắt tay vào việc thực hiện nhiệm vụ “xâm nhập vào các giới người Đức” ở Tokyo, trước hết là vào giới chính trị. Người quen có triển vọng nhất của Sorge là đại tá Ayden Ott, lúc đầu là nhà quan sát quân sự rồi sau là tùy viên quân sự của Đức ở Tokyo. Ông ta đánh giá rất cao Sorge với tư cách là một chuyên gia, một người am hiểu Nhật Bản và một nhà phân tích xuất sắc.

Trích báo cáo của nhóm “Ramsay” gửi về Moseva:

“Mỗi khi Ott nhận được một tài liệu quý giá hoặc định viết một vấn đề gì đấy thì ông ta lại mời Sorge đến, cho anh làm quen với tài liệu. Đối với những tài liệu không quan trọng lắm thì nếu Sorge yêu cầu, ông ta chuyển đến nhà anh để anh làm quen. Còn nếu đấy là những tài liệu

quan trọng hơn thì Sorge thường đọc ngay trong phòng làm việc của ông ta”.

Ngày 29 tháng 4 năm 1938, đại sứ mới của Đức ở Tokyo, thiếu tướng Ayden Ott, “bạn” của Sorge, trình uỷ nhiệm thư lên Nhật hoàng. Giờ đây, Sorge đã có thể tiếp xúc không hạn chế với những tài liệu từ nguồn trực tiếp nhất. Đôi khi, theo yêu cầu của Ott, anh viết báo cáo cho cấp trên của ông ta ở Berlin. Công việc nhiều đến nỗi anh nhiều đêm phải thức trắng. Trong khi ấy, anh còn phải sống cuộc đời của một nhà báo cũng như phải tham gia cuộc sống của giới thượng lưu nữa. Các bản báo cáo của cơ quan phản gián Nhật cho thấy anh là một con người bình thường, có những nhược điểm và khuyết điểm riêng của mình. Anh thích uống rượu và không bắt mình phải từ bỏ thú vui này. Mật thám Nhật thần nhiên ghi nhận rằng anh không phải là tín đồ thanh giáo cả về mặt quan hệ với phụ nữ - trong tám năm sống ở Nhật, anh đã có quan hệ với ba mươi đại diện của phái đẹp. Rất có thể anh thư giãn bằng cách đó, mà cũng có thể anh đeo mặt nạ của một gã Don Juan để che giấu con người thật điệp viên của mình.

Vào khoảng giữa thập kỷ 30, nhóm “Ramsay” hình thành ở Tokyo và bắt đầu hoạt động. Tham gia nhóm này có Hotdumi Ottdaki, nhà báo và nhà hoạt động xã hội người Nhật, Branco Vukevich, phóng viên của tờ tuần báo Pháp Vi và của tờ báo *Chính trị* ở Bengrad, nhà kinh doanh Đức Mark Clauden và họa sĩ Miaghi. Tất cả đều là những con người chín chắn, lịch lãm, những nhà quốc tế chủ nghĩa, nhưng Sorge vẫn phải bỏ nhiều công sức để huấn luyện họ

thành điệp viên. Đặc biệt khó khăn là với Ottdaki: ông cho rằng những quan điểm quốc tế chủ nghĩa của mình, đặc biệt là việc cộng tác với Sorge, trái ngược với lòng trung thành của ông đối với nước Nhật.

Trong suốt tám năm trời, những con người này đã sát cánh làm việc bên nhau, không hề trục trặc, hoàn toàn tin tưởng ở nhau. Nhiệm vụ chính của nhóm “Ramsay” là góp phần ngăn chặn cuộc chiến giữa Nhật Bản và Liên Xô, tìm hiểu mối quan hệ giữa Nhật Bản và nước Đức Hitler. Người giúp Sorge thực hiện nửa đầu của nhiệm vụ là Ottdaki. Là một người có óc phân tích tinh tế, có văn hoá và trình độ học thức cao, từ tháng 7 năm 1938, ông trở thành cố vấn chính thức bên cạnh thủ tướng Nhật hồi đó là Conoe. Địa vị này cho phép ông không chỉ thông hiểu tình hình chính trị mà ở một mức độ nào đấy, dù là hết sức nhỏ, có thể ảnh hưởng đến việc ra các quyết định.

*** Những bức điện có giá trị nhiều sư đoàn**

Tin tức đầu tiên mang tính chất thuần túy quân sự của nhóm “Ramsay” là bức điện có chứa đựng kết luận cho rằng bộ tổng tham mưu Nhật đang chuẩn bị đòn đánh bất ngờ vào Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Thông tin này đã cho phép Hồng quân chuẩn bị giáng trả và đánh tan quân Nhật trên sông Khan-khin-Gol.

Năm 1939, vị trí của Sorge trong sứ quán Đức được củng cố thêm bởi vì đại sứ Ayden Ott đề nghị anh làm tùy viên báo chí. Theo quy định thời đó thì điều này sẽ khiến anh mất quyền cộng tác với báo chí. Nhưng tình thế được

hoá giải một cách bất ngờ. Trước đó ít lâu, một nhân viên Gestapo là Maydinghe đến sứ quán với nhiệm vụ kiểm tra đội ngũ nhân viên của sứ quán, hơn nữa, y được yêu cầu phải chú ý đặc biệt đến Sorge vì anh đã từng là đảng viên Cộng sản. Nhưng Sorge đã biết cách tranh thủ cảm tình của Maydinghe đến nỗi anh được phép cộng tác với báo chí trong khi vẫn thực hiện nhiệm vụ của một tùy viên báo chí. Cần phải nói rằng Sorge đã làm được không ít việc cả trên cương vị một tùy viên báo chí. Bởi lẽ nấp dưới bộ mặt một tên quốc xã chính thống và ở Đức, anh được coi là điệp viên của Tổng cục An ninh Đế chế nằm vùng ở Tokyo, một điệp viên đã cung cấp được những tin tức hạng nhất về Nhật Bản cho cơ quan tình báo Đức. Anh được Sellenberg đánh giá rất cao mà bằng chứng là những dòng y viết về anh trong hồi ký của y. Bọn Đức không thể tin được rằng anh lại không làm việc cho chúng. Những tin tức về việc Sorge làm việc cho cơ quan tình báo Đức cũng đã bay đến Moscva, và đây là một trong những nguyên nhân khiến Stalin không tin anh.

Trong khi ấy, thời gian của những thử thách vĩ đại cả đối với anh cũng như đối với nhân loại cứ ngày một đến gần. Sorge gửi đi những bức điện đầy lo ngại. Dưới đây là nội dung tóm tắt một vài bức điện trong số đó.

Tháng 2-tháng 6 năm 1939: *tin tức về việc Đức chuẩn bị xâm chiếm Ba Lan; cuộc tấn công sẽ bắt đầu vào cuối tháng 8 - đầu tháng 9.*

Tháng 2-tháng 4 năm 1940: *cảnh báo về việc Đức sẽ tấn công trên quy mô lớn vào Pháp và Anh; sau khi thống trị*



*Châu Âu, Đức dự định
sẽ tấn công Liên Xô.*

*Ngày 18 tháng 11
năm 1940: tin tức và số
liệu về những biện pháp
mà Đức đang thực hiện
nhằm chuẩn bị cho cuộc*

*xâm lược Liên Xô. “Trên vùng biên giới Đức - Xô đã tập trung
80 sư đoàn Đức. Hitler có ý định xâm chiếm vùng lãnh thổ
theo tuyến Kharcov - Moscva - Leningrad.*

*Ngày mồng 5 tháng 3 năm 1941. Những đại diện của
Hitler đến đây đều khẳng định chiến tranh sẽ bắt đầu vào
cuối tháng 5. Để tấn công Liên Xô, Đức đã tập trung 9 tập
đoàn quân gồm một trăm năm mươi sư đoàn.*

*Ngày 20 tháng 5 năm 1941. Cuộc tấn công Liên Xô sẽ
diễn ra vào ngày 20 tháng 6; hướng tấn công chủ yếu là vào
Moscva.*

*Ngày 31 tháng 5 năm 1941. Ngày 22 tháng 6, Đức sẽ
tấn công Nga mà không tuyên chiến.*

*Ngày 15 tháng 6 năm 1941. Cuộc tấn công sẽ diễn ra
trên một chiến tuyến rộng lớn vào lúc rạng đông ngày 22
tháng 6.*

Không thể chính xác hơn được nữa! Nhưng Stalin không tin Sorge, không tin cả Schulze-Boysen và những điệp viên khác đã nêu đích danh ngày tháng này. Điều đó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Những nguyên nhân khách quan sẽ không được đề cập đến ở đây bởi vì những nguyên nhân đó đã được biết khá rõ rồi. Còn

nguyên nhân chủ quan cơ bản là Sorge đã nhiều lần viện những lý do khác nhau để từ chối đến Liên Xô nghỉ phép hoặc công tác. Anh suýt bị gán cho “danh hiệu” khủng khiếp là “kẻ không muốn trở về”. Vậy có thể tin tưởng một người như vậy không? Nhưng về phần mình thì Sorge cũng không có lòng tin như vậy - chắc chắn là anh không tin rằng anh sẽ có thể sống sót trở về sau khi đến Liên Xô bởi vì đã có quá nhiều bạn chiến đấu của anh ra đi rồi không trở lại. Chẳng hạn như Berdin...

Còn có một nguyên nhân nữa. Những tin tức về ngày tháng Đức tấn công Liên Xô đến từ nhiều nguồn khác nhau, thậm chí còn được công bố trên báo chí các nước trung lập. Và tất cả những tin đó đều không được chứng thực. Cả một số lời cảnh báo của Sorge (cuối tháng 5, ngày 20 tháng 6...) cũng không được chứng thực.

Do đó Stalin không tin, và chiến tranh đã bùng nổ. Bây giờ cần phải làm rõ lập trường của Nhật Bản.

Ngày mùng 2 tháng 7 năm 1941, phiên họp của hội đồng hoàng gia Nhật diễn ra dưới sự chủ tọa của Nhật hoàng Hirohito. Phiên họp quyết định: Tấn công Đông Dương, duy trì hiệp ước không tấn công lẫn nhau với Liên Xô, động viên một lực lượng quân đội đủ lớn để nếu thuận tiện thì vẫn thực hiện việc tấn công Liên Xô.

Ngày mùng 3 tháng 7, Moscva nhận được bức điện: *Mặc dù nước Đức Hitler gây sức ép nhưng tạm thời Nhật sẽ không tham gia cuộc chiến chống Liên Xô.*

Tháng 9 - tháng 12 năm 1941, xe tăng Đức tiến về phía Moscva. Bộ chỉ huy Xô Viết đứng trước một vấn đề mang

tính quyết định: liệu có thể chuyển các đơn vị ở Xibiri sang phía Tây để bảo vệ Moscva được không?

Ngày mùng 6 tháng 9 năm 1941, Moscva nhận được một báo cáo đã được kiểm tra kỹ lưỡng: ... *Trong năm nay, Nhật Bản sẽ không tiến vào vùng Viễn Đông.*

Đầu tháng 10 năm 1941: *Nếu trước ngày 15 tháng 10 mà chính phủ Nhật Bản không đạt được thoả thuận với Mỹ thì Nhật Bản sẽ phát động cuộc chiến ở miền Nam chống Singapore. Chiến sự giữa Nhật và Mỹ chắc chắn sẽ bắt đầu vào cuối năm.*

Sorge còn chuẩn bị xong một bức điện nữa: *Sứ mệnh của chúng tôi ở Nhật Bản đã hoàn thành. Đã tránh được cuộc chiến tranh giữa Liên Xô và Nhật Bản. Hãy đưa chúng tôi về Moscva hoặc phái chúng tôi sang Đức.* Những bức điện này đã không kịp gửi đi.

*** Kết thúc bi tráng của một anh hùng**

Ngày 18 tháng 10 năm 1941, Sorge bị bắt. Việc bắt giữ nhóm của anh được cơ quan phản gián Nhật đánh giá là thành công lớn nhất. Ba mươi hai nhân viên phản gián Nhật được tặng thưởng những huân chương cao nhất của nước Nhật.

Cuộc điều tra kéo dài vài năm. Lập trường của phía bị cáo do Sorge đề xuất là rất vững chắc: “Trung tâm chỉ thị cho chúng tôi là phải cố gắng ngăn chặn khả năng xảy ra chiến tranh giữa Liên Xô và Nhật Bản... Và suốt từ đầu đến cuối tôi luôn luôn kiên trì đường lối này”. Tuy nhiên, toà vẫn tuyên án tử hình đôi với Richard Sorge và Hotdumi

Ottadaki. Các thành viên khác của nhóm bị tuyên những thời hạn tù khác nhau, nhưng chỉ một mình Clauden là kịp hưởng tự do: sau khi nước Nhật bại trận, Clauden được chính quyền chiếm đóng Mỹ phóng thích.

Việc bắt giữ và kết án Sorge chẳng khác gì một quả bom nổ tung trong sứ quán Đức ở Tokyo. Cả Ott lẫn Maydinghe đều ra sức hạ thấp vai trò của mình trong mối quan hệ với Sorge. Để giải thích vụ thất bại này, người ta đã tạo ra một huyền thoại về Sorge, dường như anh là một “siêu nhân có thể đi xuyên qua tường”.

Ngày 11 tháng 7 năm 1944, sau hơn ba năm ngồi tù, Sorge bị treo cổ. Sau khi anh chết vẫn còn lại những “hồi ký” của anh - đó là những ghi chép của anh ở trong tù. Trong những ghi chép đó, anh quả quyết tuyên bố với cả bạn bè lẫn kẻ thù rằng anh chết như một người cộng sản trong niềm tin vào thắng lợi của Liên Xô.

Nhiều người thường đặt câu hỏi là liệu có thể cứu được Sorge không bằng cách trao đổi anh lấy những điệp viên Nhật bị bắt giữ ở Liên Xô? Chưa chắc. Vào thời chiến, việc trao đổi như vậy chưa từng được một bên tham chiến nào thực hiện.

ERNEST HEMINGWAY

BẠC THẦY GIÁN ĐIỆP NGHIỆP DƯ

Hemingway Ernest Miller (1898 - 1961) là nhà văn Mỹ nổi tiếng thế giới, giải thưởng Nobel văn học 1954 với nhiều tiểu thuyết rất được ưa thích như Chuông nguyện hồn ai, Giã từ vũ khí, Ông già và biển cả... Bạn đọc cũng đã biết nhiều về cuộc đời sôi động của ông, như hoạt động du kích, hoạt động báo chí trên mặt trận Thế chiến Thứ nhất và Thứ hai; về những thú đam mê của ông như đấu bò tót, đi săn, câu cá biển... Nhưng có lẽ nhiều người chưa biết nhà văn còn là một... điệp viên. Dưới đây xin giới thiệu quãng đời điệp viên của ông.



* Bắt đầu từ thú đam mê mạo hiểm

Mùa hè năm 1942, cuộc Đại chiến thế giới Thứ hai nổ ra khắp nơi. Nhưng E. Hemingway bị kẹt trong ngôi biệt thự hiu quạnh tại La Habana, Cuba. Sau sự kiện Trân Châu Cảng, mặc dù Cuba đã tuyên chiến với phe trục Đức - Italia - Nhật, nhưng đảo quốc này xem ra chẳng mấy mặn mà với

việc chống lại bọn Đức Quốc xã. Trong khi vị trí địa lý của Cuba có thể được coi là “trời phú”, ngôi tàu thủy chở khách không quá nửa giờ sẽ tới được mỏm Key West, bang Florida nước Mỹ. Một số lượng khá đông gián điệp Đức, nhất là bọn gián điệp hải quân mang theo hộ chiếu Tây Ban Nha, ùn ùn tiềm nhập Cuba nhen nhóm hoạt động. La Habana gần như biến thành thủ đô gián điệp vùng Nam Mỹ.

Hemingway đầu tiên tìm gặp một người bạn cũ là Robert P. Joyce, bí thư thứ nhất Đại sứ quán Mỹ tại La Habana. Hemingway thao thao khoe với bạn rằng, trong thời nội chiến ở Tây Ban Nha mình từng tích cực tổ chức hoạt động bí mật tại Madrid như thế nào. Mà đặc điểm nổi bật nhất của ông là dám mạo hiểm, không sợ hy sinh thân mình. Joyce đã bị những lời du thuyết “bù tai” của Hemingway chinh phục hoàn toàn và cũng từ đó, Joyce “đầu quân” cho Cục Tình báo chiến lược, tiền thân của Cục Tình báo trung ương Mỹ. Được sự tiến cử nhiệt tình của Joyce, viên đại sứ Mỹ tại Cuba Spruyl Braden tỏ ra rất hứng thú với tài năng hoạt động chiến tranh bí mật của Hemingway. Theo thỏa thuận giữa đôi bên, Đại sứ quán Mỹ tại Cuba sẽ tài trợ cho Hemingway gây dựng một tổ chức điệp báo bí mật ngay tại địa phương, để phá các hoạt động tình báo của các phần tử Đức Quốc xã tại Cuba.

* “Nhà máy tội phạm”

Và thế là từ đó Hemingway bắt đầu chính thức hoạt động tình báo cho Chính phủ Mỹ. Ông đặt tên cho mạng lưới điệp báo của mình là “*Nhà máy tội phạm*”, thực ra tên gọi này đúng cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, bởi các “tình báo

viên” mà Hemingway chiêu mộ, trừ số ít là ngư dân lương thiện, còn phần đông là đám bộm nhậu, con bạc khát nước, dặt dẹo, tay chơi, thậm chí cả kẻ phản động.

Hoạt động tình báo của Hemingway trước tiên đã gây sự chú ý đặc biệt của FBI. Cục trưởng FBI Hoover vì đã quá quen thuộc với tiểu thuyết gia lừng danh này nên bắt đầu ngờ vực Hemingway là đảng viên Cộng sản bí mật. Vì vậy, FBI đã lập hẳn một hồ sơ riêng chuyên điều tra đối với Hemingway. Hoạt động của Hemingway và mạng lưới *Nhà máy tội phạm* của ông chẳng khác nào hành vi “múa rìu qua mắt thợ” đối với Hoover nên ông ta ra lệnh cho 16 đặc công FBI “nằm vùng” tại La Habana phải giám sát thật chặt mọi hành tung của Hemingway và các thành viên “*Nhà máy tội phạm*”.

Ngay sau đó, “Tham tán pháp luật” Raymond Leydi của Đại sứ quán (tay này có nhân thân đích thực là người phụ trách cao nhất của toán đặc công FBI “nằm vùng” tại La Habana), truyền tin tức về Mỹ nói rằng, Đại sứ quán mỗi tháng cung cấp cho Hemingway 1.000 USD làm kinh phí hoạt động. Hơn thế nữa, người vợ thứ ba mới cưới của Hemingway là Marsa hình như có mối quan hệ thân tình trên mức bình thường với phu nhân của tổng thống Franklin D. Roosevelt. Còn người đứng đầu mạng lưới điệp báo nghiệp dư được chính phủ tài trợ này mỗi tuần đều bí mật lén vào Đại sứ quán trực tiếp trao những tin tức tình báo mới thu thập được.

Trong hồi ký của mình, Joyce có nhắc tới những công việc của Hemingway rằng: “Đương nhiên, rất nhiều tin tình báo của họ là tác phẩm của óc tưởng tượng, nhưng

cũng không ít tin có giá trị. Và với những tin thực sự quan trọng, chúng tôi trả thù lao khá hậu”. Những tin tình báo do mạng lưới điệp báo của Hemingway cung cấp đã gây được sự chú ý đặc biệt của tổ chức tình báo Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, thậm chí còn ngầm bảo vệ “*Nhà máy tội phạm*” tránh khỏi sự quấy phá của Hoover. Thành tích xuất sắc nhất của “*Nhà máy tội phạm*” là chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn đã buộc phần lớn những điện đài bí mật của các phần tử Đức Quốc xã trên đảo đều phải câm họng. Phương pháp của Hemingway rất đơn giản, ông cho đám “điệp viên lang thang” của mình tới mọi ngõ ngách phao tin lên rằng, nếu kẻ nào còn liều mạng đánh điện báo cho tàu ngầm “U”, thì bọn chúng hãy liệu mà giữ mạng. Một lần, “*Nhà máy tội phạm*” chú ý tới một cô gái gọi “vang bóng”, đẹp như hoa hậu chuyên ve vãn mỗi chài các sĩ quan hải quân Đồng Minh, trong khi ả có một gã bồ “già nhân ngãi non vợ chồng” là một chủ quán cà phê người Đức (thực tế hẳn là người phụ trách điệp viên Hải quân Đức “nằm vùng” tại La Habana). Hemingway lập tức hạ lệnh chờ tay chân hành động, chỉ mấy ngày sau, bỗng gã này “bay hơi” mất tăm.

* “Ông già và biển cả”

Ngày 8 tháng 10 năm 1942, bọn đặc công FBI gửi về Mỹ một bức điện mật khiến Hoover dựng tóc gáy. Ấy là tin tiểu thuyết gia này đã cải tiến con thuyền đánh cá “Para” của mình thành con tàu có vũ trang, Washington dường như đã trao quyền cho Hemingway bí mật tiến hành săn lùng truy sát tàu ngầm “U” của Đức Quốc xã.

Nửa cuối năm 1942, đang là thời kỳ nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, tàu ngầm “U” của Đức lùng sục khắp nơi để tìm kiếm các đội thương thuyền của Đồng Minh. Các đội thương thuyền của Mỹ liên tục bị tập kích bất ngờ.

Bản thân Hemingway vốn rất thích những chuyến đi biển. Ông thường đánh thuyền ra vùng biển sâu vịnh Caribe câu cá thu. Nhà mạo hiểm giàu tưởng tượng này nhận định rằng, bằng kinh nghiệm đi biển xa phong phú của mình, ông khẳng định sẽ hạ được tàu ngầm biệt kích của Đức. Kế hoạch của Hemingway rất đơn giản, bởi tàu ngầm “U” phải qua một hành trình rất dài mới tới được vùng biển này, nhất thiết phải bổ sung nhiên liệu và lương thực, nước uống. Vì vậy, bọn chúng buộc phải mạo hiểm nổi lên mặt nước, gạ mua, đổi nước uống, lương thực của các thuyền đánh cá. Kế hoạch của Hemingway là lắp súng máy hạng nặng lên chiếc thuyền “Para”, sau đó tuần tiễu ngang dọc vùng biển Caribe. Hemingway tin rằng, thế nào bọn Đức cũng mắc câu, một khi tàu ngầm Đức trôi lên, tưởng chiếc “Para” là thuyền đánh cá thông thường, sà tới, ông sẽ chọn thời cơ lệnh cho thuyền viên quét súng máy và ném thủ pháo đánh chìm tàu đối phương.

Trước hết, Hemingway chia sẻ ý tưởng này với thượng tá John.W.Thomas, viên sĩ quan chỉ huy Hải quân Mỹ tại



vùng Trung Mỹ. Viên sĩ quan này rất tâm đắc và tạo điều kiện đưa chiếc ngư thuyền “Para” của Hemingway tới căn cứ Hải quân Guantanamo trên đất Cuba để lắp và trang bị vũ khí. Kế hoạch tuyệt mật của Hemingway, ngoài Đại sứ Mỹ và thượng tá John.W.Thomas ra, chỉ một người Mỹ thứ 3 nữa biết tới, đó là tướng Bchir Willer, tư lệnh căn cứ Guantanamo. Hải quân Mỹ đã “tân trang” lại chiếc ngư thuyền “Para”: thay động cơ có công suất lớn, một khẩu đại liên 2 nòng Browning và nhiều thủ pháo, bộc phá... Nhằm thực hiện tốt kế hoạch tác chiến táo bạo “mặt đối mặt” trên biển, Hemingway đã tuyển lựa những thuyền viên trẻ khỏe, thạo sông nước và dũng cảm. “Phó tướng” của ông là Winston Gaster, một vận động viên xuất thân từ gia đình triệu phú. Phó thuyền trưởng là Grigori Fornaster, vốn từng là thuyền trưởng một con tàu hơi nước; người phụ trách quân khí trên tàu là thượng sĩ lục quân Downe Saxton, do Đại sứ quán Mỹ “cho mượn”.

Mấy chục năm sau, con trai của Hemingway nhớ và kể lại những ngày tháng đặc biệt từng sống với bố trên con thuyền “Para” lênh đênh trên biển khơi truy lùng tàu ngầm biệt kích Đức: “2 thuyền viên phục ở mũi thuyền, tay cầm súng tiểu liên, 2 người nữa trực bên khẩu đại liên Browning gắn ở đuôi thuyền, còn bố tôi đứng trên đài quan sát dùng ống nhòm sục sạo mọi động tĩnh trên mặt biển xung quanh, bên cạnh người là một khối bộc phá lớn”.

*** Chiến tích của điệp viên hay “trí tưởng tượng” của nhà văn**

Ngày 9 tháng 12 năm 1942, Hemingway báo cáo với

Đại sứ Mỹ về việc “Para” phát hiện một chiếc tàu ngầm “U” Đức áp sát chiếc tàu chở khách “Maques Dconmiras” của Tây Ban Nha. Có thể do muốn khuếch trương khả năng trinh sát của mình và cũng có thể do thói quen nghề nghiệp của nhà văn tài ba, Hemingway đã thêu dệt rằng, chiếc thuyền nhỏ nhoi của ông chỉ “chút xíu” nữa là tóm được người Đức vậy.



Lần này thì Hemingway đã cung cấp cho Hoover một cơ hội tốt. Gã cục trưởng FBI chưa bao giờ tin rằng nhà mạo hiểm nghiệp dư này có thể làm được tình báo. Hắn tức tốc hạ lệnh cho thuộc hạ tới ngay bến cảng điều tra về con tàu “Dconmiras”. Tin tức tình báo về chứng thực, những báo cáo “chiến tích” của Hemingway phần lớn là bịa đặt. Kết quả điều tra trên khiến viên đại sứ Mỹ rất khó xử, bởi ông ta đang chịu một áp lực khá lớn từ trong nước do Hoover khuấy động. Viên đại sứ đành thông báo cho Hemingway ngừng ngay mọi hoạt động của “*Nhà máy tội phạm*”.

Mặc dù mạng lưới điệp báo của Hemingway chính thức bị đình chỉ từ ngày 1 tháng 4 năm 1943, nhưng việc săn tàu ngầm Đức của nó vẫn kéo dài thêm 4 tháng nữa. Sau đó, đại sứ Braden dần dần thay đổi thái độ, bằng chứng là trong một lần bị vong lục gửi về Nhà Trắng, ông ta viết: “Không ít tin tức tình báo do Hemingway cung cấp là rất có giá trị, nó đã giúp cho chúng ta xác định được khá chuẩn

xác vị trí của tàu ngầm biệt kích Đức. Nhằm biểu dương những chiến tích xuất sắc của Hemingway, tôi thiết tha đề nghị xét thưởng huân chương cho ông ta". Mặc dù vậy, chính phủ Mỹ đã thẳng thừng từ chối. Có ý kiến cho rằng, để bù đắp lại, về sau chính phủ Mỹ mượn lý do Hemingway đã tỏ ra anh dũng xông xáo trong thời kỳ làm phóng viên mặt trận tại chiến trường Pháp, đã tặng ông Huân chương Ngôi sao đồng.

Nhiều người cho rằng, chính trong thời kỳ này Hemingway bắt đầu thai nghén tác phẩm nổi tiếng *Ông già và biển cả* sau này.

GRAHAM GREENE

TÁC GIẢ CỦA NHỮNG CUỐN “SÁCH GIÁO KHOA CHO CÁC ĐIỆP VIÊN”

Là một điệp viên có rất ít kinh nghiệm, nhưng Graham Greene (1904-1991) đã cho ra đời những tác phẩm văn học xuất sắc về phản gián và tình báo như Người của ta ở La Habana, Người Mỹ trầm lặng. Ông nắm bắt một cách tinh tế đến kinh ngạc thực chất cũng như đặc điểm của hoạt động phản gián để viết nên những cuốn sách hoàn toàn xứng đáng là sách giáo khoa cho điệp viên mới vào nghề (còn việc sử dụng các tài liệu đó như thế nào và nhằm mục đích gì lại là chuyện khác). Những cuốn sách của Greene sát với thực tế những gì tác giả đã trải qua khiến ta không thể không đồng ý với ý kiến của nhà văn lão thành Gabriel Garcia Marquez: “Ngoài Graham Greene ra tôi chưa từng biết một nhà văn nào mà ấn tượng về tác giả lại chỉ căn dựa trên cơ sở những tác phẩm của ông ta, mà sách lại có thể đúng với tính cách con người thực của người viết đến thế”.



* Tiểu sử

Graham Greene sinh ngày 2 tháng 10 năm 1904 tại thành phố nhỏ Berhamsted, tỉnh Hartfordsir, cách London không xa. Cha ông là hiệu trưởng một trường ưu đãi tư thục nam thành lập vào thế kỷ XVI, mẹ là chị họ của nhà văn lãng mạn nổi tiếng Robert Louis Steven, tác giả cuốn *Đảo báu vật*. Năm 1922, Greene thi đỗ vào trường Bayliol, một trong những trường thành viên tốt nhất của Đại học Tổng hợp Oxford. Thế chiến vừa kết thúc

cùng với cuộc cách mạng ở Nga đã đặt ra cho sinh viên lúc bấy giờ không ít câu hỏi về con đường đúng đắn mà nhân loại sẽ đi theo. Greene cũng tìm kiếm con đường đó. Năm 19 tuổi ông là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản. Việc ấy sau này đã gây khó khăn cho ông, có lần ông đã không được phép vào Mỹ: Ông đã rơi vào “sổ đen”, bị cơ quan an ninh lập hồ sơ theo dõi và mỗi lần vào Mỹ ông lại phải có giấy phép đặc biệt, còn trên visa có đánh dấu “phân tử khả nghi”. Và cứ thế tiếp diễn cho tới thời tổng thống Kennedy. Trong Đảng Cộng sản một thời gian ngắn, ông xin ra khỏi Đảng vì có niềm say mê mới, đó là Cơ đốc giáo mà ông trung thành trong nhiều năm, cho dù không phải là người cuồng tín và có thái độ khá gay gắt với các nghi thức và giới tăng lữ.



Cuốn Người Mỹ trầm lặng
(*The Quite American*)

Tốt nghiệp đại học xong, Greene đã thử sức ở nhiều công ty nhưng đều không thành công. Cuối cùng vào năm 1926, ông đã tìm được thiên hướng của mình: ông làm báo và là phó tổng biên tập cho tờ *Thời báo*. Cũng thời kỳ này ông đã có những thành công bước đầu trong lĩnh vực văn chương. Thôi việc ở tòa báo và từ năm 1930, Greene trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Ông bắt đầu viết kịch bản điện ảnh và trong những năm 1935-1939, ông thường xuyên viết bài phê bình điện ảnh cho tờ *Khán giả*.

Ngay từ lúc còn trẻ Greene đã rất thích đi du lịch và cuộc đời luôn dẫn ông tới những “điểm nóng”, tạo điều kiện cho ông mặc sức thu thập tư liệu cho các cuốn sách của mình sau này. Ông đã qua một chuyến đi dài ngày tới Châu Phi, vượt bộ hàng trăm dặm vùng Xiera Leon và Liberia. Sau này, năm 1938, ông sang Mexico thu thập tư liệu cho cuốn phóng sự về những cuộc truy lùng tôn giáo và qua cả Panama.

*** Nghề “phản gián” không chỉ phiêu lưu lãng mạn mà còn rất...**

Năm 1939, Thế chiến Thứ hai bùng nổ, Greene vào quân ngũ và trở thành điệp viên Cục Phản gián Anh. Bất kể tính chất phiêu lưu lãng mạn của nghề “phản gián”, song công việc của một điệp viên thật đơn điệu, buồn tẻ. Triền miên là những giấy tờ, những bản phúc trình, các báo cáo vô tận, khô khan, nhàm chán. Về tâm trạng này chính Greene đã viết: *“Sau chiến tranh tôi muốn viết một cuốn sách về phản gián, nhưng không mang tính bạo lực đặc trưng cho loại hình này, nhưng loại trừ James Bond ra, lại*

không tiêu biểu cho tình báo Anh. Tôi còn muốn cho độc giả thấy mặt đời thường không chút lãng mạn của hoạt động phản gián, như người ta vẫn đi làm hàng ngày tích tiền hưu trí, về thực tế không khác gì các cán bộ viên chức khác. Mọi chuyện bình thường, an toàn và người nào cũng có cuộc sống riêng tư quan trọng hơn nhiều. Trong suốt những năm tháng làm điệp viên tôi ít vấp phải những chuyện giật gân phiền toái”.

*** Nhiệm vụ mới ở Fretaun**

Cuối năm 1941, cuộc sống tẻ ngắt của một điệp viên tại bộ máy trung ương Cục Phản gián Anh đã kết thúc. Greene nhận nhiệm vụ mới, lần này là ở trên “tuyến đầu” tại vùng Fretaun đã quá quen thuộc đối với ông. Rõ ràng là ông được phái tới đây là do kinh nghiệm tích lũy được ở Châu Phi và cũng có thể là thể theo nguyện vọng của ông. Về chuyển công tác này ông đã không giấu vẻ hài hước viết: “Một chuyển công vụ, công việc nhà nước mà tính chất của nó rất khó tả.”

Ngày 9 tháng 12 năm 1941, Greene rời Liverpool trên con tàu chở hàng. Tàu có tất cả mười hai hành khách ở riêng trong những cabin đầy đủ tiện nghi. Trong số đó có những người khá kỳ dị. Sau khi tàu ra khơi, hành khách đều “tự nguyện” trực gác để theo dõi tàu ngầm, máy bay và trực chiến bên các khẩu pháo. Những người theo dõi tàu ngầm phải trực trên cầu chỉ huy của thuyền trưởng, nhưng họ thường say sưa quá chén nên chỉ huy con tàu không cho phép họ lên nữa.... Nói chung chuyến vượt biển thuận buồm xuôi gió và đầu tháng 1 năm 1942 sĩ quan tình báo Anh.

Graham Greene đã đặt chân lên Fretaun.

Để nắm được chính xác những việc Greene đã làm ở Fretaun cần phải lục lại hòm thư của Cục Phản gián Anh trong năm 1942 để tìm ra những lá thư và bức điện hiếm hoi trong đó Greene trao đổi với đại bản doanh của mình. Nhưng chúng ta không được phép tới đó, và lại cũng chưa chắc có phát hiện ra điều gì thú vị. Vì vậy ta hãy cố lắp ghép lại tất cả những gì Graham Greene đã tự nói ra rải rác ở những tác phẩm của ông. Và xin được nhường lời cho ông.



"Năm 1942, tôi sống ở ngoại vi thủ đô Fretaun của Xiera Leon trong một ngôi nhà giữa đám bùn lầy. Ngôi nhà này là nhà vệ sinh của dân bản xứ, nơi ruồi muỗi sinh sôi nảy nở nhiều không đếm xuể (một lần chỉ trong có hai phút tôi đã đánh chết được tới 150 con). Tôi đã gửi đơn lên tổng trưởng đề nghị xây nhà vệ sinh cho dân bản xứ và được ông ta trả lời rằng loại đơn yêu sách trên không gửi thẳng mà phải thông qua các cấp bậc từ dưới lên, nhưng vì trong trường hợp này chẳng có một cấp bậc nào phụ trách, nên tôi đã buộc phải nhắc nhở ông ta nhận xét của thủ tướng Churchill về vấn đề trên. Cuối cùng tôi đã có được nhà vệ sinh của mình và tôi đã ghi lại trong công văn tư liệu rằng nhà vệ sinh có ghi rõ cả tên tôi ở trên cửa..."

... Đã xảy ra những va chạm tiềm ẩn trong bóng của một vụ đụng độ khổng lồ: Chẳng hạn như khi tôi hoạt động đơn độc ở Xiera Leon thì sắp lại ở tận Lagot cách xa Fretaun tới ngàn dặm, đã có lúc “quên” trả lương cho tôi, hoặc ngậm ngùi theo dõi một tên nhãi ranh trắng trợn ở MI-5 làm cho ngài cảnh sát trưởng ở Fretaun, một người có thâm niên hai mươi năm vất vả và bệnh tật, phải phát điên lên... Thiếu gì những vụ việc rối rắm, ví như đã xảy ra mưu toan tảo bạo thuyết phục các thủy thủ bắt giữ con tàu Bồ Đào Nha xâm phạm vùng biển trong khi còn chưa muộⁿ hoặc bắt giam một người Thụy Sĩ bị nghi là gián điệp, nhưng trong tất cả sự việc hiển hách đó tôi chỉ giữ vai trò loong toong chạy giấy”.

Về chuyện tương tự Greene cũng tả lại trong một cuốn sách khác: “Sau ba tháng học chuyên môn Ở Lagot tôi về Fretaun, suốt bốn tháng rông ở văn phòng vừa là tướng vừa là quân (mãi sau này mới có thư ký). ở Lagot suốt ngày tôi chỉ làm một việc viết mật mã rồi lại giải mã, chiều chiều đến đồn cảnh sát chơi với bạn, giết thời gian bằng trò giết gián lấy điểm... \

Ở Fretaun cứ 6 giờ là tôi dậy, ăn sáng... Đúng 7 giờ tôi ngồi vào chiếc xe con rồi “lên đường” tới đồn cảnh sát “vỏ bọc” của mình để lấy điện báo được mã hóa nên cảnh sát không hiểu biết gì hết. Về tới nhà tôi giải mã các bức điện rồi cẩn mẫn ngồi trả lời từng bức một, viết báo cáo và chép lại những bản báo cáo khó đọc của những người khác. Mãi gần bữa trưa tôi mới kịp làm xong mọi việc”.

Quan hệ của tôi với sếp rất căng thẳng, cho dù ông ta ở tận Lagot cách Fretaun tới hai ngàn dặm. Chúng tôi không

ưa nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên. Ông ta là gián điệp chuyên nghiệp, còn tôi chỉ là nghiệp dư. Tính châm biếm hài hước của tôi thể hiện cả trong báo cáo và điện tín. Tôi thấy thương cho ông ta, cho tới tận cuối đời hoạt động vẫn phải dính với một nhà văn như tôi. Mãi sau này tôi mới được nghe kể lại rằng túi công văn thư từ của tôi gửi có lần vẫn nằm nguyên, không bóc trên bàn sếp tới vài ngày vì ông ta sợ. Đã có lần ông ta định răn đe tôi bằng cách giữ lương tháng của tôi ở chỗ ông ta, nhưng tháng ấy tôi đã được cảnh sát trưởng cho vay. Thế là kế hoạch của sếp sụp đổ hoàn toàn. Rồi cuối cùng chúng tôi công khai tuyên chiến: Lần ấy tôi có cuộc hẹn ở biên giới Liberia, song sếp lại gửi điện cấm tôi đến nơi hẹn vì sẽ có một chiếc tàu Bồ Đào Nha cập cảng Fretaun mà theo quy định mọi con tàu Bồ Đào Nha đến từ Angola đều phải khám xét. Chuyện đó của sở cảnh sát chẳng liên can gì đến tôi. Thế nhưng sau khi suy nghĩ đấu tranh bản thân tôi đã phục tùng và... nộp đơn xin thôi việc. Đơn không được chấp thuận. Tôi còn phải làm thêm nửa năm nữa, nhưng không còn dưới quyền sếp ở Lagot nữa...

Sau lần hoạt động ở Fretaun tôi được cử đến Ban phản gián của Kim Philby ở bán đảo Pirene. Tôi đặc trách về Bồ Đào Nha. Ở đó các sĩ quan phản gián Đức chưa được ta tuyển lại có nhiệm vụ soạn thảo và gửi cho Đức những tin tức hoàn toàn giả dựa trên thông tin của các điệp viên không có thực.

Chịu trách nhiệm về Bồ Đào Nha tôi thường ngẫm nghĩ mình có thể dễ dàng chơi trò ấy ở Tây Phi, nếu như đã không hài lòng với mức lương còm cõi của mình. Tôi thừa biết cấp trên ở London rất thích bổ sung những phiếu

mới trong hộp phiếu dữ liệu tình báo. Chẳng hạn có lần tôi nhận được báo cáo về một sân bay của phái Visi ở Ghine thuộc Pháp, điệp viên ở đó mù chữ, mới chỉ biết đếm đến mười (trên ngón tay). Tòa nhà mà điệp viên này khẳng định là sân bay có xe tăng đỗ, nhưng qua các nguồn tin khác thì lại là kho giày cũ. Khi chuyển thông tin trên, tôi đã nhấn mạnh tính “xác đáng” của nguồn tin, nhưng tôi đã vô cùng sửng sốt khi được khen là tin “có giá trị đặc biệt”! Thì ra có ai đó ở London đã vớ được dịp bổ sung tin tức vào tờ phiếu mới, tôi không thể giải thích khác được”.

Như vậy là cuốn truyện *Người của ta ở La Habana* đã nảy sinh và được thai nghén ở cái lều chật chội bán thịt tại Fretaun và 12 năm sau, vào năm 1958, được viết thành truyện ở một ngôi nhà đầy đủ tiện nghi gần công viên Saint James.

Trước khi ra khỏi ngành tình báo, Greene đã viết một cẩm nang tra cứu *Ai là ai* in vền vện có 12 cuốn. Trong cuốn cẩm nang đó ghi rõ về các điệp viên Đức ở vùng Adorơ với hai bài mở đầu (dựa trên những dữ liệu đáng ngờ!) và có phần bổ sung của Kim Philby về mạng lưới đài phát. Cẩm nang nói đúng ra là tất cả kinh nghiệm hoạt động phản gián của Graham Greene và được dành cho lính dù Anh. Đó là tất cả kinh nghiệm hoạt động tình báo của Greene.

Cũng cần nói thêm rằng mọi chuyện xảy ra với Philby không ảnh hưởng gì tới mối thân tình giữa hai con người phi thường đó. Tình bạn của họ bền vững cho tới cuối đời. Mỗi khi qua Moscva, Greene vẫn tới thăm cố nhân.

JOSEPHINE BAKER

NỮ ĐIỆP VIÊN NGHỆ SĨ

Josephine Baker (1906-1975) có tất cả những phẩm chất cần thiết của một điệp viên: xinh đẹp, quyến rũ, một trí tuệ sâu sắc và được đào tạo tình báo bài bản. Viên ngọc đen này, dưới vỏ bọc một danh ca, đã hoạt động như một nữ điệp viên đại tài. Những gì cô làm được cho phe Đồng Minh trong Thế chiến Thứ hai đã vĩnh viễn lưu danh cô trong lịch sử ngành tình báo Pháp nói riêng, và thế giới nói chung.



* Một danh ca cả đời hoạt động vì chính nghĩa

Josephine Baker là người da đen sinh trưởng ở thành phố Sanluy bang Matsuri nước Mỹ và chưa học hết phổ thông, cô đã trở thành vũ nữ kiêm ca sĩ, và đến năm 1924, khi mới mười tám tuổi, cô là “ngôi sao đen” của khu Broadway, trung tâm hoạt động biểu diễn ở New York.

Năm 1925, cô đồng ý với đề nghị của ông bầu của cô là sang Paris biểu diễn tại rạp “Tạp hí da đen”, cô được công

chúng hết sức ái mộ và đến năm 1937 thì được nhập quốc tịch Pháp. Tại đây, thông qua ông bầu, cô ngỏ ý với cơ quan tình báo Pháp được phục vụ vì lợi ích của nước Pháp và Đồng Minh để chống lại chủ nghĩa phát xít. Người giới thiệu cô với cơ quan tình báo Pháp là đại úy Jack Aptay, bạn của Moroani, - ông bầu của Josephine.

Sau khi thiết lập mối tiếp xúc với cơ quan tình báo Pháp, lúc đầu, Josephine làm việc ở Paris, giao tiếp với những người lánh nạn từ Bỉ và từ miền Bắc nước Pháp, trong số đó có khá nhiều gián điệp Đức. Vào tháng 5 năm 1940, "cuộc chiến tranh kỳ lạ" kết thúc, bắt đầu cuộc chiến tranh thật sự. Chỉ trong bốn mươi ngày, quân Đức đập tan sự kháng cự của Pháp và chiếm Paris.

Josephine được đưa vào mạng lưới điệp viên ngay lập tức, thậm chí ngay cả trước khi cô hay biết chuyện này, và đại úy Jack được chỉ định làm người hướng dẫn cô. Và thế là bắt đầu cuộc phiêu lưu quân sự kỳ thú đã dẫn họ từ Pháp đến Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Marocco, Angieri, Tuynidi, Libi, Ai Cập, Iraq, Xiri, Liban rồi lại đưa họ trở về thủ đô Paris đã giải phóng khỏi ách phát xít. Trong thời kỳ này, Josephine có một thời gian làm việc cho tình báo Anh.

Josephine có tất cả những phẩm chất cần thiết cho một điệp viên: cô là một nữ nghệ sĩ xinh đẹp có sức cuốn hút đối với tất cả những ai tiếp xúc với cô, cho dù đấy là những tên Quốc xã cuồng tín, cô còn có trí tuệ sâu sắc và cảm giác hài hước tuyệt vời, thích nghịch ngợm và được huấn luyện kỹ càng cho hoạt động gián điệp, điều mà cô luôn luôn biết ơn đại úy Jack Aptay.

Cô có một lâu đài được xây dựng từ thế kỷ XV rồi được

hiện đại hoá theo lối mới. Phục vụ trong nhà cô có chín gia nhân, và tất cả về sau đều trở thành những thành viên dũng cảm của phong trào Kháng chiến. Cũng sống tại đây còn có vài người nữa: một thương nhân, một bà nội trợ, một cô hầu phòng, một gia đình lánh nạn từ Bỉ sang. Ngoài ra là những vật nuôi được cô hết sức yêu quý: một con chó, vài con khỉ, dăm ba con chuột trắng mà cô thường đem theo trong mọi chuyến đi. Cô còn có một thư ký riêng và một phi công riêng. Nhưng chính cô cũng thích lái máy bay, cô là người phụ nữ thứ hai ở Pháp được cấp giấy chứng nhận phi công (người phụ nữ đầu tiên ở Pháp, Marta Rische được cấp giấy chứng nhận phi công vào năm 1913).

Đại úy Jack Aptay được lệnh đến London xin chỉ thị và ông lên đường với tấm hộ chiếu giả mang tên Jack Hebert. Còn Josephine được chính quyền quân sự Đức cho phép sang Madrid (thủ đô Tây Ban Nha) biểu diễn trong các tiệm ăn. Mặc dù chính quyền quân sự Đức xử sự với cô rất ưu ái nhưng điều đó không ngăn cản Gestapo cướp bóc lâu đài của cô.

Vào tháng 11 năm 1940, Josephine và Jack gặp nhau ở Lisbon, thủ đô Bồ Đào Nha. Mọi thứ đều được chuẩn bị để chuyến đi của cô giống như một chuyến đi biểu diễn. Cô hát trong các chương trình tạp hí và trên đài phát thanh quốc gia Bồ Đào Nha. Nhưng mục đích thật sự của cô là phát hiện bằng được hai tên mật thám Đức đang gây nguy hiểm cho con đường rút lui duy nhất từ Pháp qua dãy Pirene sang Lisbon rồi từ Lisbon sang London. Đó cũng là nhiệm vụ của vài sĩ quan Pháp và của các điệp viên Anh Douglas Hay, Hec Waller, John Benert và Ian Donanson.

Họ phải giúp một loạt tướng lĩnh, bộ trưởng và chính khách Pháp vượt qua biên giới để đến chỗ tướng De Gaulle.



Ngay cả nhiều năm sau, Josephine vẫn không muốn kể về việc cô đã làm thế nào phát hiện ra được tên điệp viên Đức Hains Raynert, kẻ lãnh đạo cuộc săn lùng những người chạy trốn khỏi nước Pháp. Y thường xuyên đi lại giữa biên giới Pháp, Madrid và Lisbon dưới lớp vỏ một nhà doanh nghiệp Đức tên là Sorge Runke. Trong suốt mấy tháng trời, các điệp viên của

Đồng Minh không tài nào phát hiện ra được y. Josephine đã làm được việc này. Cô cũng vạch mặt được một tên điệp viên Đức nguy hiểm khác là Carlo Clum, kẻ được cảnh sát của Franco tiếp tay nên đã lùng bắt được một số người lính nạn và giao nộp họ cho bọn Gestapo đang chờ sẵn ở biên giới Pháp. Tất cả những người này về sau đều bị chết trong các trại tập trung phát xít. Nhưng nhiều người nhờ có Josephine nên đã được cứu thoát và được tự do. Còn bọn Đức thì không bao giờ biết được ai là người đã vạch mặt Hains Raynert và Sorge Runke.

Tại Lisbon, Jack Aptay gặp lại sếp cũ của mình là Paluan. Paluan đã từ Paris đến Vichi và làm ra vẻ ủng hộ chính phủ bù nhìn Pháp do Peten đứng đầu và đặt trụ sở ở Vichi. Còn trong thực tế thì ông đang tổ chức mạng lưới điệp viên cho tướng De Gaulle tại vùng lãnh thổ

chưa bị chiếm đóng của nước Pháp. Josephine được cử đến giúp ông.

Cô khá miễn cưỡng gửi đơn xin chính phủ Vichi cho phép đi Marseille để biểu diễn tại nhà hát thành phố. Lần đầu tiên cô không muốn biểu diễn ở Pháp, cô đã từng tuyên bố: “Tôi sẽ không biểu diễn ở đây cho đến khi tên quốc xã cuối cùng bị tống cổ khỏi Pháp”. Nhưng cô buộc phải đồng ý với Jack là cô sẽ đem lại ích lợi hơn nhiều nếu



cô làm ra vẻ thân thiết với chính phủ bù nhìn Vichi. Bởi vậy, vào tháng 12 năm 1942, tại nhà hát Marseille đông nghịt người, cô đã hát trong vở operet “Cô gái lai” của tác giả Offebakh. Tại Marseille, cô cũng đã hỗ trợ cho tổ chức hoạt động bí mật ở đây.

Theo lệnh của London, Jack Aptay và Josephine mặc dù từ chối phần thưởng một nghìn bảng Anh của tình báo Anh nhưng vẫn lên đường đi Bắc Phi. Vào quãng thời gian này, quân Đồng minh đã chuẩn bị xong kế hoạch đổ bộ xuống Angieri. Việc tấn công vào Oran và thủ đô Angie bị hoãn lại cho đến tháng 11 năm 1941, nhưng ban lãnh đạo các cơ quan tình báo Đồng Minh vẫn cần những thông tin chi tiết về tình hình khu vực này. Đầu năm 1941, Josephine đến thủ đô Angieri và biểu diễn nhiều tháng trời tại Bắc Phi. Tối nào và đêm nào cô cũng hát trong các

tiệm ăn và các nhà hát, còn vào lúc “rảnh rỗi” thì cô thu thập những tin tức quý giá cần thiết cho tình báo quân sự Đồng minh, chẳng hạn như về hệ thống công sự bờ biển, về việc bố trí quân đội và về tình hình chính trị chung. Tại Marocco, cô bí mật gặp gỡ Bi Bahin, em trai của nhà vua và là người ủng hộ Đồng Minh. Tại Marakesa, cô tranh thủ được sự ủng hộ của En Glap Pasa, một thủ lĩnh già của bộ lạc Barba và về sau trở thành bạn thân của Thủ tướng Anh Churchill.

Josephine thực hiện nhiều sứ mệnh tế nhị, kể cả việc đưa hối lộ cho các vua chúa Beduin và Barba. Một phần số tiền này là của riêng cô. Cô còn quyến rũ được Mula Larbi En Aluis, một lãnh chúa xảo quyệt của Marocco, khiến ông ta say đắm cô đến nỗi ông ta bắt đầu cung cấp cho cô nhiều thông tin giá trị. Cô kiếm được nhiều bạn bè trong giới sĩ quan cao cấp thân cận với tướng Nog, viên toàn quyền của chính phủ Vichi và là kẻ thân Đức. Họ cung cấp tin tức cho cô và những tin tức này lập tức được chuyển về London. Chuyện này thật mạo hiểm bởi lẽ vào quãng thời gian đó binh đoàn của tướng Rommen đã đẩy bật quân Anh gần như cho tới tận Alecxandri.

Josephine có mặt ở khắp nơi: ở Agandi, ở Feda, ở Tuynidi. Cô vượt qua Libi và đồng ý hát cho quân đội Đức để thiết lập mối tiếp xúc với những người lãnh đạo phong trào Sennutsi là phong trào đang gây thiệt hại nặng nề cho quân đội Đức và Italia ở sa mạc.

Vào bất kỳ lúc nào trong những “chuyến đi biểu diễn” này, cô đều có thể bị bọn Đức phát hiện là điệp viên của Đồng Minh và đều có thể bị xử bắn.

Mùa đông năm 1941 - 1942, khi đang ở Casablanca thì cô bị ốm. Căn bệnh được xác định chính thức là cận thương hàn, nhưng gần như chắc chắn là cô bị đầu độc. Tình báo Đức nghi ngờ là ít nhất cô cũng có cảm tình với De Gaulle nếu như cô không phải là điệp viên của Đồng Minh. Nhưng cô quá nổi tiếng nên cả người Đức lẫn Italia đều không dám bắt cô, bởi vì việc này chắc chắn sẽ gây ra làn sóng phản nộ tại vùng Bắc Phi thuộc Pháp là nơi bọn phát xít đang cố giành được sự ủng hộ của những quan chức của chính phủ Vichi cũng như của những kẻ hợp tác với chúng. Suốt mấy tháng trời, tính mạng của Josephine như treo trên sợi tóc. Tính mạng cô nguy hiểm không những chỉ do bệnh tật mà còn bởi vì trong khi cô nằm viện, máy bay Đồng Minh gần như ngày nào cũng ném bom Casablanca và bom rơi ngay sát bệnh viện cô nằm.

Cuối cùng quân Đồng Minh cũng đã bắt đầu cuộc tấn công. Trong suốt ba ngày đêm, một trăm năm mươi nghìn quân Mỹ và một trăm bốn mươi nghìn quân Anh và quân của nước Pháp Tự do đã từ tàu chiến đổ bộ lên các bãi biển Bắc Phi.

Khi tư lệnh quân Đồng Minh là tướng Paton đến Casablanca và được tin Josephine bị ốm, ông gửi cho cô một bó hoa với dòng chữ: "Tặng Josephine Baker, người đã rất dũng cảm giúp đỡ chúng tôi".

Tuy còn rất yếu nhưng cô vẫn đòi bằng được tổ chức một cuộc hội nhạc lớn tại câu lạc bộ Tự Do. Trong số khán giả có nhiều tướng lĩnh cao cấp của quân đội Đồng Minh: thống chế Alexander, tướng Clark, tướng Paton, tướng Anderson, đô đốc Kentinghem. Josephine biểu diễn cho

binh sĩ Mỹ và Anh trong mấy tuần liền, sau đó, cô lại nhận một nhiệm vụ bí mật mới.

Paluan, thủ trưởng cũ của Jack Aptay, đến Bắc Phi cùng các đại tá Rivet và Ducrest. Nhiệm vụ của họ là phân tích tình hình phức tạp tại các vùng lãnh thổ được uỷ trị cho nước Pháp - đó là Xiri và Liban, những nơi mà Pháp đang phải đứng trước một vấn đề nghiêm trọng là chủ nghĩa dân tộc Ả Rập.

Các nước Đồng Minh giờ đây đã có những vị trí mạnh tại Trung Đông nhưng điều đó không ảnh hưởng đến người dân Ả Rập, những người đang mơ ước đến độc lập dân tộc. Các điệp viên của Hitler và Mussolini tìm mọi cách lợi dụng tâm trạng này vào mục đích có lợi cho chúng - chúng cố gắng thành lập "Mặt trận thứ hai" chống quân Anh ở Ai Cập.

Vào tháng 1 năm 1943, Roosevelt và Churchill gặp nhau ở Casablanca để thảo luận vấn đề mở mặt trận thứ hai ở Châu Âu. Josephine cảm động trào nước mắt khi nhận được lời mời đến lãnh sự quán Mỹ là nơi diễn ra cuộc gặp gỡ này. Nhưng cô buộc phải từ chối vì đã nhận được chỉ thị phải lên đường đến thủ đô Beirut của Liban để gặp phái viên Pháp ở đấy.

Lần này, nhiệm vụ của Josephine khác với những nhiệm vụ mà cô đã thực hiện trước đây. Giờ đây, cô phải làm việc không phải để chống lại các điệp viên Đức và Italia mà là chống lại những phần tử dân tộc chủ nghĩa và cách mạng Ả Rập. Giáo trưởng Jerusalem là Amin đã chạy sang Đức, nhưng những kẻ ủng hộ ông ta vẫn phá hoại nghiêm trọng sự thống trị của Pháp và Anh. Tại Iraq và Xiri, xảy

ra cuộc nổi dậy của Rasid Ali mà theo ý kiến các điệp viên Phương Tây, là do Đức đạo diễn và tài trợ. Cuộc nổi dậy này đã bị đàn áp vào năm 1941, nhưng những kẻ kế tục lại ngóc đầu dậy. Đó là những thành viên Liên đoàn Ả Rập của Ibrahim Vadani mà trong đó có cả những điệp viên làm việc cho Quốc xã Đức.

Vào cuối năm 1943, sau khi Rommen hoàn toàn thất bại ở Bắc Phi, ngọn lửa thù địch của người dân Ả Rập đối với Pháp và Anh lại bắt đầu bùng lên. Tình báo Anh có những tài liệu cho biết rằng đóng vai trò to lớn trong việc này là những phái viên được Đức gửi tới qua đường Thổ Nhĩ Kỳ. Cấp trên giao cho Josephine nhiệm vụ làm rõ những chi tiết của sự việc đó.

Cô đi qua Libi và Ai Cập để đến Bagdad và Beirut. Tại đây, tư lệnh Brusse thuộc cơ quan tình báo Pháp giúp cô liên lạc với cơ quan tình báo Anh ở Cận Đông. Giờ đây, cô đóng vai một phụ nữ Ả Rập, và nhờ có hoàng tử Marocco là Menhebi tháp tùng, cô đã giúp phát hiện ra một loạt điệp viên của Đức ở khu vực này, trong đó có hai nữ điệp viên của Gestapo là Aglai Noibaher và Paola Coc.

Các tác giả Phương Tây khi miêu tả sứ mệnh này của Josephine rõ ràng là đã vờ vĩnh khi cho rằng phong trào giải phóng dân tộc của người dân Ả Rập dâng cao là do tác động của các điệp viên Đức. Thực ra, đó là một quá trình hợp quy luật. Ngay cả việc Josephine giúp sức vạch mặt một số điệp viên Đức cũng không ảnh hưởng gì nhiều đến tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại các chế độ thực dân của Pháp và Anh. Tuy nhiên, vẫn phải đánh giá



một cách xứng đáng nghệ thuật hoạt động tình báo của cô.

Sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ, Josephine quay trở về Angie, dọc đường, cô tổ chức một số buổi biểu diễn cho những binh sĩ đang nghỉ ngơi sau những thắng lợi đầy khó khăn đối với quân Đức của Rommen. Cô được nồng nhiệt chào đón ở Cairo, Alechxandri, Misurat, Tobruke, Bengadi, Toripoli. Tại Angie, cô được đích thân tướng De Gaulle tiếp.

Italia đầu hàng, Phương Tây cho rằng chiến tranh sắp kết thúc bởi vì hầu hết quân đội Đức đang tập trung ở mặt trận phía Đông.

Ngày 25 tháng 8 năm 1944, sư đoàn xe tăng và xe bọc thép số hai của Pháp tiến vào thủ đô Paris đã giải phóng. Josephine trở lại nước Pháp yêu quý của cô nhưng không phải trở lại lâu đài của mình ở Dordoni. Cô cùng đi với quân đội, dùng lời ca điệu múa của mình để phục vụ quân đội. Cô biểu diễn ở Storansbourg, ở Metxe, ở Conma sau khi những thành phố này giải phóng được vài tiếng đồng hồ.

Sau khi nước Đức đầu hàng, Josephine về hưu với tư cách là một “diệp viên đặc biệt”, nhưng với tư cách một ca sĩ được ái mộ thì cô vẫn tiếp tục biểu diễn cho quân đội Pháp, Anh và Mỹ tại những khu vực nước Đức do Đồng

Minh kiểm soát. Tại Paris, tướng De Gaulle trao tặng cô huân chương Thập Tự Lotaringhi và huy chương Kháng chiến. Ông cũng gửi cho cô một bức thư bày tỏ lòng biết ơn cô vì cô đã “làm việc và phục vụ xuất sắc trong những thời kỳ khó khăn nhất của nước Pháp”.

Toà lâu đài ở Dordoni được sửa chữa, nhưng những người sống ở đó đã không còn. Một số người đã chết trong những nhà tù Gestapo, một số khác bị chết vì đói.

Khi đã có tuổi, Josephine dành hết tâm sức cho việc dạy dỗ chín đứa con nuôi. Trong số đó có một em người Pháp, một em người Ả Rập, và một em người Tây Ban Nha. Chúng đi theo bà trong mọi chuyến đi.

*** Gừng càng già càng cay**

Quan điểm của Josephine đã thay đổi cùng năm tháng. Nếu vào những năm 40, bà là người chống lại phong trào đấu tranh để giải phóng dân tộc của người Ả Rập, thấy ở đó có “bàn tay Berlin”, thì vào những năm 60 và 70 bà đã trở thành người ủng hộ cuộc đấu tranh đòi quyền lợi của người da đen. Sau khi trở về Mỹ, bà đã tham gia những cuộc biểu tình bảo vệ quyền của người da đen mặc dù vào lúc đó, nhiều người cho rằng những cuộc biểu tình này có “bàn tay Moscva” kích động.

DOIA VOSCVEXEXKAIA RUBKINA

TỪ ĐIỆP VIÊN ĐẾN NGHỀ VĂN

Doia Vosvexexkaia Rubkina (1907-1992) là một trong số ít các cô gái thành công ở lĩnh vực phản gián. Xinh đẹp, cá tính, bản lĩnh và giàu kinh nghiệm, Doia tiếp tục gặt hái được rất nhiều thành công trong sự nghiệp tình báo của mình. Cô trở thành “đại tá nữ duy nhất” ở Vorkut, và sau đó là nhà văn nổi tiếng với các tác phẩm dành cho thiếu nhi.

* Vào nghề

Doia Voscvexexkaia Rubkina sinh trưởng trong một gia đình cán bộ đường sắt ở Nga. Năm 1921, mới 14 tuổi Doia đã bắt đầu đi làm. Cô là nhân viên thư viện và người “sao chép” ở Bộ Tham mưu của bộ phận đặc nhiệm thuộc ủy ban chuyên trách trấn áp bọn phá hoại và phản cách mạng. Sau đó, cô làm chính trị viên ở trại tội phạm vị thành niên 3 năm. Cuối năm 1928, cô được cử tới Moscva làm nhân viên đánh máy ở Sở Vận tải thuộc Bộ Dân ủy. Một năm sau, cô được kết nạp Đảng Thanh niên Cộng sản và đồng thời được đề cử đi Trung Quốc công tác.

Hoạt động phản gián thực sự bắt đầu từ năm 1935 khi Doia được cử sang Phần Lan và ở lại đó 4 năm. Tại đây, năm 1936, cô kết hôn với điệp viên nằm vùng Boris.

Ackadevich Rubkin với bí danh Iasev, còn Doia có “vỏ bọc” là đại diện cho Hãng du lịch “Intourist”. Mới chập chững vào nghề, Doia đã may mắn được làm việc với những người giàu kinh nghiệm. Một trong những điệp viên hoạt động bí mật là Pavel Sudoplatov, bí danh Andrei, tuy mới nhưng đã qua thử thách và là một điệp viên tin cậy. Doia làm liên lạc cho Andrei trong thời gian anh ở Phần Lan. Andrei đã len lỏi được tới Paris. Tại đây, anh có nhiệm vụ gây mâu thuẫn trong nội bộ lãnh đạo của tổ chức của những kẻ dân tộc chủ nghĩa Ucraina.

Doia từng làm việc với điệp viên Petrichenco huyền thoại. Đó là cựu lãnh đạo vụ nổi dậy ở Cronstad, sống lưu vong, nay muốn trở về Tổ quốc nên đã làm việc cho phản gián Liên Xô để lập công chuộc tội, mở đường về quê hương. Chính ông là người vào năm 1941 đã cung cấp tin về sự có mặt của sư đoàn Đức và việc quân đội Phần Lan chuẩn bị tác chiến.

Rubkin (cũng chính là điệp viên nằm vùng “Kin”, lại cũng là Iasev) nhận nhiệm vụ mật do chính Stalin trao, và được Doia hỗ trợ với tư cách trợ lý thứ nhất. Nhiệm vụ rất quan trọng. Đó là những cuộc đàm phán bí mật trong những năm 1938-1939 với đại diện chính phủ Phần Lan nhằm giải quyết hòa bình mâu thuẫn Liên Xô - Phần Lan. Đáng tiếc là mọi cuộc đàm phán đã không đạt kết quả mong muốn, và tháng 12 năm 1939, chiến tranh “Mùa Đông” giữa hai nước đã bùng nổ.

*** Trưởng thành với vai trò Phó ban ngoại gián Đức**

Khi trở về Moseva, Doia đã là một điệp viên chín chắn dày

kinh nghiệm. Bà làm việc cho Cục Ngoại gián Trung ương. Đầu năm 1941, Doia được bổ nhiệm phó ban ngoại gián Đức. Chính bà chuyển về Trung ương những tin tức bí mật từ Berlin.

Cũng chính bà đã soạn thảo văn bản báo cáo với nội dung rất rõ ràng: “Hãy nghe đây, ngày mai chiến tranh sẽ bùng nổ!”. Giám đốc Cục Tình báo đích thân báo cáo với Stalin ngày 17 tháng 6 năm 1941, nhưng không thuyết phục nổi ông về tính chính xác trong các thông tin của điệp viên.

Khi chiến tranh bùng nổ, Doia làm việc ở đội đặc nhiệm được thành lập vào mùa thu năm 1941. Bà phụ trách tuyển chọn, tổ chức, đào tạo và tung vào hậu phương địch các nhóm biệt kích phá hoại và điệp viên phản gián. Mỗi thành viên đội đặc nhiệm sẽ làm cơ sở cho việc thành lập đội mô tô biệt kích luôn sẵn sàng thâm nhập vào vùng địch hậu bất cứ lúc nào.

Mỗi đội được tung vào lòng địch đều chuẩn bị chương trình hoạt động của nhóm mình. Trong số các nhóm đó có một nhóm hoàn toàn khác thường, gồm cha cố Ratmirov và hai điệp viên Ivan Mikheev và Vaxili Ivanov. Họ được ném xuống thành phố Calinin, và sẽ hoạt động ở đó trong suốt thời gian thành phố bị phát xít Đức chiếm đóng.

Cuối thu năm 1941, hai vợ chồng Rubkin bay qua Anh đến Thụy Điển, đường bay không ít nguy hiểm.

Nhóm điệp viên này không đông lắm: trưởng nhóm “Kin”, Doia tức “Irina”, trợ lý cho “Kin”, hai nhân viên nghiệp vụ, lái xe và người giúp việc. Nhóm có nhiệm vụ theo dõi việc chuyển quân của Đức qua đường Thụy Điển, xác định chính xác loại hàng được chuyên chở qua đường biển Thụy Điển - Đức.

Ngoài ra, nhóm còn hoàn thành nhiều nhiệm vụ khác. Thông qua nhóm điệp viên người Na Uy, Doia biết được một tin cực kỳ quan trọng: Đức đang chuẩn bị loại vũ khí tối mật có khả năng hủy diệt mọi sinh thể. Đó là vũ khí nguyên tử mà vật liệu cần thiết là “nước nặng”. Loại nước này được sản xuất tại các nhà máy của Na Uy rồi được chở về Đức. Các thông tin trên được chuyển ngay cho các nước Đồng Minh để các nước này tìm cách hủy diệt các xí nghiệp sản xuất “nước nặng”.

* Sự cố

Doia vẫn giữ liên lạc với “Anton Vollveber”. Lần đầu Doia tiếp xúc với điệp viên này là vào năm 1938. Khi ấy, Doia từ Phần Lan qua Na Uy mang cho nhóm “Anton” hộ chiếu mới, mật mã, tiền và chỉ thị. Cảnh sát Oslo bất ngờ ập tới nơi ở của Doia tại khách sạn. Bà lập tức chạy ra hành lang làm âm ỉ lên, khiến khách trọ ủa ra vây quanh và bọn cảnh sát phải bỏ đi. Cuộc gặp với Vollveber diễn ra thuận lợi. Vào những năm Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, hai vợ chồng Rubkin đã can thiệp đưa Vollveber ra khỏi tù.

Năm 1942, Doia được Trung ương giao nhiệm vụ tuyển người giữ liên lạc chuyển mật mã và thạch anh cho nhóm “Capella Đỏ” hoạt động ở Berlin. Người này đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng không bao lâu sau có tin từ Trung Tâm báo về rằng “Giám đốc” (tên lóng của một điệp viên) là một phần tử khiêu khích, còn cả nhóm “Capella Đỏ” đã bị bắt và xử bắn. Có ý kiến đề nghị cử người này trở lại Đức để đi gặp kẻ hai mặt mọi người đều rõ. “Nếu như anh ta quay về thuận lợi thì đúng anh ta chơi trò hai mặt. Còn nếu anh ta một đi không trở về thì chúng ta sẽ xử chết một người vô tội.”- Cả hai vợ chồng

Rubkin đều nghĩ vậy, nhưng điện của họ gửi về Trung Tâm đã không giúp gì được, và ngay sau khi họ liên lạc trực tiếp được với Bộ trưởng Dân ủy, thì lệnh biệt phái “Giám đốc” đi lần nữa mới được hủy bỏ. Tuy nhiên Rubkin đã phải trả giá cho sự can thiệp của mình, ông bị gọi trở lại Moscva.

Từ đó, Doia phải hoạt động một mình thay vào vị trí của chồng. Bà phải giữ liên lạc với nhóm điệp viên ở Phần Lan, nghiên cứu tình hình đất nước này và sau đó phải ra sức lôi kéo Phần Lan rút khỏi cuộc chiến.

*** Cuộc mật đàm hòa bình Liên Xô - Phần Lan và chiến công lớn của nữ điệp viên tài giỏi**

Trong số điệp viên có Hella Vuolioki, nữ văn sĩ và nhà viết kịch nổi tiếng của Phần Lan, thường được nhóm gọi là bà Terva Raia (nghĩa là “Cái đầu thông minh sáng láng”). Nhà văn là người bạn lớn của Liên Xô. Bà đã tích cực lên tiếng phản đối liên minh Phần Lan - Đức năm 1941, và đứng đầu nhóm “6 người Phần Lan” ủng hộ hòa bình ở Liên Xô. Tuy nhiên, nữ văn sĩ đã không thể tiếp tục đến cùng sứ mạng hòa bình của mình. Bà đã bị bắt giam vì tội chứa chấp nữ điệp viên phản gián Liên Xô. Bà bị kết án tử hình, nhưng cả thế giới đã phát động chiến dịch bảo vệ Vuolioki, buộc chính phủ phải xóa bỏ án tử hình. Sau này, khi hòa bình được ký kết giữa hai nước, tháng 9 năm 1944, Hella Vuolioki đã được bổ nhiệm là chủ tịch ban phát thanh của Phần Lan. Bà qua đời năm 1954.

Tại Phần Lan, còn có nhiều người khác mà Doia gặp gỡ và làm việc. Doia đã giúp nữ đại sứ Liên Xô tại Thụy Điển - bà Alexandr Collontai trong việc tổ chức và tiến hành các cuộc mật đàm hòa bình với Paaskivi và những người ủng hộ

hòa bình với Liên Xô. Mọi cuộc gặp gỡ diễn ra vào tháng 2 và tháng 3 năm 1944. Các cuộc đàm phán thật vất vả nặng nề. Tuy vậy, đó là chuẩn bị cơ sở cho việc Phần Lan sau khi Hồng Quân giáng cho những đòn vũ bão đã buộc phải cắt bỏ liên minh với phát xít Đức, ký kết hòa bình với Liên Xô vào ngày 20 tháng 9 năm 1944. Có thể nói đó là một trong những chiến công lớn của Doia.

Sau đó Doia trở về Moscva, tiếp tục công việc ở bộ phận phản gián Đức.

Năm 1947, chồng bà, đại tá Rubkin, đã mất trong một tai nạn xe hơi nhưng hiện trường không được xác định rõ ràng.

* “Đại tá duy nhất, lại là nữ”

Đầu năm 1953, theo lệnh riêng của trùm mật vụ Nga Beria, Doia bay sang Berlin thực thi nhiệm vụ đặc biệt. Lúc này Beria có kế hoạch thống nhất hai miền Đông và Tây Đức. Ông tìm mọi cách tiếp cận đàm phán với thủ tướng Cộng hòa Liên bang Đức Conrad Adenauer, và có ý định lôi kéo nữ diễn viên điện ảnh gốc Nga nổi tiếng của Đức là Olga Chekhov vào chuyện này. Ngày 26 tháng 6 năm 1953, Doia có nhiệm vụ gặp Olga Chekhov, nhưng đúng hôm ấy Beria bị bắt giam. Theo lệnh của tướng Sudoplatov, Doia phải lập tức quay về Moscva. Lúc này bà đã là đại tá phụ trách ban ngoại gián Đức.

Không bao lâu sau hàng loạt cán bộ Cục An ninh Quốc gia bị bắt giam vì tội là “người của Beria”, trong số đó có cả tướng Sudoplatov, trong một cuộc họp Doia đã lỡ miệng kể lại chuyện mấy năm làm việc ở nước ngoài, bà có quan hệ với Sudoplatov khi ông hoạt động bí mật. Mối quan hệ công việc sau này đã phát triển thành tình thân hữu giữa hai gia

đình. Thế là, hôm sau, bà bị cấp trên gọi lên, tuyên bố bà phải thôi việc do chủ trương “cắt giảm biên chế”. Mặc dù vậy, bà được “kéo dài” thời gian làm việc cho đủ hai mươi lăm năm thâm niên với điều kiện chuyển nơi công tác. Tại nơi mới, bà phụ trách ban đặc nhiệm của một trại giam và theo hồi ký của bà thì bà là “đại tá duy nhất, lại là nữ” ở Vorkut. Ở đây sau hai năm làm việc, năm 1956, Doia về hưu.

* Nhà văn Doia I. V.

Từ đó bắt đầu cuộc sống mới của nhà văn Doia Ivanovna Voscvexexkaia. Bà viết sách cho trẻ em. Năm 1962, ấn hành cuốn sách đầu tay và chỉ trong 18 năm từ năm 1962 đến 1980, cuốn này của bà đã được phát hành với tổng số bản phi thường: hai một triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn! Bà cũng cho xuất bản tập hồi ký *Bây giờ tôi đã có thể nói ra sự thật*. Bà được nhiều giải thưởng trong đó có giải thưởng Quốc gia.

Bà qua đời ngày 8 tháng 1 năm 1992.

IAN FLEMING

CHA ĐỂ CỦA ĐIỆP VIÊN 007 JAMES BOND

Ngày 10 tháng 8 năm 1964 đang chơi gôn thì Ian Fleming (1908-1964), cựu nhân viên tình báo Anh, người sáng tạo ra nhân vật James Bond, điệp viên 007 nổi tiếng thế giới, cảm thấy khó ở. Ông được chở ngay tới bệnh viện. Đêm 12 rạng ngày 13 ông qua đời và được an táng tại nghĩa trang Hampton Glotersir.



Được tin ông mất, đô đốc Golfrie, thủ trưởng cũ của Fleming, đã thốt lên: "Tôi luôn cho rằng đáng lẽ ông ta phải là Giám đốc cơ quan Tình báo Hải quân, còn tôi chỉ là trợ lý mà thôi". Có thể ông ấy chỉ nói đùa!

*** Sinh ra trong một gia đình giàu có nhưng không thuộc dòng dõi quý tộc**

Ian Lancaster Fleming sinh ra trong một gia đình giàu có nhưng không thuộc dòng dõi quý tộc. Ông nội ông là con một chủ trại nghèo, nhưng năm 25 tuổi đã bỏ sang Mỹ, buôn bán và nhanh chóng phát lên. Hai cậu con trai là Valentin và Phillip, đã được cha cho học ở hai trường đại học có uy tín nhất là Iton và Oxford. Năm 1906, Valentin

cưới Evelin San Croa Roys, một trong những đám giàu nhất ở Anh với hai trăm năm mươi ngàn sterling quà cưới của bố vợ và một món hồi môn đáng kể. Ngày 28 tháng 5 năm 1908, cậu con thứ của họ ra đời và được đặt tên là Ian Lancaster. Sau này nhà văn đã rút gọn tên thành Ian, nghe thật kêu.

Cha của Ian là một người cương nghị, tính tình vui vẻ, luôn là linh hồn của mọi cuộc tụ hội. Ông đi nhiều, mê say thể thao, săn bắn. Ông cũng hoạt động chính trị, là nghị sĩ và là một người bảo thủ nổi tiếng. Rõ ràng là những ấn tượng thời thơ ấu của Ian đã được thể hiện rất rõ qua tính cách và hình ảnh điệp viên 007. Ngay từ đầu cuộc Thế chiến Thứ nhất, Valentin Fleming đã ra trận phụ trách một đơn vị kỵ binh. Ông hy sinh năm 1917 và được đích thân Thủ tướng Anh Winston Churchill đọc điếu văn.

*** Bắt đầu tiếp xúc với hoạt động tình báo Anh**

Ian Fleming học trường Iton, sau đó theo học trường quân sự Sankeski, nhưng Ian đã bỏ học, tự học tiếng Pháp và tiếng Đức vì quyết định theo ngạch ngoại giao. Mặc dù vậy Ian đã không qua được kỳ thi tuyển vào Bộ Ngoại giao vì trượt môn luận. Song chàng trai không nản lòng và đã thu xếp làm một chân phóng viên cho hãng thông tấn Reuters. Ông vốn biết rõ các cơ quan tình báo của Anh có xu hướng sử dụng các nhà báo vào mục đích của mình, nên có thể coi đây là bước đầu chưa chính thức của Ian trong việc tiếp xúc với hoạt động tình báo của Anh. Nếu không làm sao

người ta bỗng nhiên có thể cử một phóng viên trẻ đi chuyển công du quan trọng đến Moscva?

Năm 1933, ở Moscva đã diễn ra vụ kiện sáu kỹ sư người Anh, cộng tác viên của hãng "Metro Vicckers" về tội phá hoại và làm tình báo kinh tế. Công tố viên là Vưsinxki. Bằng chứng về hoạt động tình báo quá rõ. Nhiều bị cáo phải thừa nhận đã làm việc cho tình báo Anh. Một trong số họ, Macdonald, còn khai rõ các hoạt động cụ thể của mạng lưới gián điệp. Một người khác nữa là Monkhouse nhận đã chuyển tin tức cho Richard, một giám đốc của Vicckers, nhưng tên này đã kịp tẩu thoát. Cả hai tên - Monkhouse và Richard đều là sĩ quan tình báo trong đội quân viễn chinh của Anh ngay từ năm 1918. Về việc các điệp viên Anh làm việc ở tập đoàn Vicckers sau đó phía Anh cũng phải công nhận. Tuy nhiên việc bắt giam và truy tố bọn này vẫn gây ra làn sóng công phẫn ở Anh. Thậm chí họ còn đe dọa cắt đứt quan hệ ngoại giao và thương mại giữa hai nước, song đã không có gì xảy ra. Lúc này kinh tế thế giới tiếp tục bị khủng hoảng, còn ở Đức thì Hitler lên nắm chính quyền, và không ai muốn mất đi một đối tác tin cậy và còn có thể là một đồng minh như Liên Xô.

Fleming đã làm sáng tỏ quá trình tố tụng xử án. Ông miêu tả cụ thể không chỉ mọi diễn biến ở phiên tòa mà cả cuộc sống của thủ phạm. Phiên tòa kết thúc, bốn bị cáo bị trục xuất, hai bị cáo bị kết án từ 2 đến 3 năm tù giam rồi không bao lâu sau cũng được thả về nước. Fleming còn ở lại Moscva thêm một tuần, thậm chí còn tìm cách phỏng vấn

Stalin, song nhà lãnh đạo đã lịch sự từ chối, viện cớ không có thời gian.

Về tới Anh, Fleming kể lại mọi chuyện tai nghe mắt thấy ở Moscva không chỉ với nhà xuất bản, với bạn bè, mà còn cả với Bộ Ngoại giao. Người ta đã triệu ông tới và chăm chú lắng nghe.

Giờ đây người ta dự kiến cử Fleming sang Berlin phỏng vấn Hitler và nắm bắt tình hình, sau đó sẽ với tư cách đặc phái viên đến Thượng Hải lúc này đã là trung tâm tình báo quốc tế ở vùng Viễn Đông. Thế nhưng Fleming đã bỏ việc, chuyển sang hoạt động chứng khoán mặc dù chẳng được bao lâu.

Mùa xuân năm 1939, ông lại đến Moscva cùng phái đoàn thương mại do Bộ trưởng Bộ Ngoại thương dẫn đầu. Lần này ông là phóng viên cho tờ *Thời báo*. Ngoài việc viết bài Fleming còn có thêm nhiệm vụ của Cục Tình báo Anh. Vì ông được ủy nhiệm của đoàn thương mại nên được gặp gỡ tiếp xúc không chỉ với mọi người mà còn cả với những nhà lãnh đạo trong bộ máy nhà nước Xô Viết như Litvinov và Micoian. Cả hai ông đều hay chuyện, cởi mở và quảng giao, nhưng cũng rất “tinh ranh” bởi đều vượt qua thời kỳ các cuộc trấn áp và thanh trừng khủng khiếp. Fleming được giao nhiệm vụ đánh giá xem Nga có thể là đồng minh được không.

Trở về Anh, Fleming đã nộp báo cáo về tiềm năng quân sự của Nga, tinh thần chiến đấu và tâm trạng của họ. Nhận xét sắc sảo và đầu óc phân tích của tác giả đã khiến người ta chú ý. Đây là trích dẫn từ bản báo cáo của ông: *“Khó có thể nhận định về người Nga theo tiêu chí của người Anh*

chúng ta. Cuồng tín, tư duy cứng nhắc, tình trạng bị bưng bít của họ hoàn toàn khó hiểu khiến người ta bức mình. Nếu xét họ về mặt nào đó như một đồng minh, thì tôi có thể khẳng định là tinh thần chiến đấu của họ rất cao, lòng dũng cảm của họ quá rõ ràng. Những người Anh và Pháp có dịp sang công tác ở Nga họ nhất định sẽ gặp phải những khó khăn nhất định: họ sẽ thấy tình trạng quản lý lộn xộn chưa từng thấy, họ sẽ rơi vào rừng cò và khẩu hiệu đỏ rực. Nhưng khi thời điểm quyết định tới thì họ nhận thấy ngay là những con người khắc nghiệt đó khác hẳn với những tấm bia đỡ đạn được vũ trang tồi tàn năm 1914".

*** Chính thức gia nhập Cục Tình báo Anh**

Rõ ràng sau chuyến đi Nga lần này Fleming đã thôi không còn ý định giấu cái "tôi" thực sự của mình nữa. Ông công khai làm điệp viên cho Cục Tình báo Anh, đầu tiên chỉ là trung úy, sau là thượng úy và được phong là chỉ huy trưởng trong Hải quân Hoàng gia.

Chiến dịch đầu tiên Fleming phụ trách là việc giải cứu tù binh của Anh bị giam giữ tại nhà tù nổi vùng bờ biển Na Uy. Ngày 15 tháng 2 năm 1940, tàu "Kossakh" thuộc hạm đội Hoàng gia Anh tại vùng biển Na Uy đã chặn bắt tàu "Almark" của Đức, giải phóng cho ba trăm thủy thủ bị tàu chiến của Đức bắt tại vùng biển Nam Đại Tây Dương.

Vào mùa hè biến động của năm 1940, Fleming đến Lisbon. Lúc này ở đây có cả quận công Wildsor cùng phu nhân. Ông là cựu vương Edward Đệ tứ, người đã vì một phụ nữ Mỹ đã hai lần ly hôn tên là Wollis Simpson mà từ bỏ

ngai vàng. Có mặt ở Lisbon còn có Valter Sellenberg, giám đốc Cục Phản gián Đức với nhiệm vụ thuyết phục quận công sang định cư ở Thụy Sĩ vì Hitler đã biết được tư tưởng sùng Đức của quận công và phu nhân, điều cần thiết để đảm bảo thành công cho chiến dịch “Sự tử biển” nhằm đưa lên ngai vàng Anh quốc người “của mình”.

Ở Lisbon đã nổ ra cuộc tranh giành ác liệt giữa tình báo Anh và tình báo Đức. Cuối cùng Thủ tướng Anh Churchill đích thân can thiệp và phía Anh đã thắng thế. Quận công Wildsor cùng phu nhân không đến Thụy Sĩ, mà tới quần đảo Labama giữ quyền thống đốc và tổng tư lệnh.

Khó có thể xác định vai trò của Fleming trong cuộc dựng độ trên. Chỉ biết rằng sau vụ đó, ngay đầu năm 1941, ông đã trở thành trợ lý cho đô đốc John Golfrie, phụ trách mạng lưới tình báo trong hải quân và là nguyên mẫu của nhân vật M, cấp trên của điệp viên James Bond.

Để hợp tác hành động với các đồng minh, Fleming đã vài lần đi Mỹ và Giamaica. Rõ ràng là để làm được điều trên cần không chỉ thông tỏ các chiến dịch cùng tiến hành, mà còn phải biết phân tích tình hình, kịp thời đưa ra những lời khuyên và tiến cử xác đáng, tức phải là một chuyên viên sắc sảo tầm cỡ.

Một trong những chiến dịch mà các điệp viên Anh thực thi tại Mỹ khi ấy sau này là chủ đề cho cuốn truyện được dựng thành phim “Role - Finger”. Đó là chuyện họ đã phối hợp cùng Jac Vogian, điệp viên Phòng nhì Pháp - cuỗm vàng trên đảo Mactinic của bọn Visi.

Năm 1942, Cục Phản gián Xô Viết có kế hoạch ám sát

đại sứ của Đức ở Ancara, một tên Quốc xã già và là một tình báo viên dày kinh nghiệm, nhưng thất bại. Việc mưu sát không thành vì điệp viên người Bungari, người chịu trách nhiệm thực thi, vấp phải mìn. Hai nhà ngoại giao Liên Xô là Cornilov và Pavlov - bị bắt và bị truy tố. Tất nhiên là phía Liên Xô một mực phủ nhận sự dính líu của mình. Tình báo Anh có sự tham gia của Fleming tự đứng ra điều tra vụ này.

Fleming còn lập công trong việc xác định nơi đặt tên lửa "Fau" của Đức. Kể về chuyện này thật là khó. Riêng về chuyện làm thế nào phát hiện được cơ sở chính của tên lửa trên đảo Penemude cũng đã có rất nhiều kiến giải và nhiều người muốn giành quyền là người đầu tiên phát hiện, khiến khó có thể xác định thực tình. Tuy nhiên có một điều chắc chắn là Fleming có tham gia vào vụ việc Penemude hoặc có thể vào một vụ việc nào khác, bởi cơ sở tên lửa "Fau" có rất nhiều và không chỉ ở trên một đảo đó.

Cuối cùng vào năm 1943, Fleming đảm nhận một việc quan trọng, đó là thu thập và phân tích các thông tin tình báo trước và vào thời điểm liên quân Anh-Mỹ đổ bộ vào Italia. Chắc là chiến dịch "Minxmit" ("Nhân bánh") đã xảy ra trước nhiều. Trước khi liên quân Anh-Mỹ đổ bộ vào Sixin tình báo Anh đã lén vút cho Đức xác của "thiếu tá Martin". "Thiếu tá" mang theo mình chiếc cặp đầy tài liệu nói rõ kế hoạch đổ quân vào Xardin và Hy Lạp, chứ không phải Sixin. Phản gián Anh đã chuẩn bị "kế hoạch đánh lừa" quân Đức cẩn thận và cụ thể đến từng chi tiết nhỏ, khiến địch quân cắn câu ngay. Chủ yếu là ngay chính Hitler cũng tin vào "thiếu tá Martin" đến mức khi quân Đồng Minh đã bắt đầu

đổ bộ xuống Sixin, Đức Quốc trưởng vẫn cho là trò đánh lạc hướng, còn đổ bộ thực sự là ở Xardin và Peloponest.

*** Về hưu, thử sức trong lĩnh vực văn chương và đã thành công rực rỡ**

Kết thúc chiến tranh được ít lâu, năm 1946 Fleming về hưu. Hoạt động tình báo của ông kéo dài 7 năm. Chuyện giết gân ly kỳ nhất trong cả cuộc đời hoạt động của ông là sát cánh bên ông không phải là nhân vật James Bond được ông hư cấu mà chính là điệp viên Liên Xô Kim Philby, “thế mà ông lại không để ý tới”.



Fleming và vợ

Fleming định cư ở Giamaica, sống một cuộc đời êm đềm vui vẻ của một sĩ quan về hưu phong lưu giàu có. Năm 1952, ông cưới bà Rotermin (đây là lần kết hôn thứ ba) và cũng năm này, ngày 13 tháng 8, họ đã đón cậu con trai Caspara đời. Vậy là ông còn sống thêm được đúng 12 năm nữa.

Cũng chính lúc này “ở độ tuổi già” ông quyết định thử sức trong lĩnh vực văn chương. Năm 1953, cuốn sách đầu tay của ông *Điệp viên 007 phục vụ Nữ hoàng* đã ra mắt độc giả, trong đó nói về những cuộc phiêu lưu của James Bond. Tên nhân vật này là do tình cờ một lần ông nhìn thấy trên trang bìa cuốn *Chim chóc trên các đảo vùng Tây Ấn* tên tác

giả một nhà điều học người Mỹ là James Bond. Sau này khi điệp viên 007 trở nên nổi tiếng thì nhà điều học Mỹ lại gặp biết bao phiền toái. Suốt ngày bọn gái bán hoa gọi điện tới tấp, còn các độc giả kỹ tính thì lại muốn khẳng định chính xác mọi chi tiết trong câu chuyện. Vợ nhà bác học điên đầu gọi điện tới thì Fleming chuyển sang chuyện đùa và đề nghị hai vợ chồng nhà điều học sử dụng tên ông thỏa thích cho hả giận. Thế là mọi chuyện được dàn xếp ổn thỏa.

Những tác phẩm đầu tay của Fleming được viết vào thời kỳ “những cuộc săn lùng các thầy phù thủy” và lúc “chiến tranh lạnh” quyết liệt nhất. Đối thủ chính của James Bond là “bọn Đỏ”, thường được biết tới qua tổ chức tình báo SMERSA (đó là tên của Cục Phản gián của Liên Xô thời kỳ chiến tranh Vệ quốc vĩ đại có nghĩa là “Bọn gián điệp phải chết!"). Cùng với thời gian tác giả đã khôn ngoan sáng suốt hơn. Trong các truyện của mình Fleming đã để cho James Bond đối phó không chỉ với người Nga, mà cả với các liên minh tội phạm quốc tế khác. Tên Cục Phản gián “SMERSA” khét tiếng đã được thay thế bằng tên tổ chức hư cấu là SPECTR (tổ chức đặc nhiệm thực thi các chiến dịch phản gián, chống khủng bố, những hành động đáp trả và cưỡng chế).

Fleming đã có lần tuyên bố: “Tôi luôn yêu quý nhân dân Nga và tôi vui lòng được làm việc ở Moscva... Vì vậy tôi không bao giờ có ý định bôi nhọ họ, hơn thế đường lối chung sống hòa bình đã mang lại nhiều thành quả”.

Flemming viết cả thảy 14 cuốn về điệp viên 007 James Bond.

Có thể nói đôi chút về các nguyên mẫu cho James Bond.

Trước hết, rõ ràng James Bond là một nhân vật hư cấu, tập hợp tính cách của nhiều người. Nhân vật này gợi nhớ đôi chút gì đó của tác giả và đồng sự của ông, điệp viên Merlin Marsall, có những nét của điệp viên hai mang người Nam Tư Dusco Popov, lại chịu ảnh hưởng của cả điệp viên quốc tế nổi tiếng Sidney Reilly, một người mà Fleming thường được Bruce Lockhart, một điệp viên cũng không kém phần nổi danh và là đồng sự của ông kể cho nghe. Tuy nhiên Fleming nhận xét: “Tiếc là Bond không phải lúc nào cũng tốt như Reilly!”.

Về hình ảnh James Bond tác giả có tranh luận nhiều lần với chính giám đốc Cục Phản gián Mỹ Allen Dulles, người rất thần phục sáng tác của Fleming và thường khoe khoang rằng dưới trướng ông ta có “không chỉ một tá James Bond”. Đứng là trong cuốn *Nghệ thuật tình báo* của mình Dulles đã so sánh điệp viên Liên Xô Rudolf Abel với James Bond và phải thừa nhận: “Abel có thể làm mọi chuyện thật êm thấm bí mật, trong khi James Bond lại thực thi một cách ồn ào và bắn nhau chí chóe”.



Casino Royale - Sòng bạc Hoàng gia, bộ phim dựa trên tác phẩm đầu tiên của Ian về điệp viên 007

Nguyên mẫu các sếp của James Bond (ngài M) chính là các cấp lãnh đạo của Fleming, như sếp của Cục Tình báo MI-5 Macswell Nite, John Golfrie và ngài Colin Gabbins, giám đốc Cục Quản lý các chiến dịch đặc biệt thời chiến.

Đôi thủ của James Bond cũng mang tính khái quát tượng trưng. Bắt đầu vào nghề viết giữa lúc quyết liệt của “chiến tranh lạnh” vào năm 1953, Fleming đã miêu tả các điệp viên Xô Viết hoàn toàn tàn bạo.

Nhân vật tướng Glubodaboisc dĩ tợn phụ trách tổ chức SMERSA trong cuốn *Mang theo tình yêu từ nước Nga về*, theo các tác giả Phương Tây, gợi nhớ hình ảnh tướng Abacumov, một người tàn nhẫn, chuyên đích thân tra hỏi các tù binh ở nhà tù Lubianco. Trong cuốn sách đó tác giả đã dành cả một chương mô tả cụ thể về các cơ quan an ninh Xô Viết. Và không phải ngẫu nhiên mà vào thời kỳ khủng hoảng tên lửa ở Cu Ba vào năm 1961 cuốn *Mang theo tình yêu từ nước Nga về* (như chúng ta đã biết về cuối đời Fleming đã có thay đổi trong nhìn nhận về nước Nga và người Nga) đã là cuốn sách gối đầu giường của Tổng thống Mỹ John Kennedy và giám đốc CIA Allen Dulles.

Còn về các hình ảnh phụ nữ trong các tác phẩm của Fleming thì đều là những nhân vật được hư cấu, không có nguyên mẫu, ngoại trừ nhân vật Monipeni, thư ký của ngài M, lấy nguyên mẫu từ Ketlin Pettingiew, thư ký của cả 3 đời giám đốc Cục MI-6.

Cần nói thêm rằng các bộ phim về điệp viên 007 James Bond đã tôn vinh tác giả hơn cả các cuốn sách của ông.

KIM PHILBY

ĐIỆP VIÊN THÂM NHẬP SÂU

Những chuyến đi tới các nước Châu Âu, trước hết là Đức và Áo, nơi giai cấp công nhân đang bị đàn áp dã man, đóng một vai trò quyết định trong cuộc đời Kim Philby (1912-1988). Sau này ông kể: “Ở nước Anh của tôi cũng có những người tìm kiếm và đấu tranh vì sự thật. Tôi tìm mọi cách để trở thành người có ích cho phong trào vĩ đại của thời đại là chủ nghĩa cộng sản. Hoá thân cho tư tưởng đó là Liên Xô, là nhân dân Xô Viết dũng cảm, người đã đặt nền móng cho thế giới mới. Tôi đã tìm được con đường đấu tranh trong hoạt động tình báo Xô Viết. Tôi luôn cho rằng, bằng công việc này tôi phục vụ cho chính dân tộc Anh chúng tôi”.



*** Hoạt động tình báo Xô Viết để phục vụ dân tộc Anh**

Tên thật của ông là Andrian Pasel Philby. Ông sinh ngày 1 tháng 1 năm 1912 tại thành phố Ambala, Ấn Độ và sống ở đó cho đến khi lên bốn tuổi. Tên Kim là do Cha Saint-John Philby, một người nổi tiếng, đặt cho. Ông là quan chức của chính quyền thực dân Anh, say mê nghiên

cứu Đông Phương, là nhà Ả Rập học nổi tiếng, theo đạo Hồi, cưới vợ hai là một nô tì người Ả Rập Xêut. Ông sống nhiều năm với các bộ tộc Beduin, từng làm cố vấn cho nhà vua Ibi Saud và trong Chiến tranh Thế giới Thứ nhất là đối thủ của Louens trong việc gây ảnh hưởng tới người Ả Rập.

Từ nhỏ Kim đã biết nói tiếng Hindu và Ả Rập, sau đó học tiếng Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và Nga. Ông được giáo dục theo truyền thống Anh cổ điển và được học ở nhiều trường tên tuổi ở Anh. Năm 1929, ông đỗ vào trường Trinitiy, một trong những trường lớn nhất dành cho con em quý tộc ở Cambridge. Thời đó nước Anh cũng như một số nước tư bản khác đang lâm vào khủng hoảng kinh tế. Khắp nơi tràn ngập nạn thất nghiệp. Mối đe dọa của chủ nghĩa phát xít bắt đầu lan ra từ nước Italia và Đức. Đám sinh viên không ngừng bàn luận.

Để thực hiện mục đích trở thành tình báo Xô Viết, Philby đã về Vienna, tham gia Tổ chức quốc tế trợ giúp công nhân. Ở đó, ông làm quen với Litsi Phridman, một nhân vật tích cực của Đảng Cộng sản Áo. Ít lâu sau họ kết hôn (cuộc hôn nhân sau này tan vỡ).

Công việc chính của Kim là liên lạc với các đảng viên Đảng Cộng sản đang sống bí mật ở Áo, Hungari và Tiệp Khắc. Ông có hộ chiếu Anh nên dễ dàng đi lại các nước.

Vào năm 1934, tình hình ở Áo trở nên xấu đi. Chủ nghĩa phát xít bắt đầu hoành hành. Litsi chỉ vì mang trong mình dòng máu Do Thái và là đảng viên Đảng Cộng sản nên đã bị giam giữ. Không thể ở lại nước Áo được. Hộ chiếu Anh của Kim cũng không giúp gì nên họ quay về Anh.

Lúc này, cơ quan tình báo Xô Viết đã để mắt tới Philby. Một hôm, người quen của ông ở Áo là Edit Tudor Khart nói sẽ giới thiệu ông với một người “rất quan trọng” đang quan tâm tới ông. Kim lập tức nhận lời. Người đó là Arnold Dache - Stephan Lang. Sau cuộc nói chuyện ngắn ngủi, Dache đề nghị ông làm “điệp viên, thâm nhập sâu”. Philby đồng ý. Từ đó, tức từ tháng 6 năm 1934, ông mang bí danh “Donkhen” - “Con trai” (tiếng Đức).

Điều đầu tiên Dache yêu cầu ông làm là cắt đứt mọi quan hệ với Đảng Cộng sản và những người ủng hộ họ. Bà vợ cũng bị yêu cầu như vậy. Điều thứ hai là chú ý tới các bạn học ở Cambridge để xem họ có phù hợp cho công tác tình báo không. Thứ ba là xác định sự nghiệp tương lai của mình dưới góc độ có lợi cho công tác tình báo.

*** Trở thành nhà báo để thâm nhập Cục Tình báo Anh**

Lúc đó, nhóm hoạt động tình báo ở London có nhiệm vụ là lọt được vào Cục Tình báo Anh. Liệu Philby có làm được điều này không? Đương nhiên, con đường thẳng để lọt được vào cơ quan tình báo là không thực hiện được, chỉ có thể qua đường Bộ Ngoại giao. Nhưng ở đây cũng bế tắc. Trường đại học không giới thiệu ông vì trước kia ông theo quan điểm cánh tả. Philby quyết định trở thành nhà báo vì ông hiểu rằng tình báo Anh luôn chú ý tới họ.

Người cùng hoạt động với Philby thời gian này là điệp viên A.M.Orlov. Hồi làm cho tạp chí *Review of review* Kim đã cung cấp cho ông những thông tin có giá trị, trong đó gồm cả các vấn đề liên quan tới vùng Cận Đông. Qua người

bạn học là Wayli, ông có được bản tóm tắt hoạt động của Bộ Quốc phòng và Cục Tình báo quân đội kèm theo nhận xét về một số nhân viên.

Cũng vào khoảng thời gian đó, Wayli giới thiệu Philby với người bạn của mình là Telbot, biên tập *Báo thương mại Anh-Nga*. Tờ báo này là tiếng nói của các thương gia trước kia từng làm ăn với nước Nga Sa hoàng. Nhưng độc giả của nó teo dần nên Telbot đổi nó thành *Báo thương mại Anh-Đức*. Tờ báo cần một biên tập viên mới và Philby vào vị trí đó. Với tư cách này ông gia nhập Hội Anh-Đức. Ông có thêm những người quen ở Đại sứ quán Đức, nhờ đó có được tin tức cần thiết. Hàng tháng ông tới Berlin, được gặp Ribbentrop và có mối quan hệ với Bộ Thông tin của Hebel.

Nhưng nếu “cố gắng” biến Philby thành người theo chủ nghĩa dân tộc thì không được vì trong trường hợp quan hệ Anh-Đức xấu đi hoặc xảy ra chiến tranh thì ông sẽ gặp rắc rối.

Năm 1936, tờ báo đóng cửa. Philby và Dache có cấp trên mới là Teodor Mali (còn gọi là “Nhỏ”), một điệp viên có tài và trung thành nhưng sau này bị thanh trừng. Dache và Mali quyết định cử Philby tới Tây Ban Nha, nơi xảy ra nội chiến. Chuyển đi không chỉ là để thu thập thông tin về tình hình nước này, mà còn để phát triển cơ hội hoạt động tình báo của Philby và mở ra những triển vọng mới. Ông có nhiệm vụ phải tỏ ra là nhà báo dũng cảm, nổi trội nhằm thu hút sự chú ý của tình báo Anh. Tây Ban Nha khi đó là nơi tốt nhất để thể hiện những phẩm chất như vậy.

Philby tới đó với tư cách là phóng viên tự do, tự túc

tiền bạc (thực tế là được cấp). Ông được giao mật mã và địa chỉ ở Paris để chuyển các báo cáo. Để chứng minh nguồn tài chính, ông bán một phần thư viện của mình.



Kim Philby cùng gia đình và bạn bè

Khi tới Lisbon, ông được văn phòng đại diện của tướng Franco cấp visa, sau đó lên đường đi Xevilu và bắt tay vào hoạt động. Những tin tức do ông cung cấp rất có giá trị, chúng có được nhờ mối quan hệ của ông với nhiều người Tây Ban Nha.

Khi trở về London, Philby mang theo bài báo dài viết về Tây Ban Nha. Nhưng đăng ở báo nào? Người cha khuyên ông “bắt đầu từ chỗ quan trọng nhất” tức là mang tới tờ *The Times*. Ông gặp may. Lúc đó tờ *The Times* không có phóng viên ở Tây Ban Nha nên sau khi xem bài báo đã đề nghị ông làm phóng viên thường trú tại đó. Có thể nói, đó là bước đột phá. Trở thành phóng viên của tờ báo này, thật đúng là giấc mơ!

Tháng 5 năm 1937, do yêu cầu công tác của toà báo và được Dache tán thành, Philby tới Tây Ban Nha. Ông mang theo bức thư giới thiệu của Đại sứ quán Đức tại Anh, nơi đây ông được coi là người ủng hộ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Hơn nữa, lại là phóng viên của tờ báo uy tín *The*

Times, ông được quân của Franco đón tiếp tử tế. Ông khoe là quen với Ribbentrop và thế là trong con mắt của họ ông là bạn của nhân vật được họ quý trọng (thực tế ông chỉ gặp Ribbentrop có năm phút).

Philby làm việc không biết mệt. Ông cặm cụi viết tin tức hàng ngày cho *The Times*, thu thập các thông tin cho tình báo Xô Viết nên tìm mọi cách để có được chúng. Ông bắt thân với các sĩ quan và viên chức của chế độ Franco, đi ra mặt trận. Ở đó ông đau lòng nhìn thấy thi thể các chiến sĩ cộng hoà, phải chứng kiến những cảnh xử trảm. Nhưng ông đã kìm nén được lòng mình. Philby rất khôn khéo nên được đích thân tướng Franco trao huân chương. Có lần ông suýt hy sinh vì đạn pháo khi đi ô tô ngoài mặt trận.

Ông chuyển tài liệu cho điệp viên Xô Viết ở Tây Ban Nha là A.M.Orlov. Họ thường gặp nhau ở thành phố nhỏ của Pháp nằm sát biên giới.

*** Trở thành tình báo Anh đúng như yêu cầu của tình báo Xô Viết**

Khi chiến tranh ở Tây Ban Nha kết thúc, Philby trở về London. Ít lâu sau chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, ông được cử làm phóng viên quân đội thuộc ban tham mưu quân đội Anh. Khi Pháp bị chiếm, ông trở về Anh. Tòa soạn gọi ông đến và thông báo: “Đại úy Seldon ở Bộ Quốc phòng yêu cầu anh tới gặp”. Như vậy, chính tình báo Anh đã tìm đến Philby. Đúng ra là Guy Burgess, lúc đó là nhân viên tình báo tiến cử ông.

Ông được biên chế làm giảng viên trường đào tạo gián

điệp biệt kích của ban “D”. Ông hiểu rằng ở đây cũng như ở toà báo *The Times* khó mà có được tài liệu bí mật của SIS.

Mùa thu năm 1940, vì hoạt động không hiệu quả nên Ban “D” và nhà trường bị chuyển sang Bộ Kinh tế chiến tranh. Hầu hết các nhân viên bị sa thải. Philby và một số được giữ lại để tổ chức trường mới có tên gọi “Trạm 17”.

Ngày 24 tháng 12 năm 1940, một điệp viên Xô Viết ở London là A.V.Gorxki đã nổi liên lạc với Philby. Ông nhất trí rằng công việc ở trường không giúp gì cho Kim được. Philby tìm mọi cách để chuyển sang công việc khác. Bạn ông là Valentin Vivian, phó giám đốc SIS phụ trách công tác tình báo nước ngoài đã giúp ông. Biết là Philby đã từng ở Tây Ban Nha nên Vivian thu xếp cho ông chức trưởng ban Tây Ban Nha của SIS. Ban này phụ trách công tác phản gián ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và một phần các nước thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi nhằm ngăn cản tình báo nước ngoài xâm nhập Anh từ các nước nói trên. Được Trung Tâm đồng ý, Philby nhận chức vụ mới này.

Mặc dù đối với cơ quan phản gián Anh, Philby là cựu thành viên tổ chức Cộng sản của Đại học Cambridge, đọc *Báo công nhân*, vợ là người có tư tưởng chống phát xít, còn cha thì mang tư tưởng “cực đoan”. Nhưng những điều này chẳng có ý nghĩa gì vì ông đã được thử thách. Hơn nữa, tư tưởng chống phát xít vào năm 1940 không bị khép tội.

Philby tích cực đối phó với tình báo Đức ở bán đảo Pirene. Ông lấy được những tin tức cần thiết cho tình báo Xô Viết, trong đó phải kể đến những bức điện đã giải mã của Đức. Ông có được thông tin đầu tiên về nỗ lực xây dựng

quan hệ giữa tình báo Anh và Canaris. Sau đó, vào năm 1941, ông biết được những cuộc đàm phán riêng giữa Anh-Mỹ và Đức.

Nhờ lòng tận tụy, cần cù và đầu óc phân tích nên Philby đã tiến xa. Vả lại, ông được mọi người quý mến. Trong số các cộng sự và bạn bè, Philby duy trì tình bằng hữu với Ian Fleming và Graham Greene tới cuối đời.

Ở cương vị mới, Philby có cơ hội lấy được những thông tin giá trị cho tình báo Xô Viết. Để có được chúng ông không chỉ lợi dụng chức vụ của mình, mà còn giao lưu rộng rãi với các đồng nghiệp ở SIS, sử dụng mối quan hệ với nhân viên của MI-5, Bộ Ngoại giao và tình báo Mỹ. Đôi khi đó là những tin tức thật bất ngờ, chẳng hạn là bức điện đã giải mã của đại sứ quán Đức ở Tokyo gửi Ribbentrop về việc mười ngày nữa Nhật sẽ tấn công Singapore. Các thông tin thường nhận được là về vấn đề hoạt động của tình báo Anh, cơ cấu, thành phần, về các điệp viên, nhất là điệp viên phòng phản gián 5.

Tháng 8 năm 1943, Philby được thăng cấp. Ông được bổ nhiệm phụ trách vài phòng bao gồm phòng phụ trách bán đảo Pirene, phòng đối phó với tình báo Đức trên lãnh thổ Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc và duy trì liên lạc với phòng phản gián của chính phủ Ba Lan lưu vong tại London. Ngoài ra ông còn chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động phản gián cho tất cả chiến dịch quân sự của các nước đồng minh do Eisenhower tiến hành và duy trì liên lạc giữa phòng phản gián của SIS và Bộ Ngoại giao Anh.

Tháng 11 năm 1944, Philby lên chức trưởng phòng 9

“đối phó với cộng sản”. Vào thời điểm đó, mười lăm nhân viên mật mã hoạt động nhằm ghi trộm các bức điện ngoại giao của Liên Xô gửi các tổ chức cộng sản. Sau khi Philby lên làm trưởng phòng, phòng này được tách thành bộ phận độc lập, nhưng vẫn có liên hệ chặt chẽ với phòng phản gián.

Thế nhưng từ năm 1942, Trung Tâm đã bắt đầu nghi ngờ Philby và cả “bộ ngũ”. Toàn bộ tin tức họ gửi về bị coi là giả. Cơ sở nào? Thứ nhất, trong số những người làm việc với họ từ đầu có “gián điệp nước ngoài” là Mali và Orlov. Thứ hai, trong năm 1942, Philby không cung cấp tài liệu nào về hoạt động của SIS tại Liên Xô, điều đó có nghĩa là “một cách đáng ngờ làm giảm nhẹ hoạt động của tình báo Anh chống lại chúng ta”.

Thái độ đối với “bộ ngũ” vẫn không thay đổi tới năm 1943 (bất chấp việc chính họ cung cấp thông tin Đức sắp tấn công tại vòng cung Cursk!). Trong thư Trung Tâm gửi nhóm hoạt động bí mật ngày 25 tháng 10 năm 1943 có đoạn viết: *“Chúng tôi kết luận rằng họ, “bộ ngũ”, đã bị SIS và cơ quan phản gián phát hiện, nay phải làm theo chỉ thị của họ. Không thể có việc SIS và cơ quan phản gián tin cậy trao cho những người trước kia tham gia các hoạt động của đảng cánh tả một trọng trách trên những cương vị quan trọng như vậy, nếu như hoạt động này không nằm trong tầm kiểm soát của họ”*. Thế nhưng, việc nghiên cứu kỹ các tài liệu do Philby và các thành viên khác của “bộ ngũ” gửi về đã hoàn toàn loại trừ giả thiết đó là thông tin giả. Những tin tức do Philby gửi về khớp với các tài liệu có được từ những nguồn

khác. Trong đó phải kể đến hồ sơ theo dõi của SIS về quan hệ và hợp tác giữa tình báo Anh và Nga. Tháng 7 năm 1944, Philby nhận được thư cảm ơn của Ủy ban An ninh Quốc gia về thành tích công tác và về hồ sơ này. Thái độ đối với Philby và cả nhóm đã thay đổi. Năm 1945, họ có quyết định được nhận lương hưu trọn đời.

Đáng tiếc là năm 1948, một lần nữa họ lại bị nghi ngờ, nhưng điều này chỉ thoảng qua.

Kim đã đạt được mục tiêu mà tình báo Xô Viết đặt ra cho ông ngay từ lúc mới hoạt động. Ông không chỉ trở thành nhân viên tình báo Anh, mà còn là một trong số những nhà lãnh đạo.

Tháng 8 năm 1945, Philby tình cờ nhận được đơn của Konstantin Volkov, phó lãnh sự Liên Xô ở Xtambul gửi lãnh sự Anh xin được cùng vợ cư trú chính trị. Ông ta viết rằng mình chính là sĩ quan Bộ Nội vụ và hứa sẽ cung cấp một số thông tin về Bộ Nội vụ, nơi ông ta phục vụ trước đó. Ngoài ra, ông ta còn thông báo biết tên ba điệp viên Xô Viết làm việc ở Bộ Ngoại giao Anh và một quan chức của cơ quan phản gián tại London.

Hành động của Volkov là mối đe dọa lớn đối với Philby và những người khác. Philby thông báo với Moscva. Vì tính chất nguy hiểm của sự việc nên Philby quyết định lên đường đi Xtambul. Cũng may là khi tới nơi ông chưa kịp thoả thuận vấn đề này với Bộ Ngoại giao, Đại sứ Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ và tình báo tại đó thì Volkov đã bị đưa về Moscva.

Cuối năm 1946, lãnh đạo tình báo Anh yêu cầu Philby

hoạt động ở nước ngoài, và năm 1947, ông nhận nhiệm vụ tới Xtambul. Hoạt động ở nước ngoài là điều cần thiết đối với ông để thăng tiến. Khi đó Xtambul là cơ sở chính ở phía Nam để tiến hành công việc tình báo chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Bancal và Đông Âu.

Philby nhận được chỉ thị phải tập trung chú ý tới Liên Xô. Ông đề ra vài phương án tung điệp viên tới Odessa, Nicolaev, Novoraxixk trên các tàu buôn. Nhưng ông chú ý chính tới biên giới Thổ Nhĩ Kỳ và Liên Xô, điều này phù hợp với mục tiêu của tình báo Xô Viết cũng như Anh, đều quan tâm tới khu vực phía Đông của Thổ Nhĩ Kỳ. Nơi đây đang chuẩn bị thành lập các cơ sở kháng chiến tại những địa điểm Hồng Quân sẽ chiếm đóng nếu chiến tranh xảy ra.

Công việc ở Thổ Nhĩ Kỳ diễn ra suôn sẻ. Năm 1945, Philby được thăng chức, ông được cử làm đại diện tình báo Anh thuộc CIA và FBI tại Washington (chức vụ này tương đương với chỉ huy phó của SIS) vì việc hợp tác giữa CIA và SIS ngày càng chặt chẽ, người Anh cần phải nắm được công việc ở cơ quan an ninh Mỹ.

Vì Hoover lo ngại rằng Philby sẽ “thọc mũi” vào công việc của ông ta nên lãnh đạo SIS gửi cho ông bức điện trong đó nêu rõ nhiệm vụ của Philby chỉ là liên lạc với cơ quan Mỹ. Nhưng thực tế Philby theo yêu cầu của tình báo Anh đã “thọc mũi” vào công việc của tình báo Mỹ.

Đó là thời kỳ “săn bắt phù thủy”. Josef Makarti, chủ tịch Ủy ban Nghị viên Mỹ về vấn đề hoạt động của các cơ quan chính phủ triển khai chiến dịch khủng bố những nhà hoạt động và tổ chức tiến bộ. Philby nắm được mọi hoạt

động chống lại tình báo Xô Viết. Ngoài ra, trong thời gian này ông có liên lạc với Cục An ninh Canada.

Nhưng nhiệm vụ chính của ông là hợp tác với CIA. Điều này cả tình báo Anh lẫn Xô Viết đều quan tâm. Philby đã cung cấp cho Moscvà hàng loạt các hoạt động tình báo chung giữa Anh và Mỹ nhằm chống lại Liên Xô.

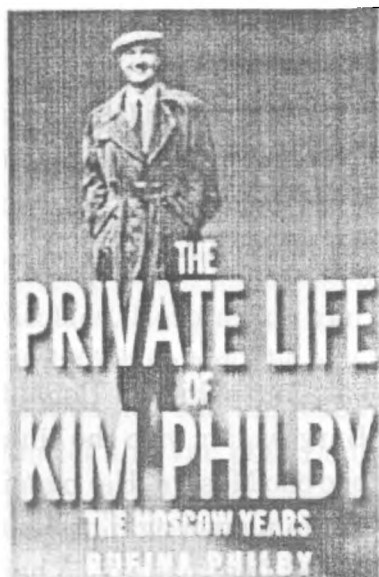
*** Bị nghi ngờ, rồi bại lộ**

Vào năm 1951, người Anh bắt đầu nghi ngờ Donald Maclean và đồng nghiệp là Guy Burgess làm việc cho tình báo Xô Viết. Philby lập tức thông báo cho Moscvà. Hai người này được bí mật đưa sang Liên Xô. Nhưng mọi nghi ngờ giờ đây đổ lên Philby vì mọi người đều biết ông thân với cả hai từ hồi ở Đại học Cambridge. Burgess đã từng sống tại nhà ông ở Washington.

Không có bằng chứng buộc tội ông, vì thế ông chỉ bị thẩm vấn. Sau vài lần tra hỏi ông bị buộc thôi việc. Ông chỉ được cấp hai nghìn bảng, rồi chuyển về sống ở một làng quê.

Sau đó ông được thông báo vụ trốn thoát của Burgess và Maclean bắt đầu bị đưa ra xét xử và ông lại bị thẩm vấn. Ông bị hai thẩm phán có kinh nghiệm là Milmo và Xkardon tra hỏi. Sau lần hỏi cung này không ai động đến ông trong vòng hai năm. Cần phải có tiền để sống nên ông quay ra làm báo.

Năm 1955, sau khi *Cuốn sách trắng* về vụ Burgess và Maclean được xuất bản thì trong nghị viện lại xôn xao về “người thứ ba” là Kim Philby. Nhưng Philby vẫn đứng vững trong thử thách này, ông tỏ ra bị oan ức và vô cùng phẫn nộ trước những lời vu khống.



Trang bìa hồi ký của Kim Philby

Năm 1956, theo đề nghị của tờ tuần báo *Observer*, Philby tới Beirut nhưng vẫn giữ quan hệ với SIS. Ông viết về những năm tháng sống ở Beirut như sau: “Sau khi thoát khỏi nguy cơ bị lộ ở Anh, tôi có thể sống yên ổn và làm việc trong vòng bảy năm (1956 - 1965), có thể tiếp tục sự nghiệp mà tôi nguyện gửi trọn đời... Tình báo Xô Viết muốn biết tổng quát tình hình Cận Đông, muốn biết về hoạt động của CIC và SIS”.

Ông có địa vị thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm việc hết sức mình và cung cấp cho tình báo Xô Viết những thông tin quan trọng.

Nhưng cuối năm 1961, qua một người Mỹ (kẻ phản bội), SIS có cơ sở để kết luận Kim Philby liên quan đến mạng lưới tình báo Nga. Cựu điệp viên ở Liban là Eliot đã tới Beirut gặp ông để buộc ông phải nhận tất cả. Philby im lặng. Những ngày giáp Tết và đầu năm 1963 thật là căng thẳng. Ngày 6 tháng 1, Kim bị gọi tới Đại sứ quán để gặp điệp viên Piter Lan. Nhưng Kim không đi. Chính quyền Anh chưa định bắt ông.

Ngày 23 tháng 1, ông biến mất khỏi Beirut và sau đó xuất hiện ở Moscva. Giai đoạn sau trong cuộc đời ông trôi

qua ở đây. Ông ly dị với bà vợ Elenora vì bà không muốn tới sống ở Liên Xô. Kim lấy vợ lần thứ ba, một phụ nữ Nga tên là Ruphina Pukhova, sinh con, rồi có cháu. Philby làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng bài, viết sách, hướng dẫn các điệp viên. Ông viết hồi ký, xuất bản ở London năm 1988 với lời mở đầu của Graham Greene.

Ông mất năm 1988 và được chôn cất tại Moscva.

Năm 1978, khi những tài liệu về Philby được công bố, một quan chức của CIA đã nói: *“Đó là điều dẫn đến việc mọi nỗ lực của tình báo Phương Tây trong giai đoạn từ 1944 đến 1954 đều uổng công. Chắc là tốt hơn nếu chúng ta không làm gì cả”*.

Báo *Chicago daily news* năm 1968 viết rằng: Kim và những người đồng hương của ông là Burgess và Maclean *“đã dành cho người Nga lợi thế trong lĩnh vực tình báo vào thời kỳ chiến tranh lạnh với hiệu quả vô cùng to lớn”*.

PHẠM NGỌC THẢO

NGƯỜI ANH HÙNG TÌNH BÁO VIỆT NAM

“Khác với các nhà tình báo khác, mà nhiệm vụ chủ yếu của họ là khéo giấu mình, tổ chức thu thập, tuyển chọn các tin tức cần thiết chuyển về Trung Tâm, Phạm Ngọc Thảo (1918-1965) đã đi thẳng vào hàng ngũ kẻ thù, không hề che giấu sự tự hào của mình đã từng cầm quân Cách mạng chống thực dân Pháp và đã trụ vững, tung hoành trong hàng ngũ địch trong một thời gian dài cho đến tận lúc hy sinh. Đó mới thật là đặc biệt, chỉ có riêng ở Phạm Ngọc Thảo...”

(Lời đồng chí Trần Bạch Đằng, nguyên Bí thư Khu 1 Sài Gòn).



* Từ chối quốc tịch kẻ thù

Phạm Ngọc Thảo sinh ra trong một gia đình giàu có nhất nhì vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cha anh, ông Adrian Phạm Ngọc Thuần học tại Pháp, đậu kỹ sư đo đạc. Hầu hết các con ông, dù gái hay trai đều được đưa sang Pháp học thành tài mới về nước.

Phạm Ngọc Thảo không được sang Pháp học như các

anh, các chị mình. Vì khi anh đủ tuổi đi học thì Chiến tranh Thế giới Thứ hai bùng nổ, việc đi lại giữa các nước rất khó khăn, lúc đó chỉ có một phương tiện duy nhất là tàu thủy. Cả gia đình Phạm Ngọc Thảo đều là dân Tây, có đủ quyền lợi như một người Pháp thực thụ. Nhưng khi Phạm Ngọc Thảo vừa tốt nghiệp kỹ sư Công chánh ở Hà Nội về thì cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ nổ ra. Anh rất phần uất, gửi một bức điện cho tổng thống Pháp lúc đó là De Gaulle, lên án cuộc xâm lược của Pháp và tuyên bố hủy bỏ quốc tịch Pháp của mình, vì cho rằng mang quốc tịch của kẻ xâm lược là ô nhục. Anh xin phép và chia tay với cha mẹ, hai người em gái, ra chiến khu.

Nhưng, vì nóng lòng đi tìm Cách mạng, tới bến phà Mỹ Thuận, Phạm Ngọc Thảo lân la ở mấy hàng quán, hỏi thăm cơ quan của Cách mạng. Hành vi của Phạm Ngọc Thảo không thoát khỏi con mắt của anh em dân quân du kích địa phương. Chờ cho sẩm tối, hai anh thanh niên lực lưỡng bèn bắt giữ Phạm Ngọc Thảo giải đi. Họ xét trong người thấy Phạm Ngọc Thảo có một cây súng sáu do anh mới tìm được trước khi ra chiến khu, mép áo sơ mi lại có hai sọc kẻ xanh đỏ, giống như cờ Pháp. Vậy là họ quyết đoán: Đúng đây là do thám của Pháp...

Những người du kích bến phà Bắc Mỹ Thuận đã chờ tới khuya, khi con nước ròng, trói chân tay anh lại, đưa lên một chiếc xuồng nhỏ, ra giữa dòng, choàng thêm một cục đá lớn vô cổ, đẩy anh xuống sông...

Vốn là một người thông minh, dũng cảm và có sức khỏe, Phạm Ngọc Thảo bình tĩnh quan sát mọi động thái chung

quanh mình. Khi bị đẩy xuống sông, anh nín thở, lộn đầu xuống trước để cho hòn đá choàng trên cổ rơi ra, lặn một hơi dài nương theo dòng nước rồi mới ngoi lên hít thở. Trời tối như bưng, chân tay bị trói, rất khó xoay trở, anh đành phải trườn mình theo dòng nước đang chảy xiết. Tối lúc hai chân đụng phải một chiếc thuyền chìm, anh lặn xuống tìm hiểu con thuyền xem có thể lợi dụng được không. May sao, sau nhiều lần trôi lên, lặn xuống, Phạm Ngọc Thảo đụng được vào một cây sắt, nẹp mũi, cửa đứt sợi dây trói tay... Vậy là thoát nạn. Chờ tới sáng, anh giả đồ như một người nông dân đi đánh dậm theo mép nước. Cuối cùng anh gặp mấy người bạn cũ cùng hoạt động trong phong trào Thanh niên Tiền phong, những ngày Cách mạng Tháng Tám thành công. Mấy ngày sau, anh ruột Phạm Ngọc Thuần đang làm phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính cho người tới đón Phạm Ngọc Thảo về làm việc ở văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Từ đây anh được cử ra miền Bắc học khóa đầu tiên trường võ bị Trần Quốc Tuấn, đặt địa điểm tại Sơn Tây.

*** Sứ mạng không giống ai**

Sau nửa năm học tập, Phạm Ngọc Thảo nhận chứng chỉ tốt nghiệp và được lệnh trở về Nam Bộ ngay. Nhưng Phạm Ngọc Thảo chỉ mới tới Phú Yên thì tắc đường. Lúc này Trung ương cử nhiều đoàn cán bộ tăng cường cho miền Nam đang kháng chiến. Trong số các đoàn này có đồng chí Lê Duẩn. Đồng chí Lê Duẩn yêu cầu được đi riêng và cần giữ hoàn toàn bí mật. Bộ Tư lệnh Quân khu 6 trao nhiệm vụ cho Phạm Ngọc Thảo đưa đồng chí Lê Duẩn về Nam Bộ.

Khi Xứ ủy Nam Bộ tổ chức Ban quân sự để giúp Xứ ủy về các vấn đề quân sự, Phạm Ngọc Thảo dù là dân Tây, dù là gia đình địa chủ vẫn được đề bạt làm trưởng phòng Mật vụ. Đây là tổ chức tình báo đầu tiên của Cách mạng Việt Nam ở Nam Bộ.

Phạm Ngọc Thảo đã mở được nhiều khóa huấn luyện cán bộ tình báo cho các tỉnh, lập nên một hệ thống tình báo của các tỉnh phía Nam, sau này đã giúp việc đắc lực cho các quân khu nắm tình hình địch và làm công tác địch vận rất có kết quả.

Khi tướng Nguyễn Bình được cử làm Tư lệnh Nam Bộ, Ban quân sự Xứ ủy Nam Bộ giải thể và phân bố lại các Quân khu 7, Quân khu 8, Quân khu 9, Phạm Ngọc Thảo được phân công về Quân khu 9, là tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 410.



*Phạm Ngọc Thảo đứng thứ hai từ trái sang
(Ảnh chụp tại miền Tây Nam Bộ năm 1952)*

Dại tá Tăng Thiện Kim, nguyên Chính trị viên phó kiêm phó bí thư Tiểu đoàn 410, người đã kết nạp Phạm Ngọc Thảo vào Đảng, tại rạch Bà Đăng, Thới Bình, rất quý mến Phạm Ngọc Thảo, cho biết, Phạm Ngọc Thảo là người rất ham học các kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu cũng như các vấn đề chiến lược của cuộc kháng chiến. Anh còn ham mày mò, chế tạo ra chiếc cò nẩy cho súng cối. Có cái cò này, súng cối bắn chính xác hơn trước nhiều. Khi có lệnh cho đơn vị học tập cách đánh đặc công, Phạm Ngọc Thảo đã cùng trình sát bỏ vào đồn địch ban đêm để nghiên cứu cách bố phòng của địch và về đơn vị làm sa bàn, trình bày kế hoạch tiến công. Anh đã tham gia nhiều trận đánh, từ những trận đánh tiểu đoàn độc lập tới những trận đánh phối hợp trong chiến dịch. Nhiều trận đã đem lại thắng lợi to lớn...

Vào giữa năm 1953, Phạm Ngọc Thảo được cấp trên triệu tập đi học lớp huấn luyện trung cao của Xứ ủy Nam Bộ. Lớp học bế mạc sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ về Việt Nam. Phạm Ngọc Thảo đã được gọi ra Việt Bắc và đích thân đồng chí Lê Duẩn trao nhiệm vụ vào hoạt động ngay trong lòng địch. Nghĩa là Phạm Ngọc Thảo cần tìm mọi cách thâm nhập được vào chính quyền ngụy, cố gắng lọt được vào gia đình Ngô Đình Diệm... Anh có lợi thế là gia đình Thiên Chúa giáo lâu đời, thân thiết với linh mục Ngô Đình Thục đã từng cai quản giáo xứ Vĩnh Long là quê quán của Phạm Ngọc Thảo. Chính linh mục Ngô Đình Thục đã làm lễ rửa tội cho Phạm Ngọc Thảo và cũng yêu mến anh như con nuôi của mình... Phạm Ngọc Thảo công khai mọi công tác, hành động của mình khi đi kháng chiến chống Pháp, chỉ trừ việc là đảng

viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Là người Việt Nam yêu nước, nay trở về với tất cả niềm tự hào đã góp phần chiến thắng thực dân Pháp, hợp tác với chính quyền mới của Ngô Đình Diệm thường tuyên bố *bài phong đả thực*, hoan nghênh những người kháng chiến cũ cộng tác với *chính nghĩa quốc gia*...

Phạm Ngọc Thảo không có trách nhiệm báo cáo chuyện gì với ai... Thảo không phải là một cán bộ tình báo thông thường, cũng không phải là một điệp báo. Khi có việc cần thiết, Phạm Ngọc Thảo có quyền trao đổi với một cán bộ nào đó mà anh thấy thực sự tin cậy. Như vậy, Phạm Ngọc Thảo sẽ không quan hệ với ai là bạn bè kháng chiến cũ, kể cả những người lãnh đạo, để phòng họ đầu hàng... Tuy vậy, Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu chưa tin cậy ngay. Họ còn cần thời gian để thử thách. Mới đầu Phạm Ngọc Thảo là Tỉnh đoàn trưởng Bảo an Vĩnh Long. Sau đó anh được cử làm thanh tra Bảo an đoàn, rồi tuyên huấn đảng Cần lao Nhân vị của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu. Đó chỉ là những chức hữu danh vô thực.

* Từ chinh phục kẻ thù...

Phạm Ngọc Thảo tự xuất hiện bằng cách viết báo. Cộng tác với tạp chí *Bách khoa*, chỉ trong hơn một năm, Phạm Ngọc Thảo đã viết hơn 20 bài báo trình bày rõ quan điểm của mình là phải yêu nước, thương dân. Anh đã đề cập đến nhiều vấn đề chiến lược, chiến thuật trong cầm quân và chỉ huy chiến sĩ. Anh còn phân tích cả chiến sách của Tôn Tử trong sách lược dùng quân và binh thiên hạ.

Những bài viết đầy nhiệt tình cách mạng và tính nhân văn của Phạm Ngọc Thảo được độc giả và trí thức rất hoan nghênh. Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Thục đã nghiên cứu kỹ những bài viết của Phạm Ngọc Thảo: Giọng điệu thì như Cộng sản, nhưng chính nghĩa quốc gia của họ cũng đâu có thể nào nói lời ngược lại. Cuối cùng, anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu đành khâm phục Phạm Ngọc Thảo là một trí thức uyên bác.



*Phạm Ngọc Thảo lúc
làm Tỉnh trưởng
tỉnh Bến Tre*

Bởi chung quanh họ chỉ có đám võ biên, thô bạo, tham nhũng, còn Phạm Ngọc Thảo xuất hiện như một ngôi sao sáng chói. Ngô Đình Diệm đã đích thân phong tặng Phạm Ngọc Thảo cấp bậc trung tá và cử làm Tỉnh trưởng Bến Tre. Trước khi nhận nhiệm vụ mới, anh đề nghị trực tiếp với Ngô Đình Diệm ba yêu cầu: Một, ổn định tình hình tỉnh Bến Tre không phải bằng bạo lực mà chính trị. Vì anh không thể hành động như những quân nhân võ biên khác. Mục đích của anh là không phải đàn áp phong trào đấu tranh của Bến Tre đang lên cao độ. Hai, nếu bắt được Việt cộng, có đủ bằng chứng, cho lập phiên tòa xét xử. Với yêu cầu này, Phạm Ngọc Thảo sẽ có cơ để trừng trị bọn đầu hàng, bọn chỉ điểm. Ba, Tỉnh trưởng Bến Tre được đặc cách chỉ báo cáo với Tổng thống, không qua một ban, bộ nào. Như vậy, Phạm Ngọc Thảo sẽ tránh được những kẻ gièm pha, ton hót...

Ngô Đình Diệm đã chấp thuận cả ba yêu cầu của Phạm

Ngọc Thảo. Khi nhận chức tỉnh trưởng, việc đầu tiên của anh là ký quyết định thả 2.000 tù nhân đang bị giam giữ... và lập tòa án trừng trị bọn phản bội, đầu hàng. Nhiều phản ứng của phía chính quyền và quân đội ngụy đều được Phạm Ngọc Thảo bác bỏ bằng luận thuyết rằng, Ngô Đình Diệm đang thí nghiệm một luận thuyết mới: Luận thuyết thân dân, phải có thì giờ kiểm nghiệm. Nhưng chẳng bao lâu sau, ngay trong các tầng lớp dân chúng Bến Tre cũng xì xào rằng: Hình như Phạm Ngọc Thảo là... một Việt cộng nằm vùng.

Do chính sách của Phạm Ngọc Thảo không cho phép quân lính thuộc quyền đàn áp dân chúng, điều đó đã góp phần cho các cuộc nổi dậy của nhân dân Bến Tre đạt được thắng lợi. Đó chính là phong trào đồng khởi của đội quân tóc dài mà lịch sử sau này mãi mãi ghi công.

Chức tỉnh trưởng Bến Tre của Phạm Ngọc Thảo bị thay thế, nhưng Ngô Đình Diệm chỉ cho rằng anh còn non nớt, chưa có kinh nghiệm cai trị nên cho anh ra nước ngoài học tập một thời gian, khi trở về chuyển làm phát ngôn viên chính phủ vì anh có trình độ học thức cao... Trong giới tướng lĩnh ngụy, Phạm Ngọc Thảo rất có uy tín vì anh thông minh, giao du rộng, hào phóng, có tài ăn nói... tất cả các tướng lĩnh của chính quyền ngụy đều khâm phục và muốn lôi kéo về mình. Thậm chí, bác sĩ Trần Kim Tuyến, giám đốc Cơ quan nghiên cứu chính trị (một tổ chức tình báo của chính quyền ngụy), tướng Đỗ Mậu phụ trách an ninh quân đội ngụy... cũng bị Phạm Ngọc Thảo thuyết phục.

* ... Đến tung hoành trong lòng địch

Trước cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu ngày 1-11-1963, Phạm Ngọc Thảo bàn với Dương Văn Minh, nhưng Minh quá nhát, không dám hưởng ứng. Tiếp đó Phạm Ngọc Thảo bàn với Trần Thiện Khiêm. Quả nhiên cuộc đảo chính thắng lợi. Tuy vậy, Dương Văn Minh cũng được cử đứng đầu Hội đồng quân nhân cách mạng... Tất cả các tướng lĩnh tham gia cuộc đảo chính đều được lên chức, lên lon. Phạm Ngọc Thảo vì chưa qua lớp cao cấp nên không được đề bạt.

Đại sứ Mỹ rất biết việc này, muốn nắm Phạm Ngọc Thảo về sau, liền đề nghị với chính quyền ngụy đưa Phạm Ngọc Thảo sang Mỹ học trường võ bị cao cấp cùng với đề nghị đưa chị Phạm Thị Nhiệm sang Mỹ làm giáo sư dạy tiếng Việt cho những lớp sĩ quan Mỹ trước khi được đưa qua Việt Nam. Trong khi Phạm Ngọc Thảo đi Mỹ học thì ở trong nước, Nguyễn Khánh làm đảo chính Dương Văn Minh lên nắm chính quyền. Nhưng Nguyễn Khánh chỉ là một tên vô biên, không có chủ trương chính sách gì khả dĩ ổn định được tình hình rối loạn khắp nơi cũng như không dám đương đầu với đám tướng lĩnh, chỉ huy các đơn vị tham nhũng, buôn lậu. Nhiều cuộc biểu tình của dân chúng và học sinh, sinh viên đòi Nguyễn Khánh ra khỏi chất, Nguyễn Khánh ứ ở không trả lời được. Vì vậy khi Phạm Ngọc Thảo tốt nghiệp Học viện cao cấp quân sự ở Hoa Kỳ về, liền được Nguyễn Khánh phong ngay quân hàm đại tá và cử làm phát ngôn viên chính phủ.

Có Phạm Ngọc Thảo, công việc bàn thảo và những kế

hoạch đảo chính lại được tiếp tục. Trần Thiện Khiêm muốn đảo chính Nguyễn Khánh bằng kế hoạch bắt cóc trong một bữa tiệc gia đình nhưng không thành, lập tức Trần Thiện Khiêm đi làm đại sứ ở Mỹ đã yêu cầu có Phạm Ngọc Thảo đi theo để phụ trách nhiệm vụ tùy viên quân sự và báo chí. Nguyễn Khánh chấp thuận.

Làm tùy viên quân sự và báo chí bên cạnh Trần Thiện Khiêm, chỉ một thời gian ngắn Phạm Ngọc Thảo đã nắm được kế hoạch của Lầu năm góc đang chuẩn bị đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Nhiều khu căn cứ bí mật đã được thành lập để huấn luyện cho quân đội Mỹ quen thuộc với địa hình đầm lầy và rừng rậm Việt Nam. Đế quốc Mỹ đang chờ thời cơ để có thể ký được với chính phủ bù nhìn nào đó ở Việt Nam một hiệp định cho Mỹ có quyền đưa quân đội viễn chinh vào chiếm đóng ở miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Khánh muốn cắt bớt vây cánh của Trần Thiện Khiêm để phòng nguy hiểm về sau, liền lệnh cho Bộ Ngoại giao Sài Gòn triệu hồi Phạm Ngọc Thảo về nước và phải trình diện trước ngày 18-2-1965. Biết rõ âm mưu của Nguyễn Khánh, Phạm Ngọc Thảo đã bàn với Trần Thiện Khiêm về việc cần làm cuộc đảo chính Nguyễn Khánh ngay. Lần này sẽ do chính Phạm Ngọc Thảo đứng ra chỉ huy. Cuộc đảo chính được hoạch định với những mục tiêu quan trọng như các cơ quan chính quyền, đài phát thanh, dinh thự của Nguyễn Khánh... phải giải quyết xong vào lúc 13 giờ ngày 19-2-1965.

Đúng như kế hoạch, Phạm Ngọc Thảo đã chiếm được

trụ sở làm việc của Nguyễn Khánh, cho xe tăng trở mũi về đài phát thanh thì bất ngờ một số nhà báo trông thấy Phạm Ngọc Thảo ngồi trên nóc một chiếc xe tăng chạy ngang qua công trường Mê Linh. Họ xúm tới phỏng vấn. Là phát ngôn viên



Phạm Ngọc Thảo trả lời báo chí nước ngoài trong ngày đảo chính

chính phủ, Phạm Ngọc Thảo quen biết rất nhiều nhà báo nên không nỡ từ chối một ai, đành phải trả lời và để họ quay phim, chụp ảnh. Anh tới đài phát thanh trễ mất nửa giờ. Nhiệm vụ bắt Nguyễn Khánh được trao cho trung tá Lê Hoàng Thao, nhưng không may đơn vị bị lạc đường, phải có người đi tìm dẫn đường tới nơi. Cũng trễ nửa giờ. Nguyễn Khánh đã ăn trưa xong và về nghỉ tại biệt thự riêng cũng trong Bộ Tổng tham mưu và thấy có đơn vị đảo chính đang xông vào liền lén qua một cổng riêng chạy qua sân bay quân sự. Y gặp Nguyễn Cao Kỳ ở đây. Hai người chui hàng rào chạy thoát thân tới sân bay Biên Hòa. Nguyễn Cao Kỳ là Tư lệnh không quân của chính quyền Sài Gòn, cho một máy bay nhỏ đưa Nguyễn Khánh chạy ra Vũng Tàu. Nguyễn Cao Kỳ cũng lên một máy bay khác trốn khỏi sân bay Biên Hòa. Y cho máy bay lượn trên vùng trời sân bay Tân Sơn Nhất dùng loa gọi xuống lệnh cho quân đảo chính rời khỏi Tân Sơn Nhất, nếu không y sẽ cho thả bom sân bay Tân Sơn Nhất. Lúc này ở sân bay Tân Sơn Nhất đang có một số đơn vị Mỹ đóng trong một khu doanh trại. Đại sứ Mỹ nghe được

tuyên bố của Nguyễn Cao Kỳ liên phái tướng Rowland chạy tới Dinh Độc Lập gặp Phạm Ngọc Thảo đang họp báo ở đó. Phạm Ngọc Thảo đồng ý lên trực thăng riêng của đại sứ Mỹ cùng tướng Lâm Văn Phát lên Biên Hòa gặp Nguyễn Cao Kỳ. Hai bên thương lượng. Nguyễn Cao Kỳ chấp thuận loại Nguyễn Khánh ra khỏi Hội đồng quân nhân mà hiện nay y làm chủ tịch đối lấy việc quân đảo chính rút khỏi sân bay Tân Sơn Nhất. Như vậy là cuộc đảo chính không đạt được mục tiêu. Vào 20 giờ cùng ngày các tướng lĩnh đảo chính họp và đồng ý giải tán để chờ cơ hội khác sẽ lại cùng nhau hợp tác.

* Báo *Việt Tiến* - kế hoạch hành động mới

Làm lại từ đầu, lần này Phạm Ngọc Thảo thận trọng hơn trong việc lựa chọn đơn vị tham gia. Đối với những người chỉ huy, anh lựa kỹ càng hơn; về kế hoạch hành quân cũng như những biện pháp phải đối phó, anh vạch ra tỉ mỉ hơn. Anh xuất bản một tờ báo lấy tên là *Việt Tiến* tuyên truyền về tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam quyết đánh đuổi bọn xâm lược và tay sai, tinh thần dũng cảm của người lính khi lâm trận, phân tích những thiếu sót về cuộc đảo chính vừa qua và những biện pháp cần khắc phục. Báo *Việt Tiến* phát hành tới từng tiểu đội sẽ tham gia đảo chính lần thứ hai và được đông đảo nhân dân ủng hộ...

Lúc này Nguyễn Khánh đã bị phế truất, Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu chính phủ mới mà họ gọi là "Ủy ban Hành pháp Trung ương". Cả Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ đều sợ Phạm Ngọc Thảo. Cao Kỳ ngầm

ngâm cho bọn an ninh quân đội đi khắp nơi dò la tin tức của Phạm Ngọc Thảo.

Cũng cùng thời gian này, đại sứ quán Mỹ tìm cách liên lạc với Phạm Ngọc Thảo hứa sẽ đưa anh ra nước ngoài nếu anh chấp nhận không trở về Việt Nam nữa. Đại sứ quán Campuchia cũng chuyển lời của Sihanouk mời Phạm Ngọc Thảo qua Campuchia tị nạn. Với cả hai nơi, anh đều có lời cảm ơn và nói rằng: Nếu có chết cũng xin chết trên đất nước Việt Nam.

Quả thật Phạm Ngọc Thảo có một vòng rào bảo vệ rất rộng lớn và vững chắc ở các xứ đạo từ Biên Hòa tới Hồ Nai, Thủ Đức, Sài Gòn. Nhiều linh mục cộng tác với anh đủ mọi công việc, từ việc in ấn, phát hành tờ *Việt Tiến*. Nhiều linh mục đã tham gia viết bài cho tờ báo. Nhiều thương gia, trí thức yêu nước sẵn sàng giao cả nhà của mình cho lực lượng đảo chính sử dụng hội họp. Bên cạnh Phạm Ngọc Thảo bao giờ cũng có linh mục Nguyễn Quang Lãm và một người trợ lý, Phạm Ngọc Thảo liên lạc với các đầu mối, vạch chương trình làm việc hàng ngày, những người cần tiếp xúc, bố trí những địa điểm cần thay đổi để giữ bí mật.

* “Nếu chết, xin chết trên đất nước Việt Nam”

Bữa ấy linh mục Nguyễn Quang Lãm sắp xếp cho Phạm Ngọc Thảo tiếp một người khách ở nhà dòng Phước Sơn. Cuộc tiếp xúc xong thì đáng ra Phạm Ngọc Thảo rời địa điểm. Nhưng còn có nhiều việc phải làm nên nấn ná qua bữa sau. Sáng hôm sau, ngày 16-7-1965, hai chiếc xe Citroen chạy thẳng vào nhà dòng Phước Sơn, đậu ngay

trước cửa phòng Phạm Ngọc Thảo. Một toán người mặc đồ đen tung cửa vào khi anh đang ngồi bên bàn trước ly cà phê để tính toán công việc. Phạm Ngọc Thảo chưa kịp phản ứng đối phó thì họ đã xông tới ôm chặt Phạm Ngọc Thảo, xóc nách lôi ra xe. Sự việc xảy ra nhanh quá khiến người trợ lý của anh không kịp trở tay. Chúng đưa anh tới rừng cao su Phước Tân thuộc họ đạo Tân Mai. Chúng dừng xe, bịt mắt anh và dẫn đi một đoạn đường. Biết mình bị nguy hiểm, anh chuẩn bị đối phó, dù chúng nắm hai tay anh thật chặt. Có tiếng lên đạn, Phạm Ngọc Thảo vốn có sức khỏe, vùng vẫy muốn thoát ra. Chúng sợ anh vượt mất liền nhắm đầu anh nổ súng. Phạm Ngọc Thảo ngã vật ra. Ngay lúc đó những người công nhân đi cạo mủ buổi sáng, nghe tiếng súng vội ù chạy. Chúng sợ bị lộ liền quay xe chạy mất...

Phạm Ngọc Thảo nằm bất tỉnh một lúc lâu... Anh giơ tay mở khăn bịt mắt... Ở xa xa có mấy người mon men tới gần, có người còn sợ. Phạm Ngọc Thảo giơ tay vẫy gọi. Họ vẫn rón rén, một hai người bước tới, sau dần dần đông... Phát súng trúng hàm dưới trở ra phía trước, gây mất mấy cái răng. Máu ra rất nhiều, ướt đầm chiếc áo linh mục anh mặc trên người. Mọi người nâng Phạm Ngọc Thảo dậy, nghĩ đây là một linh mục bị bắt cóc và bị ám sát nên tạm đưa anh về trại định cư Tam Hiệp. Máu từ vết thương vẫn ra đầy miệng, anh ra hiệu mượn giấy bút, viết mấy chữ cho cha xứ dòng Đa Minh. Cha xứ dòng Đa Minh là linh mục Cường, biết tin linh mục Jacobert lâm nạn liền tập túc tới nơi. Cha Cường làm lễ rửa tội, mọi người biết ý lui ra. Thảo yêu cầu linh mục đưa anh đi ngay khỏi chốn này, vì bọn an ninh

quân đội thế nào cũng sẽ quay lại. Cha Cường mượn một chiếc xe lam đưa anh về xứ đạo Đa Minh nhờ các bà sơ thay quần áo và băng bó vết thương. Nhưng, bọn cảnh sát quốc gia và an ninh quân đội cũng tìm ra nơi anh nằm và chúng đã tới bắt anh... Từ Biên Hòa, chúng dùng trực thăng đưa anh về Sài Gòn. Tại Tân Sơn Nhất có Nguyễn Ngọc Loan, Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia và nhiều tên sĩ quan an ninh quân đội đón anh. Anh Thảo vẫn một mình từ trực thăng nhảy xuống đất, nghĩa là vết thương ở miệng không làm anh mất sức.

Nguyễn Ngọc Loan chở ngay anh Thảo về an ninh quân đội Sài Gòn. Nơi đây đại tá Đặng Như Tuyết bị bắt từ hôm đảo chính 20-2-1965 nằm phòng bên cạnh có nghe được phần nào cuộc hỏi cung anh Thảo. Sau này anh Đặng Như Tuyết có kể được một đoạn:

An ninh quân đội hỏi anh Thảo:

- Nếu đại tá được tự do trở lại thì đại tá sẽ làm gì?

Anh Thảo trả lời:

- Tôi sẽ tiếp tục sứ mạng của tôi cho tới thành công.

An ninh quân đội lại hỏi:

- Đại tá cho biết những ai giúp đại tá sống trong mấy tháng qua?

- Đó là những người ơn nghĩa của tôi, giúp tôi trong công việc chung. Tôi không thể cho các anh biết.

Đêm về khuya, ở phòng kế bên, anh Đặng Như Tuyết nghe tiếng đánh đá nhiều lần và sau cùng nghe anh Thảo la thất thanh rồi im lặng luôn. Lúc đó vào khoảng 1, 2 giờ sáng thứ sáu, ngày 17-7-1965.

Hôm sau, báo chí Sài Gòn đăng thông báo của cảnh sát là đại tá Phạm Ngọc Thảo đã chết vì vết thương ngày hôm trước. Có báo đăng hình ảnh Thảo nằm chết trên ghế bố. Sự thật, Phạm Ngọc Thảo chết vì Nguyễn Ngọc Loan ra lệnh cho sĩ quan và người của an ninh quân đội đánh đập đến tắt thở.

Năm ấy Phạm Ngọc Thảo 43 tuổi.

OVIDI GORTRACOV

ĐIỆP VIÊN NHÀ VĂN HUYỀN THOẠI

Một tình báo viên quân sự, một phiên dịch viên của Stalin và Khrutsev, một nhà văn, một nhà viết kịch bản điện ảnh... dường như khó có thể tin rằng, đây là tất cả những khả năng và công việc của duy nhất một con người. Nhưng đó lại là một nhân vật hoàn toàn có thật.

Nước Nga là nơi sản sinh khá nhiều điệp viên tài năng mà tên tuổi ngay khi còn sống đã trở thành huyền thoại, trong số đó có Ovidi Aleksandrovitr Gortracov (1924-2002); nhưng điều thú vị đáng kinh ngạc là ông đồng thời lại là một nhà văn được bạn đọc yêu mến và tin cậy bởi tính xác thực, “chuyên nghiệp” của các tiểu thuyết viết về đề tài điệp viên, phản gián; và hơn nữa, ông là một trong số rất ít những người làm cái nghề tột cùng nguy hiểm này đã sống trọn đời trong vinh quang và qua đời ở tuổi già yên ổn.

Cậu bé Ovidi Gortracov sinh năm 1924 tại Odessa trong gia đình một nhân viên thuộc Cơ quan An ninh Nga. Ngay từ những ngày đầu của cuộc Thế chiến Thứ hai chống phát xít Đức, mặc dù chưa đủ tuổi nhưng Ovidi đã xung phong ra mặt trận chiến đấu, nhưng không được chấp thuận. Cuối cùng, cậu tìm cách xin vào học tại trường đào

tạo tình báo để rồi vào tháng 3 năm 1942 được tung vào hậu phương quân Đức ở chiến trường Ba Lan cùng một nhóm điệp báo viên gồm 11 người. Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt thời đó, các điệp báo viên nhận nhiệm vụ vào hậu phương địch được xác định là ra đi khó có ngày trở lại, thường sau lần đi chiến dịch thứ hai thì số người sống sót trở về không vượt qua 50%, thế nhưng Ovidi Gortracov đã xâm nhập vào hậu phương địch ít nhất 5 lần mà vẫn bình an trở về! Nhận những nhiệm vụ đặc biệt, các chiến sĩ quân báo thường phải sống nhiều tháng ở sâu trong lòng địch trong những điều kiện hết sức khó khăn và nguy hiểm. Về sau Ovidi Gortracov kể lại: “Chúng tôi thường xuyên sống và chiến đấu trong tình trạng bị bao vây rất gắt gao. Đó là chưa nói đến thời tiết mùa đông trong rừng thật khủng khiếp... Có lần tôi tỉnh dậy trong hang và cảm thấy như mình không còn tồn tại nữa. Không còn cảm thấy hai chân của mình. Tôi tháo đôi ủng ra và giật mình nhìn thấy 5 ngón chân đang rơi ra theo. Nhưng nhìn kỹ lại, tôi mới thấy đó là những mảnh da do băng giá thường xuyên bị bóc ra cùng với móng chân”. Ovidi Gortracov không có quyền được dùng tên thật của mình, thậm chí các bạn đồng ngũ cùng đơn vị cũng chỉ biết các bí danh của ông, như Astangov, Culnitski, Zubcov hay Spartak. Các cấp chỉ huy đánh giá rất cao năng lực tình báo của ông và tin tưởng giao cho ông những nhiệm vụ đặc biệt, mang những ý nghĩa chính trị lớn. Một trong những nhiệm vụ như vậy là tổ chức việc bí mật đưa các thành viên Chính phủ thân Xô Viết của Ba Lan vượt qua chiến tuyến. Các nhà lãnh đạo Ba Lan vì công lao đó đã tặng Ovidi Gortracov huân chương cao quý nhất của

họ - Huân chương "Virtuty Military" - tại Liên Xô trước đây chỉ có ba người được tặng thưởng huân chương cao quý này là Ovidi Gortracov, Tổng bí thư Đảng Leonid Brejnev và một vị tướng của quân đội Liên Xô. Trong số các chiến công nổi tiếng khác của Ovidi Gortracov có việc ông cùng nhóm điệp viên của mình đã khôn khéo và linh hoạt cứu thành phố cổ Cracov khỏi bị phá hủy do đã bị quân Đức gài mìn, tuy việc đó không phải là nhiệm vụ trực tiếp của ông được giao.

Người ta còn kể lại một câu chuyện lý thú khác diễn ra ngay sau chiến tranh, trong thời điểm Liên Xô và Mỹ cùng tham gia kiểm soát Triều Tiên. Một buổi tối nọ trong quán bar, Gortracov tình cờ ngồi cạnh một điệp viên người Mỹ. Bất ngờ, có một người lạ mặt xuất hiện và trao cho tay điệp viên người Mỹ một phong bì lớn. Anh chàng điệp viên bất cẩn này lập tức xé phong bì ra xem, lấy ra những tờ giấy trong đó đem cất vào túi, rồi vứt chiếc phong bì không vào thùng rác gần đó. Sau khi tay điệp viên người Mỹ đi khỏi, Gortracov kín đáo lấy chiếc phong bì từ thùng rác lên và tìm thấy trong đó một tấm bản đồ nhỏ mô tả vị trí của tất cả các đơn vị quân Mỹ. Nhờ sự may bất ngờ này, Ovidi Gortracov được nhận thêm một Huân chương Sao Đỏ.

Với những chiến công của mình, Ovidi Gortracov xứng đáng được tôn vinh là một trong những điệp viên xuất sắc nhất thời đó, tên của ông nằm trong số 10 anh hùng của mặt trận vô hình được ghi trong cuốn Bách khoa thư *Lịch sử chiến tranh ái quốc vĩ đại* bên cạnh Richard Sorge, Manevitv và Cuznetxov...

Sau chiến tranh, Ovidi Gortracov dù không có bằng đại học nhưng với khả năng đặc biệt của mình về ngoại ngữ vẫn được xem xét như một trường hợp ngoại lệ và được nhận vào học ở khóa đào tạo các phiên dịch viên chuyên nghiệp; Ở đây ông đã làm quen với người vợ tương lai của mình. Từ năm 1950, Ovidi Gortracov nhiều lần làm công tác phiên dịch tại các hội nghị và các Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô khi có các đoàn đại biểu nước ngoài tham dự. Năm 1952, ông gia nhập Đảng Cộng sản, năm 1957 tốt nghiệp Học viện Văn chương mang tên M. Gorki, năm 1965 trở thành hội viên Hội Nhà văn Liên Xô. Ovidi Gorchakov thường xuyên là phiên dịch riêng của Stalin và Khrutsev. Vào thời điểm đó, tại Moskva hầu như không có phiên dịch viên người Nga đáng tin cậy có trình độ như ông. Ngoài khả năng ngoại ngữ, tư cách Đảng viên và cựu tình báo viên quân sự cũng đảm bảo chắc chắn cho Ovidi Gortracov luôn nằm trong sự lựa chọn hàng đầu.

Cũng vào thời gian sau chiến tranh, Ovidi Gortracov bắt đầu sự nghiệp sáng tác văn học – ông viết truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết và bút ký. Và ông chỉ viết về những gì đã được tận mắt mình chứng kiến, tự mình trải qua. Cuốn sách đầu tiên của ông là *Ngoài quy luật*. Nhà văn nổi tiếng Vasili Grossman (tác giả của bộ sách *Cuộc đời và số phận*) sau khi đọc bản thảo đã nhận xét đây là cuốn sách xuất sắc nhất về phong trào chiến tranh du kích và nói chung là một trong những tác phẩm tốt nhất về chiến tranh. Mặc dù vậy tác phẩm đã không được xuất bản vào thời đó, có lẽ vì những chi tiết nào đấy, và nó được ra mắt độc giả vào những năm cải tổ nhưng vẫn bị lược bỏ mất

nhiều đoạn. Ovidi Gortracov cũng là tác giả của nhiều cuốn sách và hồi ký viết về cuộc đời và hoạt động của Berzin (một chỉ huy lão thành của tình báo quân sự Xô Viết), về nữ điệp viên Morozova và về hoạt động của cơ quan tình báo quân sự nói chung. Tiểu thuyết và kịch bản phim của ông có *Tiếng hát thiên nga*, *Gọi hoả lực về mình*, *Macxim không trả lời liên lạc*, *Chôn giữ vĩnh viễn*, *Mưa rơi* (cuốn này viết về lính Mũ nổi xanh của Mỹ ở Việt Nam).

Ovidi Gortracov qua đời tại Moskva vào năm 2002. Phần tro sau khi hỏa táng thi thể ông, theo như di chúc, đã được rắc ở vùng rừng Khotrinski (tỉnh Mogilevski), nơi chính Ovidi Gortracov đã nhảy dù xuống lần đầu tiên vào năm 1942.

Trong điện chia buồn gửi đến gia đình và người thân của Ovidi Gortracov sau khi ông mất, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã khẳng định, chính Ovidi Gortracov là nguyên mẫu của nhân vật thiếu tá Vikhri của nhà văn Yulian Semenov (tác giả tiểu thuyết trinh thám nổi tiếng *Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân*).

PHẠM XUÂN ẮN

NHÀ BÁO - ĐIỆN VIÊN HOÀN HẢO

Trải qua những năm tháng của hai cuộc chiến tranh giành và giữ độc lập khốc liệt và không cân sức với những kẻ thù có ưu thế về tiềm năng quân sự, trang bị vũ khí mạnh hơn rất nhiều lần, nhân dân ta đã phát huy đến tột cùng trí thông minh, tài mưu lược ở cấp độ chiến lược cũng như chiến thuật, và đặc biệt đã sinh ra rất nhiều những chiến sĩ tình báo kiệt xuất. Chưa



kể đến những người có thể vẫn còn đang “kín tiếng” trong mặt trận thâm lặng, chỉ qua các cuốn sách được xuất bản trong thời gian gần đây ta đã có thể biết đến những nhân vật nổi tiếng như Đại tá Phạm Ngọc Thảo (được tác giả Nguyễn Trường Thiên Lý đổi tên thành Nguyễn Thành Luân trong tiểu thuyết *Ván bài lật ngửa*), Thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ (trong *Ông cố vấn - Hồ sơ một điệp viên* của Hữu Mai), tình báo viên chiến lược Lê Nguyên Vũ (trong *Điệp viên giữa sa mạc lửa* của Nhị Hồ), Trưởng ban quân báo

Nam Bộ Hoàng Minh Đạo (trong *Chân dung một nhà tình báo* của Hàn Song Thanh), rồi các tập hồi ký *Những mẫu chuyện đời tôi* của Mai Chí Thọ - nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ, *Những ngày sóng gió* của Lê Giản - nguyên Tổng Giám đốc đầu tiên của Nha Công an Việt Nam, *Về với cội nguồn* và *Đôi mắt với CIA Mỹ* của Nguyễn Tài - nguyên Trưởng ban An ninh T4, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ, v.v... Dưới đây là huyền thoại về một điệp viên được báo chí trong và ngoài nước viết đến rất nhiều trong những năm vừa qua, được tôn xưng là một điệp viên “tài ba”, “anh hùng”, “vĩ đại”... Đó là Thiếu tướng tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn.

I. TIỂU SỬ

Thay cho phần viết lại tiểu sử, chúng tôi xin dẫn ra đây một số đoạn trích mục từ “Phạm Xuân Ẩn” trong Bách khoa toàn thư mở Wikipedia trên mạng Internet và từ Website *www.dongnai-industry.gov.vn*, chuyên trang *Anh hùng đất Đồng Nai* - bài báo *Anh hùng trên mặt trận không có tiếng súng* của Lê Biên Hùng, viết về ông.

1. Thân thế

Wikipedia: Phạm Xuân Ẩn (12 tháng 9 năm 1927 - 20 tháng 9 năm 2006) là một thiếu tướng tình báo của Quân đội Nhân dân Việt Nam với biệt danh Trần Văn Trung hay Hai Trung. Ông từng là nhà báo và phóng viên cho *Reuters*, tạp chí *Time*, *New York Herald Tribune*, *The Christian Science Monitor*... Ông được Nhà nước Việt Nam phong tặng

danh hiệu “Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân” ngày 15 tháng 1 năm 1976.

Phạm Xuân Ắn sinh ra trong gia đình một viên chức cao cấp của chính quyền thuộc địa. Quê gốc của ông tại Hải Dương. Gia đình ông chuyển đến sống tại Huế khi cụ nội của ông là nghệ nhân kim hoàn được gọi vào Kinh đô để chế tác đồ vàng bạc cho triều đình. Ông nội của Phạm Xuân Ắn là hiệu trưởng một trường nữ sinh ở Huế, đã được vua ban Kim khánh. Cha của ông là một kỹ sư công chánh cao cấp tại Sở Công chánh, làm công tác trắc địa trên khắp miền Nam. Ông được sinh tại Nhà thương điên Biên Hòa, do chính các bác sĩ Pháp đỡ đẻ. Tuy là một viên chức cao cấp, nhưng cha của ông không nhập quốc tịch Pháp.

Website www.dongnai-industry.gov.vn: Sinh năm Đinh Mão giờ Sửu ở Biên Hòa, nhưng Nguyễn Văn Trung không phải sinh ra ở nhà bảo sanh hay do “mụ vườn” đỡ đẻ như bao hài nhi Việt Nam khác trên đất nước vào thời kỳ bấy giờ, mà là được sinh ra ở... Nhà thương điên Biên Hòa! Chuyện này mới nghe có vẻ lạ kỳ, nhưng không phải ai cũng có thể chọn cái nơi để mình cất tiếng khóc chào đời một cách... không đúng chỗ như vậy. Trường hợp của ông thật đặc biệt, cha ông là một công chức trắc địa người Việt Nam xông xáo và tận tâm với công việc lại giao du rộng nên rất được quan chủ tỉnh và các công chức Pháp ở Biên Hòa nể trọng. Trắc địa sư lại là một công chức ngạch được giao phụ trách việc đo đạc, định hạng ruộng đất, đồn điền cả một vùng miền Đông màu mỡ đang được khai phá nên ai cũng muốn cầu cạnh, làm thân. Do đó, khi biết vợ của viên trắc

địa sư sắp đến ngày sinh nở, vị giám đốc của Nhà thương điên Biên Hòa bèn tế nhị mời bà vào nơi mà nhà cầm quyền thực dân Pháp tự hào là khu điều trị bệnh tâm thần lớn nhất Đông Dương có bác sĩ người Pháp trực tiếp đỡ đẻ. Chào đời ở một nơi treo ngoe như vậy, nên tấm giấy khai sinh của Nguyễn Văn Trung cũng khác đời vì những người chứng sinh toàn là các quan đốc tờ Tây. Không ngờ với cái giấy khai sinh độc đáo này cùng với bản lý lịch “ngon lành” có cha là trác địa sư, công chức cao cấp của Pháp, trở thành loại “thông hành” giá trị để sau này Nguyễn Văn Trung có ngay sự thuận lợi bước đầu trong việc bám sâu trèo cao hoạt động tình báo.

2. Thời niên thiếu và thanh niên

Wikipedia: Thời niên thiếu, ông sống tại Sài Gòn, sau chuyển về Cần Thơ học trường College de Can Tho.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám nổ ra, ông bỏ học và tham gia tổ chức Thanh niên Tiền Phong, sau đó học một khóa huấn luyện của Việt Minh về công tác tuyên truyền.

Website www.dongnai-industry.gov.vn: Cách mạng Tháng Tám thành công, như bao thanh niên Việt Nam yêu nước khác, chàng trai 18 tuổi Nguyễn Văn Trung háo hức tham gia vào Thanh niên Tiền Phong. Đối với chàng trai đã “Âu hóa” Nguyễn Văn Trung nếu nói hăng hái thôi chưa đủ lắm, mà phải nói là háo hức vì từ lâu theo cha đi khắp vùng đất miền Đông rồi bây giờ là miền Tây Nam Bộ, nơi nào Trung cũng nhận thấy cảnh bị bóc lột, bị đối xử bất công giữa tá điền nghèo khổ với bọn địa chủ phong kiến quan lại.

Việt Nam cùng bọn chủ đồn điền thực dân người Pháp. Và bên Trung luôn có hình ảnh hai anh em Ngôn và Ngữ cùng tuổi với Trung, quê cũng ở miền Trung nhưng do hoàn cảnh phải lưu lạc vào Nam trở thành người hầu cho “cậu Trung”. Ngôn và Ngữ phải thay nhau chẻ củi, quét nhà rồi lại hầu quạt cho Trung lúc cậu chủ ngồi ăn cơm, học bài, ngủ... Bất nhẫn với cảnh bất công, nên tuy sống trong làng Tây, học trường Tây, nhưng cha con Nguyễn Văn Trung đều cương quyết không chịu trở thành... dân Tây (tức lấy quốc tịch người Pháp, là đặc ân mà nhà cầm quyền Pháp dành cho công dân thuộc địa giàu có, công chức được chúng đào tạo chính ngạch có vị trí cao trong xã hội đương thời...).



*Phạm Xuân Ắn thời làm phiên dịch
trong đoàn quân sự hỗn hợp Việt - Mỹ*

Trong khí thế hào hùng của cả dân tộc vừa giành được độc lập và được nghe lời hiệu triệu của Việt Minh, Nguyễn Văn Trung đem hết nhiệt khí tuổi thanh xuân ra phục vụ kháng chiến.

Hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách

xuất sắc, đội viên Thanh niên Tiên Phong tỉnh Cần Thơ Nguyễn Văn Trung được chọn đi đào tạo ở trường quân sự Thanh Trị. Kết thúc khóa huấn luyện quân sự đầu tiên của tỉnh Cần Thơ với loại xuất sắc, Nguyễn Văn Trung trở thành một chiến sĩ Vệ quốc đoàn tham gia đánh giặc khắp bưng biển miền Tây Nam Bộ.

3. Bắt đầu hoạt động tình báo

Wikipedia: Năm 1947, ông trở về Sài Gòn để chăm sóc thân phụ đang bệnh nặng. Tại đây, ông tổ chức các cuộc biểu tình của sinh viên Sài Gòn, đầu tiên là chống Pháp rồi sau chống Mỹ. Ông làm thư ký cho Công ty Dầu lửa Caltex cho đến năm 1950.

Năm 1950, ông vào làm ở Sở Thuế quan Sài Gòn. Thực chất lúc này ông được Việt Minh giao nhiệm vụ tìm hiểu tình hình vận chuyển hàng hóa, khí tài quân sự và quân đội từ Pháp sang Việt Nam và từ Việt Nam về Pháp. Năm 1952, ông ra Chiến khu D và được bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - ủy viên Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ - giao nhiệm vụ tình báo chiến lược.

Năm 1953, tại rạch Cái Bát, Cà Mau trong rừng U Minh, dưới sự chủ tọa của Lê Đức Thọ (khi này là Phó Bí thư kiêm Trưởng ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam), Phạm Xuân Ẩn được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Website www.dongnai-industry.gov.vn: Với bản lý lịch độc đáo, năm 1946, anh bộ đội Nguyễn Văn Trung được lệnh trả lại súng để về Sài Gòn làm nhiệm vụ khác. Tổ chức giao cho Trung về Thành và tìm mọi cách xin vào làm ở Sở Quan thuế Sài Gòn, đây là nơi rất thuận tiện để anh có thể nắm được và kịp thời báo cho cách mạng về tình hình vận chuyển hàng hóa, khí tài quân sự và quân đội viễn chinh do Pháp đưa từ mẩu quốc sang Việt Nam và từ Việt Nam về Pháp. Có một thân thế tốt như thế, Nguyễn Văn Trung không khó khăn gì lắm để trở thành một công chức trong Sở

Quan thuế Sài Gòn. Và từ đây, toàn bộ mọi thứ hàng hóa, khí tài được nhập từ Pháp qua đều có các báo cáo ghi đầy đủ đưa về đến Bộ chỉ huy Quân sự Miền nằm trong bưng hỏ lánh miền Đông (chiến khu D). Tín hiệu mà người chiến sĩ quân báo Nguyễn Văn Trung đang hoạt động lặng lẽ, âm thầm ở Sài Gòn nhận lại được là những trận công đồn, những trận giao thông chiến mà bộ đội miền Tây và miền Đông đã đốt phá, tịch thu, hủy diệt nhiều sinh lực, vũ khí của địch. Nhưng thấy công việc của mình thầm lặng quá, trong khi khắp các chiến trường đang âm vang tiếng súng đuổi giặc năm 1951, Nguyễn Văn Trung làm đơn gửi về đơn vị xin cho mình được ra chiến trường cầm súng. Nguyên vọng của Trung là được chiến đấu ngay trên mảnh đất quê hương, nơi anh cất tiếng khóc chào đời, giờ được đổi thành tỉnh Thủ Biên, nơi có đơn vị Vệ quốc đoàn của Huỳnh Văn Nghệ lừng danh đang làm cho giặc Pháp điên đảo. Gửi đơn rồi và đang háo hức chờ ngày rời đô thành Sài Gòn để ra chiến trường, thì ngay đầu năm 1952, Nguyễn Văn Trung nhận được thư của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - nguyên là thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong trước đây và bây giờ đang là ủy viên của ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ trực tiếp mời ra chiến khu đang tạm đóng tại Đất Cuốc. Lần này Nguyễn Văn Trung cũng không được phân công cầm súng chiến đấu mà lại được động viên để nhận một nhiệm vụ cụ thể hơn nữa tại trung tâm đầu não quân sự của giặc ở Sài Gòn, theo như nghị quyết xác định trách nhiệm mỗi bên giữa Sở Công an Nam Bộ và Quân báo vừa thống nhất trong hội nghị ngày 21 tháng 12 năm 1951: “Quân báo chú trọng công tác điệp báo trong cơ quan quân sự địch và phòng nhì.

tiến hành công tác phòng gian, phản gián trong lực lượng quân sự của ta”. Nhiệm vụ của Nguyễn Văn Trung là phải bằng mọi cách khai thác các mối quan hệ sẵn có để tiếp cận cho được Bộ Tổng hành dinh Quân đội Liên hiệp Pháp đặt ở thành Ô Ma (nay là Bộ Công an II trên đường Nguyễn Trãi - thành phố Hồ Chí Minh) bằng hoạt động công khai nắm cho được các ý đồ chiến lược về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế của thực dân Pháp. Cái “mác” công chức lại là dân học trường Tây, có giấy khai sinh do Tây cấp và là con của một cựu trác địa sư tên tuổi, đã giúp ích rất nhiều cho người chiến sĩ quân báo Việt Nam trở thành nhân viên tham mưu tin cậy trong Bộ Chỉ huy Quân đội Liên hiệp Pháp.



Phạm Xuân Ẩn trên đường phố Sài Gòn năm 1952

4. Cắm sâu vào lòng địch

Wikipedia: Năm 1954, Phạm Xuân Ẩn bị gọi nhập ngũ và được trưng dụng ngay làm Bí thư Phòng Chiến tranh Tâm lý trong Bộ Tổng Hành dinh Quân đội Liên hiệp Pháp tại Camp Aux Mares (thành Ô Ma). Chính tại đây, ông đã quen biết với đại tá Edward Lansdale, Trưởng Phái bộ Quân sự đặc biệt của Mỹ (SMM), trên thực tế là người chỉ huy CIA tại Đông Dương và cũng là Trưởng phái đoàn Viện trợ Quân sự Mỹ (US.MAAG) ở Sài Gòn.

Năm 1955, theo đề nghị của Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ (lúc này đã chính thức thay Pháp đứng ra huấn luyện và xây dựng Quân lực Việt Nam Cộng hòa), Phạm Xuân Ẩn tham gia soạn thảo các tài liệu về tham mưu, tổ chức, tác chiến, huấn luyện, hậu cần cho quân đội. Đặc biệt ông cũng tham gia thành lập bộ khung của 6 sư đoàn bộ binh đầu tiên của Quân lực Việt Nam Cộng hòa mà nòng cốt là sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính người Việt trong quân đội liên hiệp Pháp trước đây.

Phạm Xuân Ẩn còn được giao nhiệm vụ hợp tác với Mỹ để chọn lựa những sĩ quan trẻ có triển vọng đưa sang Mỹ đào tạo (trong số này có Nguyễn Văn Thiệu, sau này trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng hòa).

Trong công tác tình báo, để có thể đi khắp nơi và tiếp cận với những nhân vật có quyền lực nhất, tháng 10 năm 1957, theo sự chỉ đạo của Mai Chí Thọ và Trần Quốc Hương, (Mười Hương, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương) Phạm Xuân Ẩn qua Mỹ học ngành báo chí.

Lúc nào người ta cũng thấy ông Ẩn dắt theo con chó King. Khi ông viết báo cáo mật và chụp các tài liệu mật thì chú chó này luôn đứng nhìn ông (ảnh trong bộ sưu tập cá nhân của Phạm Xuân Ẩn).

Phạm Xuân Ẩn trong thời gian học ở Mỹ. **Website www.dongnai-industry.gov.vn**: Quân Pháp liên tục thất bại trên chiến trường Đông Dương, Mỹ từ viện trợ quân sự ban đầu cho Pháp đã trực tiếp can thiệp vào Việt Nam với ý đồ thay chân bọn thực dân cũ. Anh nhân viên tham mưu

người Việt Nam nhỏ thó nhưng có cái nhìn chiến lược về quân sự Nguyễn Văn Trung đã lọt vào cặp mắt xanh của đại tá Edward G.Lansdale, Trưởng nhiệm sở CIA và Trưởng phái đoàn Viện trợ quân sự Mỹ (US.MAAG) ở Sài Gòn. Đã nắm được ý đồ can thiệp của Mỹ vào Việt Nam, nên sau khi nhận được báo cáo của Nguyễn Văn Trung, các đồng chí Mười Hương, Năm Xuân, Tư Hùng... quyết định giao cho anh nhiệm vụ mới: bám sát nhóm cố vấn Mỹ MAAG. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đường dây hoạt động tình báo chiến lược đơn tuyến này, tổ chức bố trí cho Nguyễn Văn Trung một “hòm thư sống” mà anh chỉ được biết với tên là một phụ nữ gốc Long An gọi “Chị Ba”. Thông qua Chị Ba, Trung nhận chỉ thị của cấp trên và báo cáo phân tích của ngành tình báo chiến lược căn cứ trên mọi tin tức mà mình thu thập được.

Sau khi hiệp định Giơnevơ được ký kết, giữa lúc cán bộ, bộ đội chuẩn bị xuống tàu tập kết ra miền Bắc, thì Nguyễn Văn Trung lại trở thành người cộng sự của Phái bộ Quân sự Mỹ tại Sài Gòn (Sài Gòn Military Mission) thường xuyên đến văn phòng hoặc nhà riêng để gặp gỡ đại tá CIA Ed Lansdale, thiếu tá Lou Conien, trung úy Rufus Philyes chỉ huy một nhóm tình báo Mỹ ở Sài Gòn đang tìm cách củng cố chế độ Ngô Đình Diệm, tiêu diệt các giáo phái đối lập cùng các thế lực ảnh hưởng Pháp.

Năm 1955, Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ chính thức thay Pháp để đứng ra huấn luyện và xây dựng “quân đội Quốc gia Việt Nam”, Nguyễn Văn Trung được cố vấn Mỹ đề nghị

tham gia soạn thảo các tài liệu về tham mưu, tổ chức, tác chiến, huấn luyện, hậu cần. Đặc biệt, Nguyễn Văn Trung được Mỹ và Bộ Tổng tham mưu “Quân đội Việt Nam Cộng hòa” tham gia Phái bộ thành lập bộ khung của 6 sư đoàn bộ binh đầu tiên của “Quân đội Việt Nam Cộng hòa” vốn thành phần nhân sự ban đầu là sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính người Việt trong Quân đội Liên hiệp Pháp trước đó, để lại. Nguyễn Văn Trung còn được giao hợp tác với Mỹ chọn lựa sĩ quan trẻ có “tinh thần quốc gia”, có triển vọng rồi kiểm tra trình độ Anh ngữ để đưa sang Mỹ đào tạo. Trong số 25 sĩ quan người Việt được đưa qua trường tham mưu và chỉ huy (Command and General Staff ở căn cứ Fort Leavenworth, Kansas City) để dự khóa huấn luyện tham mưu và chỉ huy trong mười tháng, có Nguyễn Văn Thiệu (sau này là trung tướng, tổng thống chế độ Sài Gòn), Trần Ngọc Châu (sau đó là trung tá tỉnh trưởng Kiến Hòa, dân biểu quốc hội Sài Gòn)...

Đầu năm 1957, được giải ngũ, Nguyễn Văn Trung chuẩn bị mọi thủ tục giấy tờ đi Mỹ học nghề báo chí, đồng thời học hỏi văn hóa Mỹ, hiểu tâm lý người Mỹ...

5. Dưới vỏ bọc nhà báo

Wikipedia: Tháng 10 năm 1959, Phạm Xuân Ắn về nước. Nhờ những mối quan hệ, ông được Trần Kim Tuyến, Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị Văn hóa Xã hội (thực chất là cơ quan mật vụ trực thuộc Phủ Tổng thống), biệt phái sang làm việc tại Việt tấn xã, phụ trách những phóng viên ngoại quốc làm việc tại đây.

Từ năm 1960 đến giữa năm 1964, ông làm cho Hãng Thông tấn Reuters.

Từ năm 1965 đến năm 1976, ông là phóng viên người Việt chính thức duy nhất của tuần báo *Time*, ngoài ra ông còn là cộng tác viên của các tờ báo khác như *The Christian Science Monitor*, *New York Herald Tribune*...



Thẻ hoạt động báo chí của Phạm Xuân Ẩn do Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) cấp năm 1965

Từ khi ở Mỹ về nước cho đến năm 1975, với vỏ bọc là phóng viên, nhờ quan hệ rộng với các sĩ quan cao cấp, các nhân viên tình báo, an ninh quân đội và “người của CIA”, Phạm Xuân Ẩn đã có được mọi nguồn tin tức quan trọng từ quân đội, cảnh sát và cơ quan tình báo.

Những tin tức và phân tích tình báo chiến lược của Phạm Xuân Ẩn được bí mật gửi cho Bộ Chỉ huy quân sự ở miền Bắc thông qua Trung ương cục miền Nam. Chúng sống động và tỉ mỉ đến mức người ta kể rằng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã reo lên: “Chúng ta đang ở trong phòng hành quân của Hoa Kỳ”. Tổng cộng, Phạm Xuân Ẩn đã gửi về căn cứ 498 báo cáo bao gồm tài liệu nguyên gốc đã được sao chụp, các thông tin mà ông thu lượm cùng phân tích và nhận định của bản thân. Cụ thể là:

* Giai đoạn 1961-1965: những bản tài liệu nguyên bản về chiến lược chiến tranh đặc biệt như tài liệu Mc Garr, tài liệu Staley, tài liệu Taylor, tài liệu Harkins, tài liệu áp

chiến lược... Ông gửi về nguyên bản bản Kế hoạch Staley-Taylor;

* Giai đoạn 1965-1968: các kế hoạch liên quan đến chiến lược Chiến tranh cục bộ, phục vụ chiến thuật cho Mậu Thân 1968;

* Giai đoạn 1969-1973: những tài liệu liên quan đến chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh;

* Giai đoạn 1973-1975: hàng trăm bản tin nguyên bản “phục vụ trên hạ quyết tâm giải phóng miền Nam”...

Ông là nhân vật được chèo kéo của nhiều cơ quan tình báo, kể cả CIA.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Phạm Xuân Ẩn là một trong những nhà báo chứng kiến sự kiện xe tăng của Quân đội Nhân dân Việt Nam húc đổ cổng dinh Độc Lập. Đến thời điểm đó cũng như một vài



Phạm Xuân Ẩn và vợ

tháng sau, các đồng nghiệp phóng viên và những người thuộc chính quyền cũ cũng như chính quyền mới vẫn chưa biết ông là một điệp viên cộng sản. Khi đó vợ con của ông đã rời khỏi Việt Nam theo chính sách sơ tán của Mỹ, theo kế hoạch của miền Bắc, ông sẽ được gửi sang Mỹ để tiếp tục hoạt động tình báo. Tuy nhiên, ông đã đề nghị cấp trên cho ngừng công tác do đã hoàn thành nhiệm vụ. Kế hoạch thay đổi, vợ con ông đã phải mất một năm để quay

lại Việt Nam theo đường vòng: Paris - Moskva - Hà Nội - Sài Gòn.

Website www.dongnai-industry.gov.vn: Trước ngày lên đường sang Mỹ, Nguyễn Văn Trung được các đồng chí cấp trên căn dặn là phải cố gắng học cho thật giỏi. Đây cũng là cơ hội hiếm có để có điều kiện phát triển kiến thức, mà quan hệ với cấp trên, tiếp xúc với các cơ quan đầu não của địch thực hiện nhiệm vụ tình báo chiến lược.

Sau hai năm du học ở Mỹ, Nguyễn Văn Trung về Việt Nam và được mời làm Thông tấn viên cho Hãng Thông tấn Reuters. Ký giả Phạm Xuân Ẩn được Mỹ đưa đi đào tạo về nước lại làm cho hãng thông tấn của Anh và về sau là các báo Mỹ và giao du khá rộng với các cơ quan quân sự, tình báo, thông tin Mỹ cùng quan chức cao cấp Phủ Tổng thống, cơ quan Đặc ủy Tình báo, Tổng nha Cảnh sát Quốc gia, Bộ Tổng tham mưu nên các chính khách, tướng tá của chế độ Sài Gòn hết sức quý trọng, đều nghi Phạm Xuân Ẩn là người của CIA. Cũng cần biết là các phe phái quân nhân cầm quyền ở Sài Gòn, tuy đều “thần phục” dưới bàn tay đạo diễn của Mỹ nhưng luôn hục hặc, tìm cách hắt cẳng nhau... do đó, “ông nhà báo gốc CIA” trở thành nhân vật đáng nể mà phe phái nào trên chính trường Sài Gòn cũng muốn tranh thủ để vừa đón được ý đồ của quan thầy Mỹ vừa nghe ngóng địch tình. Nhờ vậy các buổi tiệc ngoại giao của chính giới Sài Gòn đều luôn có mặt Phạm Xuân Ẩn. Vị ký giả diêm dạm này còn là khách mời của các chính khách tên tuổi ở Sài Gòn trong những buổi họp mặt ở các khách sạn Cravelle, Majestic...

và được các cấp chỉ huy an ninh tình báo cũng như các tướng tư lệnh quân nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân, tư lệnh vùng tiếp đón nông hậu, lê la khắp các vũ trường tráng lệ nhất Sài Gòn lúc bấy giờ như QueenBee, Tự Do, Rite, Đêm Màu Hồng...

Qua những mối giao du đó, ký giả Phạm Xuân Ẩn lại càng nổi tiếng về những tin tức nóng hổi tính thời sự của tình hình miền Nam Việt Nam. Đặc biệt Phạm Xuân Ẩn còn có những bài báo chính xác các diễn biến thuộc nội tình chính giới Sài Gòn - nơi mà báo chí Phương Tây cho rằng “đảo chính xảy ra như ăn cơm bữa”, nên rất được các đồng nghiệp nước ngoài kính nể. Một loạt các tờ báo tên tuổi trên thế giới như tạp chí *Time*, *The New York Herald Tribune*, *Người hướng dẫn Thiên Chúa giáo*... mời Phạm Xuân Ẩn làm Đặc phái viên tại Sài Gòn. Các nguồn tin thu thập được càng mở rộng cũng có nghĩa là những bản báo cáo và phân tích tuyệt mật của Nguyễn Văn Trung qua hòm thư “chị Ba” được chuyển vào R càng phong phú, kịp thời.

6. Sau chiến tranh Việt Nam

Wikipedia: Ngày 15 tháng 1 năm 1976, trung tá Trần Văn Trung (tức Phạm Xuân Ẩn), cán bộ tình báo thuộc Bộ Tham mưu Miền được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng Vũ trang”. Lúc này nhiều người mới chính thức biết ông là một tình báo viên thời chiến.

Tháng 8-1978, ông ra Hà Nội dự một khóa học tập

chính trị dành cho cán bộ cao cấp trong 10 tháng. Ông nói rằng đó là do ông đã “sống quá lâu trong lòng địch”.

Năm 1990, Đại tá Phạm Xuân Ẩn được thăng cấp Thiếu tướng.

Năm 1997, chính phủ Việt Nam từ chối không cho phép Phạm Xuân Ẩn viếng thăm Hoa Kỳ để dự một hội nghị ở thành phố New York mà ông được mời với tư cách khách đặc biệt.

Năm 2002, ông về hưu. Nhưng cho tới sáu tháng trước khi qua đời, Phạm Xuân Ẩn vẫn đóng vai trò như một cộng tác viên của tình báo Việt Nam. Ông tham gia vào việc bình luận và đánh giá các tài liệu của Tổng cục Tình báo (Tổng cục 2, trực thuộc Bộ Quốc phòng).

Lúc 11h20 ngày 20 tháng 9 năm 2006, Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn đã qua đời tại Quân y viện 175, thành phố Hồ Chí Minh, sau một thời gian lâm trọng bệnh, hưởng thọ 80 tuổi. Tang lễ được tổ chức vào ngày 23 tháng 9 năm 2006 tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng phía Nam. Có hơn 300 đoàn khách trong nước và quốc tế đã đến viếng ông.

7. Tôn vinh, khen thưởng

Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn đã được tặng thưởng các huân chương, huy chương, danh hiệu:

- Huân chương Độc Lập hạng nhì;
- Huân chương Quân công hạng ba;
- Huân chương Chiến thắng hạng ba;
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất;

- Huân chương Chiến công (1 hạng nhất; 2 hạng nhì; 1 hạng ba)
- Huân chương Chiến sĩ Vô vang hạng nhất, nhì, ba;
- Huy chương Quân kỳ Quyết thắng;
- Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.
- 6 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua.
- Ngày 15 tháng 1 năm 1976, được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

II. “NGHỀ NGHIỆP” VÀ NHÂN CÁCH



*Tướng Phạm Xuân Ẩn chụp cùng đại
tướng Văn Tiến Dũng*

Trong lịch sử tình báo Việt Nam và thế giới không hiếm những điệp viên tài ba, có những chiến công lẫy lừng, những hy sinh lớn lao, khiến người đời khâm phục, thương cảm, nhưng phần lớn cuộc đời của họ thường gắn với chữ

“bi”: bi thảm, bi kịch, thậm chí bi hài, cuộc sống và nội tâm bị giằng xé chỉ ít một bên là nghĩa vụ một bên là tình cảm, giữa những đòi hỏi khốc liệt, cân não của nhiệm vụ và khát khao cuộc sống bình yên đời thường. Nhưng với Phạm Xuân Ẩn thì có khác: ông là một con người và một nhà tình báo có thể nói là hoàn hảo. Ông vừa là nhà báo danh tiếng vừa là điệp viên tài ba. Hai “tư cách” đó gắn như suốt đời “chung

sống” hoà hợp với nhau, hỗ trợ cho nhau, đến mức thực chất hình như ông chỉ làm một việc duy nhất: thu thập thông tin và phân tích chúng. Sự khác biệt hoặ chẳng chỉ là ở chỗ, như ông đã có lần nói, cái nào thì cần nói, cần gửi cho ai; cái nào bí mật cái nào công khai; nhưng tất cả đều trung thực, chuẩn xác, tạo nên uy tín và sự tin tưởng, quý phục cao độ từ phía Cách mạng cũng như dư luận nghề nghiệp và cả từ phía các “đối thủ” một mất một còn. Cho đến những ngày cuối đời ông vẫn làm cái công việc đó, mang lại lợi ích cho xã hội, cho mọi người, và nhẹ nhàng ra đi trong sự trân trọng, cảm phục của người đời.

1. Nhà tình báo chiến lược hoàn hảo

Cái hoàn hảo của nhà tình báo chiến lược Phạm Xuân Ẩn thể hiện trước hết ở tầm vóc chiến công ông đã đạt được. Một nhà báo nhiều năm “theo sát” sự nghiệp tình báo của Phạm Xuân Ẩn nhận định: “Khối lượng những tin tức tình báo đồ sộ bằng nguyên bản kèm theo những phân tích đánh giá sắc sảo mà Phạm Xuân Ẩn đã cung cấp cho Tổng hành dinh kháng chiến trong suốt hơn 20 năm, theo chúng tôi, không có bất cứ điệp viên nào ở bất cứ thời đại nào trên thế giới có thể làm nổi. Ông làm những việc phi thường đó một cách hoàn hảo, ung dung tự tại và rất mực khiêm tốn... (Hoàng Hải Vân, báo *Thanh Niên*).

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu, vừa dấn thân vào sự nghiệp tình báo, Phạm Xuân Ẩn có ngay những đóng góp quan trọng cho Bộ chỉ huy Quân sự Miền ở Chiến khu D, “Chép được hầu hết các tài liệu về chuyên chở tiếp

tế, vũ khí trang bị của quân đội Pháp gửi về trên", đồng thời ông cũng đã học được nhiều kinh nghiệm bước đầu của công tác tình báo. Vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, ông được lệnh của cấp trên chuyển sang nhiệm vụ thâm nhập vào các hoạt động quân sự trong bước ngoặt quan trọng "chuyển giao" sự kiểm soát miền Nam Việt Nam giữa Pháp và Mỹ, vào làm tại phòng 5 của Bộ Tổng tham mưu "Quân đội Quốc gia Việt Nam". Ông Ẫn là người thạo tiếng Anh nên được giao nhiệm vụ giao dịch với các sĩ quan Mỹ và nhờ đó học được "cách làm việc với Mỹ" và làm quen với nhiều nhân vật quan trọng trong giới tình báo Mỹ, đặc biệt là với Đại tá Edward Lansdale, một nhân vật khét tiếng từng đóng vai trò chính trong việc dựng lên và củng cố chính quyền Ngô Đình Diệm. Chính những mối quan hệ đó về sau đã được Phạm Xuân Ẫn khéo léo sử dụng và đặc lực giúp ông trong hoạt động của mình.

Còn bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ thì Phạm Xuân Ẫn đã là một điệp viên quan trọng. Sau khi học ở Mỹ về, dù chưa được cấp trên nổi lại liên lạc và giao nhiệm vụ, nhưng Phạm Xuân Ẫn đã chủ động tìm cách xin vào làm việc ở những cơ quan rất thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Dưới vỏ bọc là một nhà báo, sau khi đã nổi lại được liên lạc với tổ chức, ngay từ những điệp vụ đầu tiên, ông đã lập công lớn, khai thác và gửi về cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta nguyên bản toàn bộ các kế hoạch về chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Khi nhận được những tài liệu này tại Hà Nội, nguyên Tổng Bí thư Lê Duẩn lúc đó đã coi đây là "chiến công có tầm cỡ quốc tế". Rồi trong suốt

cuộc chiến tranh, bộ chỉ huy quân sự của ta nắm được những mưu đồ của kẻ địch phần nhiều qua những tin tức kịp thời quý giá và những phân tích chuẩn xác từ nhà báo điện viên này. Phạm Xuân Ẩn đã báo trước những thay đổi chiến lược, các kế hoạch quân sự hằng năm, các cuộc hành quân càn quét lớn, các chương trình bình định nông thôn, kế hoạch xây dựng biệt kích dù, các kế hoạch về tình báo, kế hoạch xây dựng quân đội Sài Gòn khi Mỹ thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, v.v... Những thông tin này nhanh nhạy đến mức, chẳng hạn, thông qua báo cáo của Phạm Xuân Ẩn mà lãnh đạo Hà Nội đã biết về nội dung kế hoạch “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ trước cả Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu! Ông còn báo trước thời điểm Mỹ rút quân khỏi Campuchia, kế hoạch tấn công Hạ Lào từ đường 9; báo trước âm mưu, ý đồ của Mỹ trong các cuộc bầu cử Tổng thống Sài Gòn, cảnh báo về âm mưu phá hoại Hiệp định Paris của Mỹ và Nguyễn Văn Thiệu... Về sau, Đại tướng Hoàng Văn Thái có nhớ lại: Vào thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh chống Mỹ, năm 1975, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương ta rất băn khoăn trước một câu hỏi quan trọng cần phải tìm gấp lời giải đáp: liệu khi ta mở cuộc tổng tấn công thì quân đội Mỹ có quay trở lại tham chiến trên chiến trường Việt Nam không, khả năng can thiệp của Mỹ sẽ như thế nào khi ta đánh lớn và nguy quân, nguy quyền đứng trước nguy cơ sụp đổ? Và trong nhiều nguồn tin tình báo từ các mạng lưới cơ sở gửi về, Phạm Xuân Ẩn là người đã giải mã chính xác, xuất sắc để trả lời câu hỏi hóc búa đó: Mỹ dứt khoát không đưa quân trở lại miền Nam. Nguồn

thông tin này đã giúp Trung ương đề ra quyết tâm chiến lược “Giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Sau này Phạm Xuân Ẩn đã được tặng thưởng huân chương cao quý vì câu trả lời ấy. Đồng thời, để chuẩn bị cho kế hoạch tổng tiến công, ông đã mật báo về những tin tức hết sức quan trọng về các kế hoạch phòng thủ Sài Gòn, về việc Mỹ tìm cách thương thuyết để đi đến một giải pháp chính trị. Và ngay trong ngày vợ con ông phải “di tản” sang Mỹ, ông vẫn báo trước tin Nguyễn Văn Thiệu sẽ bị nội bộ ép phải từ chức. Những tin tức đó là vô cùng quan trọng, góp phần xác định quyết tâm và tập trung lực lượng để giải phóng hoàn toàn miền Nam. Về sau, một cán bộ chỉ huy tình báo lão thành từng là cấp trên của Phạm Xuân Ẩn kể: Sau giải phóng 30-4-1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng đã vào Sài Gòn gặp Phạm Xuân Ẩn; nghe xong những đánh giá sắc sảo của ông về tình hình nội bộ Mỹ - Thiệu từ sau trận Phước Long (1-1975), Đại tướng nói: Nếu như gặp được Phạm Xuân Ẩn sớm hơn thì những tin tức mà ông Ẩn cung cấp “sẽ giúp Bộ Chính trị hạ quyết tâm nhanh hơn để giải phóng Sài Gòn”.

Cái hoàn hảo còn thể hiện ở sự “hạ cánh an toàn” của ông. Trong suốt quãng thời gian dài gần 30 năm “hành nghề” tình báo, ông đã làm được những việc ít có nhà tình báo cổ kim Đông Tây nào làm nổi, mà ông vẫn giữ được hành tung của mình cho đến phút cuối cùng. Đọc sách báo, xem phim về cuộc đời và hoạt động của các điệp viên, ta thấy những hiểm nguy, khốc liệt luôn rình rập họ theo mỗi bước chân, từng lời nói. Thế mà với Phạm Xuân Ẩn, những tay CIA sừng sỏ từng tiếp xúc và làm việc với ông như

Frank Snepp (chuyên viên phân tích tình báo chiến lược của CIA, tác giả cuốn sách nổi tiếng *The Decent Interval* được dịch và tái bản nhiều lần ở Việt Nam dưới tên *Cuộc tháo chạy tán loạn*), Edward G. Lansdale, người được cựu Giám đốc CIA Colby ca ngợi là “một trong những nhà tình báo lớn nhất trong lịch sử” (là nguyên mẫu của nhân vật Alden Pyle trong tiểu thuyết *Người Mỹ trăm lạng* của Graham Greene, Đại tá Edwin Hillendale trong *Người Mỹ xấu xí* của Willam Lederer và Eugene Burdick), William Cobly (Giám đốc CIA ở Sài Gòn, tác giả của cuốn sách *Một chiến thắng bị bỏ lỡ* do Nxb Công an Nhân dân ấn hành tháng 8-2007), Zalin Grant (nhà báo Mỹ vừa là sĩ quan phản gián của quân đội Mỹ làm cho tạp chí *Time* và *New Republic* từng có mặt ở Việt Nam nhiều năm, nói sõi tiếng Việt, tác giả quyển sách *Chương trình phượng hoàng - CIA và thất bại chính trị của Hoa Kỳ tại Việt Nam*); tất cả đều sững sốt khi biết được ký giả Phạm Xuân Ẩn, người cung cấp nhiều thông tin đặc biệt tối mật về diễn tiến tình hình quân sự chính trị tại Sài Gòn cho độc giả toàn thế giới và các đồng nghiệp thân tín người Mỹ, lại là sĩ quan tình báo của Cộng sản.

Sở dĩ Phạm Xuân Ẩn có thể làm được như vậy một phần nhờ lợi thế nghề báo của ông. Ông là một nhà báo xuất sắc, có uy tín lớn, là người Việt Nam duy nhất vào biên chế của hãng tin danh tiếng nước ngoài với mức lương rất cao thời đó - 750 đô la một tháng, được đồng nghiệp trong và ngoài nước hết sức nể trọng. Làm báo và làm tình báo, hai nhiệm vụ ấy đã hỗ trợ cho nhau tạo thành sức mạnh hết sức lợi hại và to lớn đối với Phạm Xuân Ẩn. Với nghề báo, ông đi lại và

tiếp xúc nhiều, có điều kiện nắm được những thông tin cơ mật ngay trong cơ quan đầu não của đối phương, có cơ hội trực tiếp tiếp cận các căn cứ và chiến thuật quân sự của Mỹ và chính quyền Sài Gòn mà không để chúng nghi ngờ, đề phòng. Nhờ uy tín và quan hệ, ông có cả giấy của Cơ quan An ninh Phủ Tổng thống, có súng, tự mình lái xe hoặc đi bằng xe của Phủ Tổng thống đến những nơi cơ mật.

Nhưng nói đúng ra, ông tạo được nhiều quyền đặc biệt, những điều kiện thuận lợi như vậy không chỉ là do nghề nghiệp làm báo, mà chủ yếu là do nhân cách và quan hệ hết sức rộng rãi của ông. Phạm Xuân Ẩn trong các hoạt động của mình đã chứng tỏ một tài năng thực sự lớn, một cá tính mạnh được phát huy tối đa cho công việc và tính chuyên nghiệp cao độ của một nhà tình báo chiến lược tại một trong những thời điểm phức tạp nhất. Ngay từ những ngày đầu vào cuộc, Phạm Xuân Ẩn đã chú ý thiết lập và càng ngày càng thắt chặt những mối quan hệ sâu rộng hơn với giới chức có thế lực của chính quyền, quân đội Sài Gòn, của Mỹ và Sài Gòn trong việc thiết lập quan hệ với người Mỹ và giới cầm quyền mới để họ củng cố địa vị. Ông cuốn hút, tạo cho mình ảnh hưởng không khác gì một chính khách (nhưng không tham chính), hay đúng hơn - như một "quân sư", tới mức các giới đều tìm đến tham khảo ý kiến. "Giới quân sự cũng chạy tới. Bên kinh tế cũng qua hỏi. Nhưng không phải để đưa ra lời nhận định. Khi đã được coi như chính khách rồi thì phải hết sức khách quan khi phân tích tình hình, đóng góp được những ý kiến có giá trị". Có người đến để hỏi có nên nhận chức bộ trưởng hay không, thậm chí có người sắp tiếp giới báo chí cũng tới hỏi ông xem

“Có nên tiếp thằng này không. Nó sẽ hỏi gì. Trả lời thế có được không?”.

Nhưng mặt khác, Phạm Xuân Ẩn không chỉ đi lại với giới “chóp bu” nắm quyền lực, mà ông còn “lặn sâu” vào mọi giới trong xã hội, thân quen cả với đám xì ke ma túy, chơi với ông trùm của đám này, tới xem họ chích trên đường Lê Lai, tận mắt quan sát họ trong tình trạng ngà ngà hoặc thiếu thuốc, vật vã. Ông còn thường xuyên giúp những cô gái điếm, vũ nữ, xin tha cho họ khi bị nhân viên “Bảo vệ thuần phong mỹ tục” bắt, và được các cô kể nhiều chuyện về cuộc sống đưa đón khách để làm tài liệu viết bài. Từ việc to đến việc nhỏ, nhiều khi ông xoay chuyển được tình thế, đạt kết quả bất ngờ, và phần nhiều là dựa vào cách ứng xử mang tính nhân văn, hào hiệp của ông. Có lần, khi chính quyền Sài Gòn vì thù luật sư Nguyễn Hữu Thọ theo kháng chiến, định bắt và xử tội con gái ông yêu một người Mỹ với lý do “vi phạm thuần phong mỹ tục”, chứa người Mỹ trong nhà khi chưa kết hôn và không khai báo với cảnh sát, Phạm Xuân Ẩn can: “Đừng làm vậy. Hạ sách... Người ta hy sinh cả gia đình đi vô chiến khu, đâu có mang con theo đâu mà quy trách nhiệm ổng. ổng là trí thức lớn có uy tín, bôi nhọ kiểu đó không được đâu, lại lôi ra nhà nước quốc gia hành động bản tiện. Mà làm như vậy thì cũng là bôi nhọ luôn cả thằng Mỹ nữa”. Vụ việc cuối cùng đã được dẹp êm. Ông thường nói: “Cuộc sống ở đời có hai thứ: thứ nhất là quan tâm đến người khác. Thứ hai là phải tranh thủ chơi với người bạn tốt, dù cho người xấu có nhiều, càng ngày càng xấu. Phải làm bạn thật tình cho hết cuộc đời. Đời thành công cũng nhờ hai cái đó”.

Nói về mình, Phạm Xuân Ẩn kể với chút tự hào hóm hỉnh: “Tôi có nhiều tên lấm. Họ gọi tôi là “chuyên viên đảo chính” vì luôn viết về quân sự, về biến cố chính trị và các cuộc đảo chính. Là “tiến sĩ Cách mạng” cũng vì chuyên viết về các đổi thay thời cuộc”. Ông còn có biệt danh “Giảng viên sinh lý” cho các cô “tứ thời” thường đến ngồi bàn với ông tại nhà hàng Continental chờ khách; hay tên “Bác sĩ chó” vì ông biết chữa bệnh cho chó của các bà bạn đầm.

Một điều kỳ lạ là ông đã làm những chuyện đó một cách gần như tự nhiên, “quang minh chính đại”. Ông hoạt động tình báo là vì lý tưởng, vì Tổ quốc mình, và trở thành nhà báo ông cũng hoạt động hết sức chuyên nghiệp. Tay nghề giỏi, lại trung thực, sẵn lòng giúp đỡ đồng nghiệp, Phạm Xuân Ẩn rất có uy tín trong báo giới Phương Tây, được cảm phục, kính trọng và yêu mến. Ngay cả khi biết ông không chỉ làm nhà báo bình thường, mà còn là một nhà tình báo của Cộng sản Việt Nam, giới báo chí, nhà văn, nhà nghiên cứu Phương Tây vẫn luôn đánh giá cao lòng yêu nước, tính nhân văn, con người đáng kính trọng Phạm Xuân Ẩn. Thomas A. Bass, báo *The New Yorker*, viết: “Ẩn là một người “Việt Nam thâm lặng”, một nhân vật tiêu biểu, vừa là một người với lý tưởng cách mạng thuần thành, vừa là một người ngưỡng mộ nhiệt tình đối với nước Mỹ. Ông nói rằng ông không bao giờ dối ai, rằng ông cung cấp cho báo *Time* chính những bài phân tích chính trị mà ông đã gửi cho Hồ Chí Minh. Ông là con người bị xẻ đôi với lòng trung chính cao độ, một người sống trong sự giả dối nhưng lại luôn nói sự thật”.

2. Những “bài học” nghề nghiệp

Tuy nhiên, nghề tình báo đâu phải là cuộc sống nhàn nhã, vô tư. Để đạt được một vẻ ngoài “hoàn hảo”, một sự an toàn cần thiết cho bản thân mình, cho đồng đội và sự nghiệp, nhà tình báo phải vượt qua không biết bao nhiêu thử thách, trả giá. Sau đây là một vài “bài học nghề nghiệp” mà Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn vui vẻ kể lại với các phóng viên báo chí.

2.1. Phạm Xuân Ẩn kể:

Hồi 20 tuổi mới bắt đầu hoạt động tình báo, làm nhiệm vụ quan sát việc di chuyển hậu cần của quân Pháp ở Sở Quan thuế, một lần ông đạp xe đi đến chỗ hẹn với bà liên lạc để chuyển tài liệu cho ông Phạm Ngọc Thạch. Trên đường, khi xuống dốc ở một cây cầu, Phạm Xuân Ẩn va phải một cậu thanh niên, bị anh ta gây sự, thế là hai người xông vào đánh nhau. Phạm Xuân Ẩn đến trễ giờ, trên người còn dính máu vì bị xây xát đâu đó khiến bà liên lạc lo lắng, hốt hoảng. Lần đó nhà tình báo trẻ đã bị bà liên lạc phê bình nghiêm khắc: “Tội cậu nặng lắm đó. Nhiệm vụ phải đặt lên hàng đầu. Nó có chửi bố mình cũng phải làm thỉnh mà đi. Chà, cậu làm nghề này không được rồi. Từ nay cấm tiết chuyện gây lộn. Xe có hư cũng vất liệng qua, đi làm nhiệm vụ cho kịp hẹn”. Bà giảng giải: “Phải trái gì cũng phải bỏ qua. Mình đang làm nhiệm vụ quan trọng. Đánh lộn, tài liệu để trong bụng nó văng ra thì sao? Đánh lộn, cảnh sát nó bắt về bắt có chết không?”. Nhà tình báo thành danh sau này mãi ghi nhớ lời phê bình và ân hận về chuyện đó: “Qua kinh nghiệm mới nhớ lâu. Tôi biết ơn bà liên lạc, sau giải

phóng có hỏi thăm xem bà ở đâu nhưng không ai biết. Hình như bà mất rồi. Không sao biết được, vì sau Hiệp định Genève là tôi cắt hết liên lạc mối đó để làm nhiệm vụ với đường dây khác”.

2.2. Phạm Xuân Ân kể:



*Phạm Xuân Ân
trong thời gian học ở Mỹ*

- ... Chính người Mỹ dạy tôi nhiều bài học bổ ích. Tôi còn nhớ, trước khi đi, bên nhà dặn tôi phải ráng học cho xuất sắc. Tôi vâng lời. Một hôm, bà giáo dạy môn Anh văn hỏi: Tôi thấy môn này anh đã giỏi rồi, đâu cần học nữa. Tôi nghi anh qua đây không phải để học mà làm chuyện khác. Giật mình, tôi ráng trả lời một cách bình thản: Nước tôi nghèo, nên tôi phải ráng học, học bất cứ cái gì có thể để về phụng sự quê hương tôi. Bà đáp:

Ừ, bây giờ thì tôi tin anh. Tôi nghi ngờ anh là vì hồi Đệ nhị thế chiến, tôi huấn luyện sĩ quan tình báo, nên có bệnh nghề nghiệp (!). Anh bạn học chung lớp cũng thắc mắc tại sao tôi phải cố học cho giỏi. Hắn nói: Mày học xong sẽ về hay ở lại? Nếu ở lại, tao khuyên mày nên đi chơi nhiều hơn. Người Mỹ không thích học quá giỏi, vì học giỏi khó kiếm được việc làm hơn người học trung bình. Người thuê lao động nếu muốn người có học lực khá, họ yêu cầu phải làm việc gấp rưỡi hoặc gấp hai người thường. Và họ cũng không thích muốn những người học giỏi làm chung với người học bình thường”.

... Một bài học khác: Khi học môn nói chuyện trước công chúng, tôi không hiểu sao bài của mình luôn bị điểm C dù đã gắng hết sức. Tức quá, tôi hỏi chị bạn ngồi kế bên. Chị nói: Vị giáo sư là người không ưa Cộng sản. Mà tôi thì thấy anh ưa dùng từ kiểu Cộng sản. Anh không được điểm cao là phải. Hóa ra là khi tôi ở Việt Nam, tôi hay đọc sách báo cách mạng viết bằng tiếng Anh. Tôi quen vốn từ vựng cách mạng và sử dụng nó trong bài kiểm tra mà không biết. Về sau, mỗi lần làm bài, tôi lại nhờ chị sửa giúp từ vựng. Và bài đạt được điểm B...

Từ những chi tiết này, nhà tình báo lúc đó còn non trẻ đã rút ra một kinh nghiệm sâu sắc, và khi về nước trở thành ký giả, Phạm Xuân Ẩn đã cố biến mình thành một “tay chơi” có hạng cùng với các sĩ quan cao cấp, các nhân viên tình báo, an ninh quân đội. Ông la cà khắp các vũ trường, các nhà hàng sang trọng và thậm chí trong túi lúc nào cũng có vài tấm ảnh của các “em cave” ăn khách nhất lúc bấy giờ. Vậy mà trong một lần cùng ngồi bên chai rượu Martell ở vũ trường Tự Do, một người bạn là đại tá Dương Văn Tâm phụ trách Phủ Đặc ủy tình báo quốc gia ở số 3 bến Bạch Đằng - Sài Gòn đã cao hứng hỏi:

- Nè Ẩn! Vì sao anh rất nổi tiếng lại sống không rượu, không gái, mà cũng không mê chúc quyền gì cả? Tôi biết là chính phủ mời anh làm Đồng lý văn phòng, rồi mời làm Thứ trưởng Bộ Thông tin - chiêu hồi anh đều từ chối hết?... Anh là ai vậy anh Ẩn?

Câu hỏi “Anh là ai?” của nhà tình báo lão luyện Dương Văn Tâm mãi đến ngày 15 tháng 1 năm 1976 mới được mọi người biết đến bằng việc công bố Quyết định 01/LCT của

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân” cho đồng chí Nguyễn Văn Trung, trung tá, cán bộ tình báo thuộc Bộ Tham mưu Miền.

2.3. Phạm Xuân Ẩn kể:

- Có một lần đại sứ Mỹ Federic Nolting đến khánh thành một đường băng mới trong phi trường Tân Sơn Nhất. Trước đó, tôi đã được một cô bạn người Mỹ làm thư ký ở Tòa Đại sứ Mỹ cung cấp cho bài phát biểu đã được ngài Đại sứ sửa tay hẵn hoi. Yên chí, tôi cho đưa tin trước để qua mặt các đồng nghiệp. Không ngờ hôm đó, Nolting không đọc nguyên văn bài phát biểu đã sửa và sáng hôm sau lại nghe tin của tôi đưa qua đài VOA khác đi, ông ta nổi giận lệnh cho bộ phận an ninh ở Tòa Đại sứ Mỹ phải tìm cho ra “lỗ dò rỉ tin nội bộ” này. Bộ tay chân của an ninh Mỹ tìm tới điều tra tôi rất dữ, nhưng tôi vẫn khôn khéo bảo vệ được nguồn tin của mình!

2.4. Phạm Xuân Ẩn kể:

- Đôi khi có tài liệu nhiều, chụp ảnh cũng cả tiếng, phải làm ban đêm thật bí mật. Ngoài con chó canh chừng, còn có người nhà thức nữa. Hôm đó tôi viết bằng nước cơm trắng nhách, viết trên giấy xi măng. Thường để đèn rọi xéo, thuộc tài liệu rồi viết liền. Tôi để đèn nhỏ vừa đủ chiếu theo dòng. Hôm đó đang viết, đứa con gái 6 tuổi tôi tưởng nó đã ngủ rồi bỗng chạy ra đứng sau lưng. “Bố chưa ngủ?”. “À, bố viết báo”. Không ngờ sáng hôm sau nó khoe với anh trai: Bố viết mực gì mà không thấy chữ, đọc không ra”.

Kể lại chuyện này, Phạm Xuân Ẩn như vẫn còn nhìn thấy cảnh ấy, đến tận hôm nay: “Lỡ nó đi chơi với bạn kể ra thì chết”. Ông liền gọi con gái đến: “Không có chuyện đó đâu. Đèn chổi mắt con không thấy. Tối bố làm lại con xem thì biết liền”. Đến tối, ông lại lấy giấy ra viết và vắn đèn thật lớn cho chổi mắt đứa con gái, rồi bảo: “Thấy chưa, hôm qua con mơ ngủ không nhìn thấy. Coi chữ nè. Có chứ sao không?”.

2.5. Phạm Xuân Ẩn kể:

- Hồi đó, dư luận ở Sài Gòn đang rộ lên tin đồn là Henry Cabot Lodge sắp qua thay đại sứ Federic Nolting, tôi liền đến một nhà hàng sang trọng “La Cigale” mà các quan chức Mỹ và các nhà ngoại giao cũng như ký giả nước ngoài hay đến để moi tin thẩm tra lời đồn đoán này. Ngồi được một lát thì tôi thấy ông bí thư trẻ của đại sứ Nolting thường ngày ăn mặc rất chỉnh tề, nhưng hôm ấy mặc áo chim cò dẫn một cô gái người Việt đi ăn. Tôi vừa lên tiếng hỏi: Bữa nay ông bí thư ăn mặc đơn giản thế? Thì ông trả lời: “Chỉ còn một tuần lễ nữa tôi sẽ trở về nước, hôm nay đi xả hơi một chút”. Với kinh nghiệm nghề nghiệp tôi nhanh chóng đoán ra ngay, về văn phòng đưa tin: “Đại sứ Federic có thể được thay thế trong vòng một tuần lễ sắp tới”. Tin này làm Nolting bức tức, còn Ngô Đình Nhu thì dùng dùng nổi giận lệnh cho Đặng Đức Khôi làm ở Phủ Tổng thống cho bác sĩ Trần Kim Tuyến gọi tôi đến để điều tra nhằm tìm cho ra ai đã cung cấp nguồn tin gây mất ổn định chính trị này. Biết trước là sẽ có chuyện rầy rà với Nhu, tôi liền đến gặp bác sĩ Trần Kim Tuyến - Giám đốc Sở Nghiên cứu chính trị (thực chất là cơ quan mật vụ của Ngô Đình Nhu) nhờ bảo vệ để...

“bảo vệ nguồn tin”. Sau đó, Trần Kim Tuyền lẫn Đặng Đức Khôi đều rất quý mến tôi!

2.6. Phạm Xuân Ẩn kể:

- Còn chuyện này nữa cũng rất gay. Sau khi bài viết “Thủ tướng Phan Huy Quát có thể bị thay thế” của tôi được loan tải trên báo chí thế giới, thì đích thân tổng giám đốc cảnh sát quốc gia gọi tôi lên gặp. Ông ta hăm dọa rồi mua chuộc đủ điều nhưng tôi vẫn kiên quyết giữ kín được nguồn tin. Mãi đến khi Phan Huy Quát bị cho thôi chức tôi mới hết bị làm khó dễ, nhưng “Tổng nha” lại cho người “để mắt” tới tôi rất dữ!

...

Để hoạt động tình báo giữa hang hùm miệng rắn suốt 23 năm mà vẫn không lộ, điệp viên Phạm Xuân Ẩn đã tuân thủ triệt để những phương pháp bảo mật hết sức chặt chẽ: không quan hệ, tiếp xúc và hợp tác với những đồng nghiệp có tư tưởng tiến bộ, thân cộng hoặc những người mà biết chắc là “người đảng mình”; thậm chí với những người cứ tìm cách làm quen, ông còn nhờ cơ quan an ninh quân đội Sài Gòn tra dùm lý lịch. Ông giấu kỹ thân phận mình đến mức, sau ngày Sài Gòn đã được giải phóng, chính quyền địa phương đã khẩn cấp báo với ủy ban quân quản là phải bắt ngay “tay CIA gộc còn nằm lại để thực hiện kế hoạch hậu chiến”.

3. Một “kẻ ham chơi” hoàn hảo

Ngay từ khi còn là một cậu bé, Phạm Xuân Ẩn đã là một chú bé mê chơi.

Ông kể, hồi còn ở quê, ông chơi bắt tử, bỏ cả học để đi chơi, mặc phải chịu roi đòn của bố. "... Chơi chim chơi cá. Đi bắt cá, xách ná bắn chim. Chỉ thích chơi, giã gạo. Ham bắt cá lắm... Ngày xưa tôi nuôi gà nòi chơi. Đầu hôm thì bắt thằn lằn, đem cho uống nước, cho ra sương... Đá kiến nữa: lấy con đen, ngắt râu, không thấy đường, nó chạy đá loạn xạ... Rình bắt cọp con, bắt rắn rít, nhỏ đầu có sợ chết..." Lớn hơn một chút, khoảng 9-10 tuổi, ông lên sống ở Sài Gòn và say mê ngay cái thành phố có quá nhiều chỗ để chơi này: vào sở thú học làm Tazan treo cây đa đánh đu trên rễ đa để rớt ào xuống sông; xuống xưởng Ba Son làm quen với một ông thợ xin ông đúc cho đồng xu nặng để đánh đáo; đi xem hát bội; nhỏ nhang ở lễ cúng lăng Ông; nhảy xe điện ra Đakao gần Cầu Bông xem ciné... Cuối đời ông nhớ lại: "Mùa chín vàng bỏ túi thơm như các chị thường làm. Hễ thấy có gió thổi nhiều là chạy ra liền ngồi chờ... Rồi bắt cá dưới ruộng. Nghĩa địa thấp, mưa ngập nước, hòm mục, sợ người trời lên, cá đẻ vào đó. Hễ thấy bọt, nắm lấy xương sọ đồ rút ra rõ là có cá!...".

Phạm Xuân Ẩn đặc biệt yêu thích cây cối, thú vật. Ông thường nói, trong nhà nên nuôi ba con vật: một là chó, vì nó là con vật trung thành, "con có thể chê cha mẹ khó chứ chó không bao giờ chê chủ nghèo"; hai là chim, con vật luôn bay nhảy, tiêu biểu cho sự làm việc bận rộn, năng động suốt ngày; và ba là cá, nó dạy cho ta sự khôn ngoan, im lặng. Và chú bé Ẩn đã chơi các con vật từ lúc lên 5 tuổi, chứ không phải kiểu chơi chim, chơi thú cho đỡ buồn của những ông già nhàn rỗi tuổi về hưu. Thú chơi đó theo ông suốt đời và cũng

phục vụ cho công việc của ông - một sự kết hợp hoàn hảo. Theo lời ông Nguyễn Văn Lãng - “Người nuôi chó số 1 Sài Gòn”, nay là Chủ tịch Hội Cá cảnh, Phó Chủ tịch Hội Sinh vật cảnh thành phố Hồ Chí Minh, thì ông quen với ông Ẩn cũng bắt đầu từ những con chó. Hồi đó, năm 1960, trên đường Hàm Nghi có một tiệm cà phê - tiệm Chao Kuen, sáng nào “dân chơi chim chơi chó” cũng ngồi đó, ông Ẩn cũng thường ngồi đây từ 7h đến khoảng 8h30, đến 9h thì sang Givral hay Brodard ngồi với báo chí và chính khách. Ông chủ tiệm bánh mì Văn Lang giới thiệu ông Lãng đến tiệm cà phê này tìm ông Ẩn. Ông Lãng kể: “Tôi mua của ông Ẩn 1 con chó, 2 con chim”. Con chó đó là con boxer, rất hiếm. Còn 2 con chim, đến bây giờ ông Lãng vẫn còn nhớ như in: “Đầu tiên là con chích chòe lửa. Con chim đó rất kỳ lạ, nó có thể hát được cả một đoạn dài bài *Le pont de Kwai* (*Cầu sông Kwai*), là bài hát nổi tiếng lúc bấy giờ, ông Ẩn dạy cho nó hát đó. Tôi thích con chim này quá, nắn nỉ mãi, ông thương tình nên để lại. Một thời gian sau, tôi thấy ông lại có một con sơn ca hay quá. Giới chơi chim chuộng nhất là sơn ca, mà con sơn ca của ông Ẩn thì rất đặc biệt, nó hát một hơi đến 2-3 phút, vừa hát vừa múa, đặc biệt nhất là lông nó quăn chứ không phải mượt như những con khác, sơn ca chỉ duy nhất con này lông quăn thôi. Nói đến con chim Huế thì hồi đó dân chơi chim ai cũng biết, vì nó nguyên là của một ông thầy giáo người Huế, không biết sao ông Ẩn mua được. Nuôi chim sơn ca công phu lắm, phải nuôi từ lúc còn non thì mới dạy được, chim già rất khó dạy. Tôi lại nắn nỉ, ông không cầm được lòng, lại bán cho tôi. Ông Ẩn lúc nào cũng có chim, không có con này ông lại tìm con khác. Có lần tôi thấy ông

mua một con chim xanh, đó là một loại chim rừng nuôi rất khó, nhưng ông nuôi được, tiếng hót của nó lạ vô cùng”.

Ông Lãng kể tiếp: “Chó cũng vậy, rồi con này thì ông có ngay con khác. Sau này ông có một con berger, tên là King. Con chó này lúc đó là nhất hạng. Ông Ẩn không cho ai biết xuất xứ, nhưng tôi chắc không phải của người Việt



Nam. Con berger này hơi già một chút nhưng ligne (hình dáng) của nó thật oai dũng, màu lông rất đẹp, chân trước cao hơn chân sau, đuôi thẳng, thông xuống, đuôi berger mà cong lên thì hồng có giá trị gì. Con chó đó hồng chê vào đâu được. Nuôi chim hay nuôi chó, ông Ẩn đều rất kén, không như những người khác gặp con nào nuôi con đó”.

Cho đến tận bây giờ, khi kể với bạn bè về thú chơi và tình bạn của mình với ông Ẩn, ông Lãng vẫn nói: “Cá, chó - chơi để chơi, chơi cũng có thể để làm giàu. Hơn hết, chơi để thấm cái triết lý mà ông bạn vong niên của tôi - Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn - rút ra được: Một nhà tình báo với Tổ quốc mình cần có sự trung thành của chó và sự im lặng của cá. Vậy thôi”.

Thời ấy người ta đã quen thấy một nhà báo chuyên viết chiến sự tự lái chiếc xe hiệu Renault và luôn chở con chó đi khắp nơi. Chó của ông nổi tiếng vào hàng số một Sài Gòn, giống berger rất quý, mua từ Đức với giá 30 cây vàng.

Khi ông vào các nhà hàng, quán cà phê, con chó được lệnh ngồi chờ ở ngoài xe. Nó có thể tuân lệnh ngồi yên như thế chờ đến một, hai tiếng tới khi ông chủ ra. Nếu được vào nhà hàng, nó chui nằm yên dưới bàn. Nhà báo Morley trong bài viết sau này đã tả lại kỷ niệm cũ khi tiếp xúc với Phạm Xuân Ẩn ngày xưa ở nhà hàng, cái mõm đen của con chó thò ra khỏi gầm bàn im lặng khi chủ của nó đang nói cười. Đêm đêm ông viết báo cáo bí mật thì con chó nằm canh dưới chân. Nó rất thính, có động tĩnh gì từ xa là nó đã biết, cảnh sát đi ngoài đường cách gần cây số nó đã nghe, lấy chân khều khều báo cho chủ. Sau này ông bán con chó đó để mua con khác từ Mỹ đem qua, nó cũng tinh tường một cách đặc biệt. Con chó và Phạm Xuân Ẩn đã gây ấn tượng sâu đậm với những người quen biết ông hồi đó. Nhiều năm sau này khi trở lại thăm ông trong thành phố hoà bình, trong miêu tả của họ, bao giờ bên ông Ẩn cũng có hình ảnh con chó thân thiết của ông. Một ký giả kết thúc bài báo của mình viết: “Ẩn giơ cánh tay xương dài vẫy vẫy từ biệt cùng với tiếng chó sủa theo chúng tôi ra ngoài con lộ”.

Những ngày cuối đời sống trong khu vườn nhỏ ở Sài Gòn, Phạm Xuân Ẩn còn có con khướu đã sống 15 năm với ông. “Sáo, họa mi, năm con sóc còn hai. Nó ở đâu đó đến! Tôi treo thức ăn lên vỏ trái dừa, ngày ngày nó đến ăn rồi lại đi. Đất lành chim đậu là vậy. Sẻ rất nhiều. Súng hơi người ta bắn riết nay không còn. Hai con chích chòe lửa, tôi bắt được ở đây”. Con chim huýt cô sấu ông nuôi được 8 năm, đi chơi Vũng Tàu ông cũng mang nó theo. Ông bận rộn suốt ngày với việc chăm sóc lũ chim thú của mình, nhưng chúng đã

mang lại cho ông nhiều niềm vui thú. “Con này 10 năm rồi đó” - ông chỉ về phía con chim quý và dấu môi ra huyết sáo chẳng ngần ngại, như ông và chú chim kia vẫn thường nói chuyện cùng nhau.

Nhưng yêu thú vật, làm bạn với chim, chó chỉ là một nét trong tính cách, thú vui của Phạm Xuân Ẩn, một con người luôn gần gũi, yêu quý thiên nhiên. Như trên đã nói, ông là một người rất quảng giao, đi nhiều - không chỉ vì công việc, mà con như một thú chơi. Ông tự lái xe đi Tây Nguyên, về chèo thuyền trên sông nước đồng bằng Cửu Long, hoà nhập vào cuộc sống của đủ các lớp người trong xã hội, am hiểu tường tận phong tục tập quán của từng miền, từng nhóm người. Và đặc biệt ông là một người rất hóm hỉnh, hài hước. Cái hài hước kiểu Nam Bộ, từng từng, thật thà, như nói chơi, nhưng cũng thật tai quái, nhiều khi đầy thâm ý, với những cái kết đột ngột gợi liên tưởng đầy chất dân gian. Ông kể cả những chuyện tiểu lâm oái ăm như chuyện “đi cầu” của đám cố vấn Mỹ về vùng sông nước Cửu Long cũng ngồi trên sông “tôm” như dân địa phương. Nghe họ khen cá chột (một loại cá nhỏ bằng ngón tay, ngón chân cái giống hệt cá trê con) nhiều quá, ngồi đi cầu cũng thấy chúng nhảy lên, ông Ẩn “thật thà” nhận xét: “Tao thấy cá cái ít, cá đực nhiều. Con đực mập, con cái ốm”. Mấy viên cố vấn Mỹ cãi: “Vô lý, con cái bao giờ cũng mập hơn con đực. Sinh vật học thường nói vậy” - “Không tin mai xem. Chỗ này ngồi đi cầu đó. Con đực mập, con cái ốm tong teo à. Con cái nó mãi nhìn mày quên ăn, nên ốm. Còn nếu mấy bà ngồi thì ngược lại”... Lại còn câu chuyện - gần như có thực - khi Ngô Đình Diệm thích có người Nam mà hiểu biết về Huế, về

miền Bắc, thẳng thắn và vui để nói chuyện thì Phủ Tổng thống muốn chọn Phạm Xuân Ẩn vì ông đủ cả các “tiêu chuẩn”. Nhưng rồi có người cản: “Thằng Ẩn nó ẩu lắm. Nó dám dắt ông Cụ đi dancing thì lộ hết mặt đám quan chức ăn chơi đi dancing tối ngày”. Cái sợ đó không phải không có lý đối với một tay chơi “bất tử” như Phạm Xuân Ẩn!

Một điều đặc biệt, làm kinh ngạc những người tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời hoạt động của Phạm Xuân Ẩn là ông kết hợp có vẻ rất nhẹ nhàng việc “chơi” và làm tình báo của ông, cả hai đều đều “hoàn hảo”, đạt đến “cảnh giới thượng thừa” như nhà báo Hoàng Hải Vân nhận xét. Ông kể: Ở Sài Gòn cũ một quán cà phê rất đặc biệt là Givral nằm trên góc đường Đồng Khởi và Lê Lợi, gần các khách sạn và Continental, đó là một trong những trung tâm của thời cuộc, nơi tụ họp của các chính khách, tướng lĩnh, các nhà báo trong và ngoài nước, đây cũng là nơi đủ các loại tình báo, từ CIA, tình báo Anh, Pháp, Đài Loan... và cả tình báo “Việt cộng” nữa, đến săn tin, hành nghề. Ở đây Phạm Xuân Ẩn được chủ quán dành riêng cho một bàn cố định, ông cũng trở thành một trong những “trung tâm” của quán cà phê này. Sáng sáng, ông dắt con chó berger của mình đến ngồi đó và... “chửi thề như bấp rang” (lời chủ bút báo *Tin Sáng Ngô Công Đức*); thỉnh thoảng có các cô cave, vũ nữ đến ngồi với ông, hề bị cảnh sát rượt đuổi là họ “bám” vào ông như một chỗ dựa. Và tất nhiên, Givral phải nằm trong “tầm ngắm” của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo. Họ cho người đến theo dõi, ghi âm những ai phát ngôn “có lợi cho Cộng sản”. Biết việc đó, Phạm Xuân Ẩn thường khéo léo bảo vệ cho những người mà ông đoán là “thân Cộng” bằng cách nói

thật to lên, lấn át hết cả tiếng của mọi người, và trong những cuốn băng ghi âm mang về đều không nghe thấy gì ngoài tiếng cười nói và chửi thề của Phạm Xuân Ẩn. Những người của Phủ Đặc ủy trách ông cản trở công việc của họ, ông cười, bảo: “Làm sao tôi biết mấy ông đến đó ghi âm”. Biết quá rõ tính cà rỡn của ông, họ đành “ngậm bồ hòn làm ngọt”, tuyệt đối không nghi ngờ gì hết.

4. Một nhân cách lớn

Nhưng bao trùm lên tất cả, cái làm nên một Phạm Xuân Ẩn trong lòng bè bạn, nhân dân, kể cả những đối thủ của ông, là một nhân cách lớn. Một con người sống có lý tưởng rõ ràng, yêu nước, nhân văn, và rất khiêm nhường, giản dị. Ông không bao giờ nói đến những chiến công của mình, ông nhắc đi nhắc lại với những nhà báo phỏng vấn ông, muốn viết về ông rằng “không nên tô vẽ”, rằng ông chỉ là một khâu, một mắt xích bé nhỏ trong hệ thống tình báo của chúng ta, rằng thông tin tình báo dù chính xác đến đâu cũng chỉ có giá trị 50%, 50% còn lại là tài năng phân tích, xử lý của cấp trên.



Ông chỉ có một mục đích là vì nước vì dân, cả cuộc đời ông hiến dâng cho mục đích đó, nhưng ông không lấy mục đích biện minh cho phương tiện, ông dành cả cuộc đời để góp phần làm thất bại những mưu đồ của kẻ địch cướp

đoạt đất nước mình, chống lại nhân dân mình chứ tuyệt đối không làm tổn hại đến cá nhân ai, dù người đó nằm trong hàng ngũ của đối phương. Ông hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp chống cuộc xâm lược của Đế quốc Mỹ nhưng ông không chống người Mỹ, nước Mỹ, làm bạn với nhiều người Mỹ, học hỏi những điều văn minh ở nước Mỹ. Đáp lại những câu hỏi của nhà báo Morley Safer, cũng là những bản khoản của nhiều người về ông, Phạm Xuân Ẩn nói một cách dứt khoát: “Cho dù tôi yêu nước Mỹ đến như thế nào, Mỹ không thể có quyền gì ở đây. Bằng cách này hay cách khác người Mỹ cũng bị đẩy ra khỏi Việt Nam. Chúng tôi phải tự chọn cách xây dựng xứ sở mình”. Một con người trong cuộc chiến đấu một mất một còn vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, làm trọn công việc mà đất nước cần, lại vừa giữ được lòng kính trọng của những người thuộc phía đối phương, thì đó phải là một nhân cách lớn. Hơn thế nữa, con người này trong những ngày tháng hoà bình nhưng không kém phần khó khăn, quyết liệt sau thắng lợi của đất nước cũng thẳng thắn và trung thực phát biểu quan điểm của mình trước những con người đã từng là đối thủ chiến bại của mình. Khi Morley hỏi về những suy thoái và khó khăn đang diễn ra ở Việt Nam sau chiến tranh: “Tại sao cuộc cách mạng gặp những thất bại?”. Phạm Xuân Ẩn đã nói thẳng thắn như xưa nay vẫn phân tích thực chất các hiện tượng một cách khách quan: “Có nhiều lý do. Có quá nhiều lỗi lầm chỉ vì sự dốt. Như mọi cuộc cách mạng, chúng tôi gọi đây là cuộc cách mạng nhân dân, nhưng dĩ nhiên chính nhân dân là thành phần đầu tiên chịu khốn khổ”. Ông cũng không ngại ngần nhận định: “Khi nào mà dân chúng còn ngủ đầu đường xó

chợ thì khi đó cuộc cách mạng còn thất bại. Không phải do giới lãnh đạo là những người tàn nhẫn, nhưng đó là hậu quả của chính sách cha chú của nhân dân cũng như các lý thuyết lỗi thời về kinh tế". Khi nghe ông nói như vậy, nhà báo Mỹ không khỏi bật ra câu hỏi: "Anh không ngại phải nói thẳng ra như vậy sao? Có nguy hiểm không?". Ông đáp ngay rằng mọi người đều biết ông nghĩ gì, vì ông không giấu giếm những suy nghĩ trung thực của mình. Không phải bây giờ, mà là từ ngày xưa, từ bản chất. Và ông cười lớn: "Tôi cũng quá già để mà câm miệng lại".

5. Những ngày tháng cuối cùng của Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn

Sau hàng chục năm hút thuốc lá, năm 2003, Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn đã phải nằm viện điều trị với chẩn đoán liệt tể bào phổi do thời trẻ hút quá nhiều thuốc lá. Ông bảo với bạn bè: "Từ nhỏ đến lớn tôi không chịu nằm viện bao giờ, đây là lần đầu phải chịu". Rồi ông nhập viện lần thứ hai, thứ ba... và lần cuối cùng là vào cuối tháng 7 năm 2006. Ông nhiều lần rơi vào trạng thái hôn mê, nhưng mỗi lần tỉnh dậy, ông vẫn hóm hỉnh đùa: "Tôi bảo: hôm đó 13, thứ 6. Mồ dám đi theo Chúa Jesu lắm... Nhưng Chúa bảo: Khoan. Đủ 13 tông đồ rồi. Còn dưới âm phủ thì bảo: Còn đông lắm, nhiều đứa lắm tội ác lắm, đang tra hỏi. Chưa nhận tiếp. Cậu xuống chúng tôi xử chưa kịp. Ồ tạm trên đó đã".

Ông còn kể: "Có lần tôi đau ốm, một số tờ báo của Mỹ cử người qua xem chết chưa để đăng tin. Họ báo về toà soạn: Khoan viết. Chưa chết. Vẫn còn nói dóc".

Những ngày tháng ông nằm ở viện, rất nhiều chuyên

gia hàng đầu về bệnh phổi đã được mời đến để hội chẩn và tìm phương pháp điều trị cho ông. Song do bệnh tình của ông quá nặng, 11 giờ 20 phút sáng ngày 20 tháng 9 năm 2006, ông đã trút hơi thở cuối cùng.



*Mộ Thiếu tướng Phạm Xuân Ẽ
ở thành phố Hồ Chí Minh*

III. NHẬN ĐỊNH VỀ PHẠM XUÂN Ẽ

Có lẽ trong lịch sử tình báo Việt Nam và thế giới, Phạm Xuân Ẽ là người duy nhất sau khi bị bại lộ vẫn được rất nhiều bạn bè phía đối địch tôn trọng và yêu quý.

Đây là những lời bạn bè Mỹ nhận xét về ông:

“Ở tòa báo *Time* anh được coi là người khôn khéo. Ẽ luôn luôn được giao nhiệm vụ thuyết trình cho nhóm phóng viên mới tới. Và cũng chính anh ta là người gỡ mối cho những vấn đề chính trị rối mù của chính giới Việt Nam lúc đó. Anh là người cởi mở, dấn thân và có óc hài hước, luôn được niềm nở tiếp đón trong các giới quân sự và ngoại giao Việt - Mỹ và cũng là một trong số rất ít ký giả Việt được cho phép tham dự các buổi thuyết trình hạn chế của phái bộ Mỹ” (Nhà báo Mỹ Morley Safer).

“Tướng Ẽ - một trong những nhân viên tình báo Cộng sản bí mật gan dạ nhất ở Sài Gòn trong suốt cuộc chiến tranh chống Hoa Kỳ” (Nhà báo Henry Kamm).

“Chính Ấn là một minh chứng, một ẩn dụ về chiến tranh Việt Nam” (Pike)...

“Đây là một câu chuyện đầy mưu mô, khói và gương, nhưng tôi vẫn quý mến Ấn. Tôi chưa bao giờ cảm thấy bị Ấn phản bội. Anh ta đã phải sống với việc là một người Việt Nam trong một thời điểm gian nan trong lịch sử của họ...” (David Haberstam, tác giả cuốn sách *Một thế sa lầy đang thành hình* (Making of a Quagmire)).

“Không ai hoạt động âm thầm sau lưng chúng ta mà đã gây nhiều tác hại như Phạm Xuân Ẩn.” (Frank Snepp, cựu chuyên viên thẩm vấn của CIA, tác giả cuốn sách *Khoảng cách thích đáng* (The Decent Interval)).

“Tôi có cảm giận Phạm Xuân Ẩn không sau khi tôi biết qua những hoạt động gián điệp của anh? Hẳn nhiên là không. Tôi nghĩ Việt Nam là quê hương của anh. Nếu tình thế đổi ngược lại, chắc tôi cũng sẽ làm như anh mà thôi. Phạm Xuân Ẩn là đồng nghiệp của tôi và là một phóng viên sáng giá. Phạm Xuân Ẩn có một sự hiểu biết tinh tường về hiện tình chính trị Việt Nam, và đáng chú ý là những tin tức tài liệu của anh chính xác một cách lạ thường.” (McCulloch, Giám đốc các văn phòng của *Time* ở Châu Á).

“Ấn là một người “Việt Nam thâm lặng”, một nhân vật tiêu biểu, vừa là một người với lý tưởng cách mạng thuần thành, vừa là một người ngưỡng mộ nhiệt tình đối với nước Mỹ. Ông nói rằng ông không bao giờ dối ai, rằng ông cung cấp cho báo *Time* chính những bài phân tích chính trị mà ông đã gửi cho Hồ Chí Minh. Ông là con người bị xé đôi với lòng trung chính cao độ, một người sống trong sự giả dối

nhưng lại luôn nói sự thật.” (Thomas A. Bass, phóng viên báo *The New Yorker*).

“Tin ông Phạm Xuân Ẩn làm tình báo đã khiến khá nhiều quan chức CIA cao cấp phải hổ thẹn vì họ từng dựa trên những ý kiến của ông Ẩn để ra quyết định hệ trọng”. (Jean-Claude).

...

Ngay sau khi nghe tin Thiếu tướng tình báo Phạm Xuân Ẩn qua đời, các hãng thông tấn lớn trên thế giới đều đưa tin đồng loạt, bày tỏ sự kính trọng đối với tài năng và nhân cách lớn của ông.

1. Hãng AP nhận xét:

“Trong lịch sử tình báo chiến tranh, ít ai thành công như Phạm Xuân Ẩn. Suốt mười lăm năm chiến tranh ở Đông Dương, ông bước đi giữa hai thế giới, vừa làm một nhân viên tình báo Cộng sản, vừa làm báo, đầu tiên cho Reuters và trong 10 năm sau đó là phóng viên chính của *Time* - một vai trò khiến ông tiếp cận được với các căn cứ quân sự và việc thông báo tin tức. Ông nổi tiếng về các nguồn tin của mình đến mức nhiều người Mỹ quen biết ông tưởng ông làm việc cho CIA”.

2. Tờ *Washington Post* viết:

“Ông thạo thu thập và phân tích tin tức đến mức ông được coi là phóng viên Việt Nam giỏi nhất trong giới báo chí. Phạm Xuân Ẩn khẳng định mình không nói dối, làm méo mó hay sai lệch tin tức trong các bài báo của mình”.

3. Hãng AFP thì viết:

“Nhiều phóng viên nước ngoài từng làm việc cùng ông Ẩn trong chiến tranh về sau nói rằng họ không trách giận gì ông. Đồng nghiệp tại tạp chí *Time* Robert Sam Anson mãi sau này mới biết Ẩn từng cứu ông năm 1970 bằng cách bí mật thu xếp để ông thoát khỏi tay Khmer Đỏ ở Campuchia. Khi Anson gặp Ẩn năm 1987, nhà báo Mỹ hỏi ông tại sao lại cứu mình. “Phải, - Ẩn đáp. - Tôi là kẻ thù của nước anh, nhưng anh là bạn tôi”.

4. Hãng BBC bình luận:

“Ông là một trong số những điệp viên cộng sản được Tây Phương biết đến nhiều nhất”. “Ông vừa là điệp viên vừa là nhà chiến lược. Ông có mạng lưới liên lạc sâu sát với người Mỹ và có khả năng phân tích tình huống xuất sắc. Họ chưa bao giờ bắt được ông. Ông là điệp viên hoàn hảo”.

5. Tạp chí *Time*:

“Chiến tranh Việt Nam sản sinh ra những câu chuyện, những nhân cách lạ kỳ. Nhưng không có gì giống với phóng viên Phạm Xuân Ẩn. Ông có một cuộc đời mà không ai trong chúng ta biết rõ. Nhưng bất kể ai trong số chúng ta từng làm việc với ông đều hiểu, Phạm Xuân Ẩn là một nhà báo hạng nhất, là người nắm bắt sâu sắc nhất những thông tin, những hiểu biết về chính trị, lịch sử chiến tranh Việt Nam”...

Còn đối với những người dân, những người đồng chí, đồng đội ở quê hương ông, thì Nguyễn Văn Trung - Phạm Xuân Ẩn đã là một anh hùng, niềm tự hào của tình báo

Việt Nam, người góp phần không nhỏ vào chiến thắng mùa xuân năm 1975.

Trả lời phỏng vấn báo *The New Yorker*, ông Mai Chí Thọ đã nói: “Phạm Xuân Ẩn là người đầu tiên chúng tôi gửi sang Mỹ để học biết cái văn hóa của những người thay thế Pháp làm kẻ thù của chúng tôi... Phạm Xuân Ẩn là một người



Tướng Phạm Xuân Ẩn (ngoài cùng bên trái) cùng các đồng nghiệp ở báo Time

hoàn hảo cho công tác này. Đó là một việc làm thành công lớn của chúng tôi... Phạm Xuân Ẩn có được những nguồn tin tốt nhất và được phép tiếp cận các thông tin mật. Sau chiến tranh, chúng tôi phong tướng cho Phạm Xuân Ẩn và danh hiệu Anh hùng Quân đội Nhân dân. Không cần phải nói thêm những chi tiết gì nữa, chỉ điều ấy thôi cũng đủ nói lên tầm quan trọng của những gì Phạm Xuân Ẩn đã làm cho quê hương của anh.”

Nhận xét của lãnh đạo Tổng cục II - Bộ Quốc phòng, để làm cơ sở đề nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam năm 1976 có ghi: “Đồng chí Nguyễn Văn Trung (tên thật là Phạm Xuân Ẩn), Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam, liên tục hoạt động trong vùng địch kiểm soát, luôn luôn nêu cao tấm gương về lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, lạc quan tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Trong những tình huống hết

sức khó khăn, phức tạp, đồng chí vẫn tích cực chủ động tiến công địch, bám chắc địa bàn, mưu trí sáng tạo... Đồng chí đã thu thập phân tích chiến lược và cung cấp kịp thời - kế hoạch quân sự và tài liệu quan trọng khác phục vụ đắc lực cho việc nắm địch về chiến lược và trong các chiến dịch lớn tạo điều kiện cho lực lượng của ta đánh bại mọi mưu đồ, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù”.

IV. NHÂN VẬT CỦA NHIỀU CUỐN SÁCH

Câu chuyện 20 năm sống trong lòng địch của Phạm Xuân Ẩn thực sự đã hấp dẫn các nhà văn, nhà báo, nhà làm phim trong và ngoài nước. Cho đến thời điểm này đã có rất nhiều cuốn sách, bộ phim viết về ông:

- Nguyễn Thị Ngọc Hải: *Phạm Xuân Ẩn - tên người như cuộc đời*, ký (đoạt giải A cuộc thi văn học “Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống” (1995-2005) do Bộ Công an và Hội Nhà văn Việt Nam phối hợp tổ chức, 2005), Nxb Công an ấn hành năm 2005.

- Jean-Claude Pomonti: *Un Vietnamien bien tranquille* (Một người Việt Nam trầm lặng), Equateurs, Pháp, 2006.

- Larry Berman: *Perfect Spy: The Incredible Double Life of Pham Xuan An* Time Magazine Reporter and Vietnamese Communist Agent, Harper Colins, 2007. Bản dịch tiếng Việt: *Điện viên hoàn hảo: Cuộc đời*



Trang bìa cuốn *Un Vietnamien bien tranquille*

hai mặt không thể tin được của Phạm Xuân Ắn - phóng viên tạp chí Time và điệp viên Cộng sản Việt Nam, Nxb Thông tấn, 2007.

- Nguyễn Thị Ngọc Hải: *Những điệp vụ của ký giả Phạm Xuân Ắn*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

- Thomas A. Bass: *The Spy Who Loved Us, The New Yorker*, May 23, 2005. Bản dịch tiếng Việt: *Người điệp viên cộng sản... yêu thích nước Mỹ: Đời sống hai mặt của thông tin viên tuần báo Time ở Saigon trong chiến tranh Việt Nam*. Trần Mạnh (dịch).

- Hoàng Hải Vân - Tấn Tú: *Pham Xuan An, a general of the secret service*, 2003, Editions Thế giới.

- Nhà văn Nguyễn Khải cũng lấy nguyên mẫu Phạm Xuân Ắn để làm nhân vật của mình trong hai cuốn tiểu thuyết.

- Huyền thoại về tướng tình báo Phạm Xuân Ắn, phim tài liệu dài tập do Hãng phim TFS của HTV thực hiện.

JOHN LE CARRE

NHÀ VĂN BẠC THẦY VỀ NGHỀ ĐIỆP VIÊN

Le Carre (sinh năm 1931) không phải là một điệp viên bậc thầy, mà chỉ là một tác giả bậc thầy về đề tài tình báo. Tuy nhiên, xung quanh các tác phẩm của ông có rất nhiều ý kiến đánh giá khác nhau. Người thì cho rằng đó là cuốn sách giáo khoa không chính thức dành cho các điệp viên, kẻ lại cho rằng đó chỉ là sự bịa đặt. Song dù gì đi nữa, Le Carre đã làm giàu nhờ chính tài năng viết sách trình thắm của mình. Sách của ông thậm chí đã được bán 70 nghìn cuốn chỉ trong có hai tuần lễ.



* Cuộc tiếp xúc định mệnh

Le Carre tên thật là David Cornuel sinh năm 1931 ở Pulo thuộc tỉnh Dorset. Năm David lên sáu, mẹ cậu đã bỏ gia đình, gây nên cú sốc sau này tác động đến thái độ đối với phụ nữ của Le Carre. Chàng trai hoàn toàn chịu ảnh hưởng của bố, một người đàn ông khả ái, vô lo và hay mơ mộng huyền hoặc. Tốt nghiệp phổ thông, David thi vào trường Đại

học Tổng hợp Berns học tiếng Đức. David ở trường 9 tháng mà không học gì cả. Cũng tại trường này David lần đầu tiên tiếp xúc với hoạt động tình báo mà ông miêu tả sau này trong một cuốn truyện của mình. Cuộc tiếp xúc là định mệnh đối với David.

Năm 1949, David từ Berns trở về và được gọi vào quân ngũ. Ông làm việc ở “quân đoàn tình báo” ở Áo và như chính lời ông thừa nhận “ở bộ phận tìm cách moi bí mật bằng tra hỏi những người vượt biên giới Tiệp”. Đó là thời kỳ chuyển từ chiến tranh “nóng” sang “lạnh”. David thuộc thế hệ những nhà văn Anh mà lập trường chính trị được hình thành vào thời kỳ này. David nhớ lại đã bị sốc trước những biến chuyển quá nhanh của các sự kiện. “Chuyện xảy ra quá nhanh cứ như là nòng súng bất ngờ quay ngược hết lại vậy”. Rồi ông đưa ra thí dụ: “Kể từ khi chiến tranh chuyển từ “nóng” sang “lạnh”, sau đó tình hình có vẻ dịu đi, chúng ta đã trải qua sự đảo lộn dữ dội về tư tưởng: Những ai trước đây vào năm 1945 còn đi ném bom Berlin thì đến năm 1948 lại bắc sang đó “chiếc cầu hàng không”.

Năm 1952, ra khỏi quân ngũ David thi vào trường Lincolnh ở Oxford, lại bắt tay vào học tiếng Đức. Thời gian theo học ở trường David vẫn làm cho các cơ quan tình báo và có nhiệm vụ thu thập tin tức mật báo về các phần tử cánh tả tích cực trong sinh viên. Ông làm điều này hoàn toàn tự giác vì ông cho là tư tưởng và hành động của những người cánh tả là phi đạo đức và có hại. Vào năm 1954 David học hết năm thứ hai, nhưng buộc phải bỏ học vì ông bố đã khánh kiệt và phải tuyên bố vỡ nợ. Sau một

thời gian đi làm giáo viên kiếm sống, năm 1956 David lại quay về trường tiếp tục học. Cũng lúc này ông lấy vợ. Năm 1958 David lại bỏ học: "Tôi thấy mình bị lôi cuốn vào cuộc chiến xã hội". David cảm thấy bị tổn thương vì vương quốc Anh một thời làm chủ thế giới nay bị sụp đổ ngay trước mắt ông. "Tất cả mọi thứ đều đã sụp đổ, chẳng còn gì nữa, vĩnh biệt thế giới." - Tâm trạng của David lúc ấy là như vậy.

Ngay từ khi còn đi học David đã nỗ lực thi vào làm ở Bộ Ngoại giao. Sau bao trở lực bởi thói quan liêu, David đã đạt được mong muốn. Nhiệm vụ đầu tiên tại Bonn của David là hoạt động trong đường dây MI-5 của Maxwell Night nổi tiếng bởi chiến dịch thâm nhập vào Đảng cộng sản Anh thời kỳ giữa hai cuộc thế chiến. Bản thân David (khi đã là nhà văn Le Carre) phủ định chuyện ông là "điệp viên", song các cuốn tra cứu đáng tin cậy của Anh lại khẳng định chuyện đó. Cựu giám đốc Cục Tình báo William Conbi thì thấy các cuốn sách của Le Carre phản ánh thật chính xác hoạt động tình báo và chỉ có người trong ngành mới có thể viết chân thực đến thế. Trong cuốn tra cứu *Các điệp viên Anh* đã chỉ rõ từ MI-5 Le Carre đã được chuyển sang SIS và sau khi học xong khóa tình báo ở trại Sarrat-lake đã được cử học tiếp một khóa đào tạo nữa ở Scotland.

*** Trở thành nhà văn và liên tiếp gặt hái những thành công**

Mùa hè năm 1961, David được bổ nhiệm làm Bí thư thứ hai sứ quán Anh ở Bonn. Ông ở đó khi bức tường Berlin được dựng lên. Sau này ông thường đến Berlin công tác và

đã thuật lại trong cuốn *Điệp viên đến từ băng giá*. David bây giờ là nhà văn, song cán bộ Ngoại giao không được phép in sách với tên thực, nên năm 1961 ông bắt đầu lấy bút danh là “Trang Sprit”, sau này nổi tiếng với tên Le Carre. Cuốn sách đầu tay *Tiếng gọi tới những người chết* không được ai biết đến, cuốn thứ hai *Tên giết người chuyên nghiệp* năm 1962 cũng vậy. Mãi tới cuốn thứ ba *Điệp viên đến từ băng giá* mới nổi danh và là một cuốn sách ăn khách nhất. Báo chí bắt đầu nói tới ông, gọi David là người “đã phanh phui hồ sơ mật của Châu Âu”, là tác giả của “Lịch sử tình báo qua tư liệu” và nhấn mạnh là chỉ có người biết rõ “trực tiếp” về tình báo mới viết được như thế. Bí ẩn của bút danh đã gây ra làn sóng đầu cơ trong báo chí. Các sách của ông được ấn hành với số lượng lớn. Năm 1963, chỉ trong có hai tuần ở Mỹ đã bán được 70 ngàn cuốn. Năm 1964, Le Carre thôi làm việc ở Bộ Ngoại giao. Cuốn *Điệp viên đến từ băng giá* được giải thưởng cao quý Somerset Moem cho truyện hình sự. Ông được tạm ứng 50 ngàn stéclinh cho cuốn *Chiến tranh phản chiếu* và trở thành một người giàu có. Phim ảnh được dựng theo truyện của ông với sự tham gia của các ngôi sao. Sách của ông được tái bản hai - ba năm một lần. Cuốn sách nổi tiếng nhất - cuốn *Điệp viên lý tưởng* - được xuất bản năm 1986.

Cùng với thời gian các quan điểm của Le Carre cũng thay đổi. Ông đã “tả hóa”: đã tham gia chiến dịch chống chiến tranh hạt nhân, lên tiếng phê phán gay gắt đường lối của chính phủ Israel ở vùng Cận Đông (thậm chí David còn bị buộc tội đã tuyên truyền cho “Mặt trận giải phóng dân tộc của Palestine”). Ông lên án vụ chính phủ Israel can thiệp

vào Liban năm 1982, cũng năm ấy ông tuyên bố luôn luôn bỏ phiếu cho Đảng Xã hội. Cuối những năm 80 Le Carre đã vài lần tới Nga. Trong cuốn “Ngôi nhà Nga” ông cũng viết về hoạt động tình báo, đã thấy niềm tin của tác giả vào sự thay đổi theo chiều hướng tốt lên của các mối quan hệ Đông-Tây. Ông cũng bày tỏ hy vọng của mình khi trả lời phỏng vấn của báo “Văn học” vào tháng 4 năm 1989. Cũng cần nói thêm rằng ngay khi ấy ông đã nói là sau “chiến tranh lạnh” các Cục Tình báo cần thể hiện được những sự thay đổi mà cuộc sống cũng như thời đại đã đưa lại ở phương pháp, hình thức và mạng lưới hoạt động của mình.



Một số tác phẩm của John Le Carre

Ý kiến của các chuyên gia tình báo về các tác phẩm của Le Carre rất khác nhau. Giám đốc Cục Tình báo quân sự Israel cho rằng đó là những cuốn sách giáo khoa không chính thức cho các điệp viên. Còn theo con trai của Richard Hemmer thì giám đốc Cục Tình báo, người vốn rất ái mộ Ian Fleming, lại rất ghét Le Carre. Thậm chí một đồng nghiệp tình báo Anh của Le Carre còn mắng vào mặt ông: “Đồ súc sinh! Đồ quái thai!”.

Điệp viên Nga Kim Philby cũng không thích “Điệp viên

đến từ băng giá”. Trong lá thư gửi vợ năm 1963 ông viết: “Thật dễ chịu sau khi xem những chuyện ngớ ngẩn về điệp viên 007 James Bond, được đọc một cuốn viết có tính chuyên nghiệp về tình báo. Tuy nhiên cốt truyện và tình tiết từ đầu đến cuối hoàn toàn khó tin và sự bịa đặt không đúng sự thật ấy luôn lộ ra ít nhất là đối với những người biết rõ và am hiểu thực tế về hoạt động tình báo”. Có lẽ không ở đâu ngoài kho lưu trữ của Cục Tình báo Anh có lưu giữ tư liệu khẳng định hoạt động của điệp viên Le Carre. Trong bài viết này của chúng tôi cũng vậy, Le Carre không phải là một điệp viên bậc thầy, mà chỉ là một tác giả bậc thầy về đề tài tình báo. Chắc là Le Carre đã viết về chính hoạt động của ông và các đồng sự của mình. Tuy nhiên, xung quanh các tác phẩm của ông có rất nhiều ý kiến đánh giá khác nhau. Người thì cho rằng đó là cuốn sách giáo khoa không chính thức dành cho các điệp viên, kẻ lại cho rằng đó chỉ là sự bịa đặt. Song dù gì đi nữa, Le Carre đã làm giàu nhờ chính tài năng viết sách trinh thám của mình. Sách của ông thậm chí đã được bán 70 nghìn cuốn chỉ trong có hai tuần lễ.

MỤC LỤC

✧ <i>Lời giới thiệu</i>	5
✧ DANIEL DEFOE	
Nhà buôn - người viết sách - tên do thám	7
✧ BEAUMARCHAIS	
Nhà văn điệp viên và những cuộc phiêu lưu	17
✧ LAFAYETTE BAKER	
Điệp viên đầu tiên thời nội chiến nước Mỹ	25
✧ CHARLES LUSETO	
Sự nghiệp lên trang sách	30
✧ WILLIAM SOMERSET MAUGHAM	
Nhà văn Anh và kế hoạch cứu chính phủ Kerenxki (Nga)	36
✧ RICHARD SORGE	
Siêu điệp viên của tình báo Xô Viết	45
✧ ERNEST HEMINGWAY	
Bậc thầy gián điệp nghiệp dư	57
✧ GRAHAM GREENE	
Tác giả của những cuốn “sách giáo khoa cho các điệp viên”	65
✧ JOSEPHINE BAKER	
Nữ điệp viên nghệ sĩ	73
✧ DOIA VOSCVEXEXKAIA RUBKINA	
Từ điệp viên đến nghệ văn	84
✧ IAN FLEMING	
Cha đẻ của điệp viên 007 James Bond	91

✧ KIM PHILBY	
Điệp viên thâm nhập sâu	102
✧ PHẠM NGỌC THẢO	
Người anh hùng tình báo Việt Nam	116
✧ OVIDI GORTRACOV	
Điệp viên nhà văn huyền thoại	132
✧ PHẠM XUÂN ẨN	
Nhà báo - điệp viên hoàn hảo	137
✧ JOHN LE CARRE	
Nhà văn bậc thầy về nghề điệp viên	184